Alexander Grin

# Cánh Buồm Đỏ Thắm

# THE SCARLET SAILS

(Song ngữ Anh - Việt)

Dịch giả: Ngô Thanh Tâm

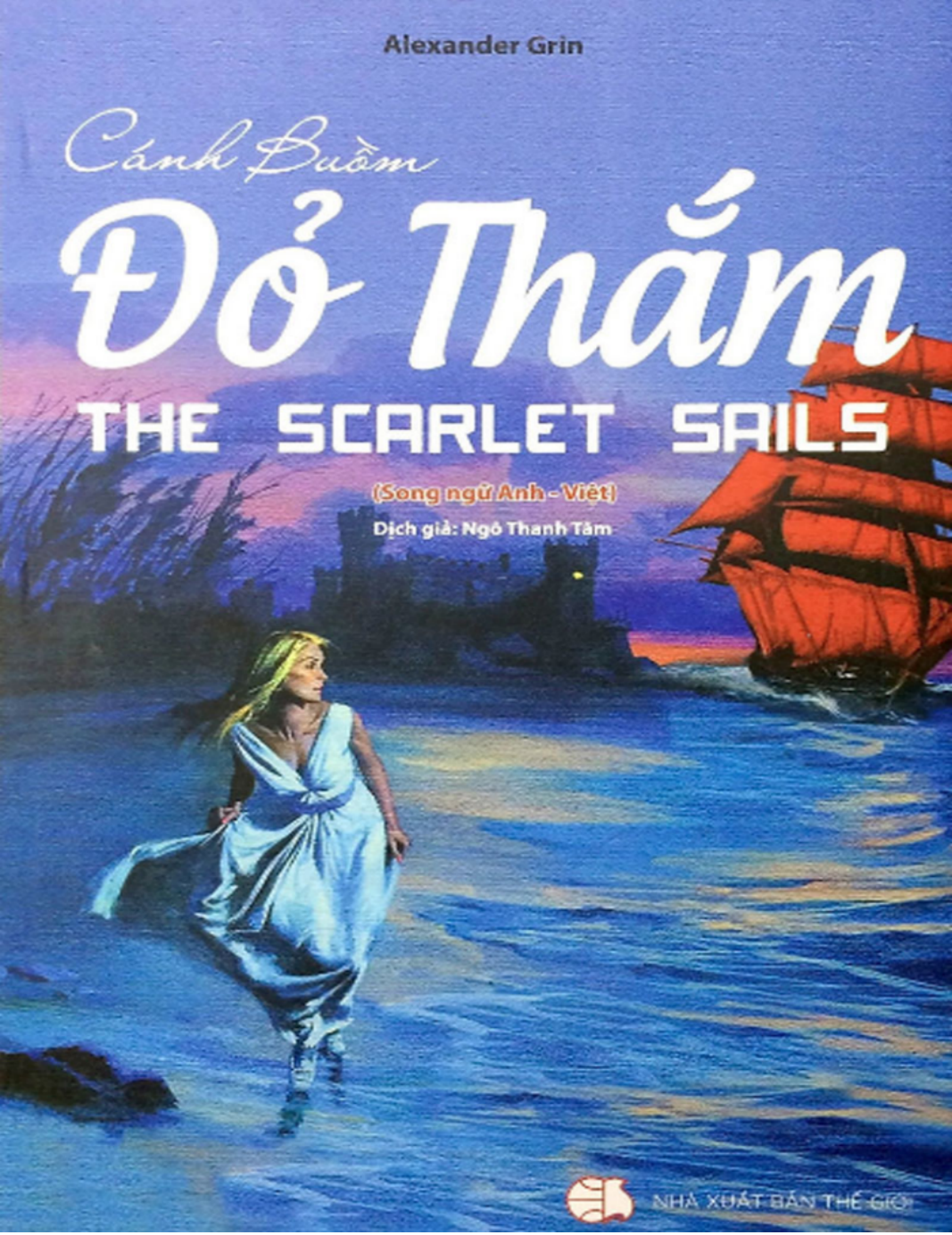

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

# Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số*
*dành cho*
*Kindle & Kobo*

SCAN TO JOIN

# PHẦN TIẾNG VIỆT

# I
# LỜI TIÊN TRI

Longren, thủy thủ kì cựu mười năm trên tàu Orion trọng tải ba trăm tấn, gắn bó với con tàu còn hơn quần mẹ, giờ đây buộc lòng phải thôi việc lên bờ.

Chuyện là thế này. Một bận trở về nhà trong một chuyến nghỉ phép hãn hữu, từ xa xa Longren không còn trông thấy bóng người vợ trẻ Mary đứng bên ngưỡng cửa đưa tay vẫy, rồi chạy gằn bước đến tức thở lại đón ông như thường lệ. Thay vào chỗ nàng là bà hàng xóm đang thổn thức đứng bên chiếc nôi bé tí tẹo đựng một vật lạ dưới mái nhà bé nhỏ của họ.

- Tôi trông nó ba tháng nay rồi đấy, ông bạn ạ, - bà bảo. - Hãy nhìn con gái ông đi này.

Sững sờ, Longren cúi xuống cái sinh linh tám tháng tuổi đang trân trân nhìn bộ râu quai nón xồm xoàm của ông, rồi ông ngồi phịch xuống, cúi đầu, vắt cặp ria mép ướt đẫm nước mưa.

- Mary mất khi nào? - Ông hỏi.

Bà hàng xóm kể lại câu chuyện thê thảm, chốc chốc lại ngừng để nựng nịu đứa nhỏ thường kia đối với người thiếu phụ đã vĩnh viễn đi vào cõi mịt mờ chẳng ai biết ấy sẽ vẫn và để quả quyết rằng lúc này Mary đang ở trên Thiên đường.

Khi nghe hết sự tình, Thiên đường đối với Longren xem ra chẳng sáng sủa hơn một túp lều gỗ là bao. Ông cho rằng, giá giờ đây ba người bọn họ được ở bên nhau, có lẽ ánh đèn dầu tầm thường cứ là một niềm hân hoan không gì thế chỗ nổi.

Ba tháng trước, tình cảnh người mẹ trẻ thật là cơ cực. Số tiền ông

Longren để lại đã phải tiêu mất một nửa cho bệnh hậu sản, rồi còn phải nuôi nấng đứa trẻ mới ra đời. Cuối cùng, sự thâm hụt không thể bù đắp đã khiến Mary phải cất lời hỏi vay tiền của chủ quán rượu Menners, người được coi là khá giả trong vùng.

Khoảng sáu giờ chiều, Mary tìm đến nhà gã chủ quán. Gần bảy giờ, người kể lại chuyện gặp nàng gần nơi cổng thành Liss. Mary thẫn thờ, nước mắt lưng tròng. Nàng bảo phải vào thành phố để cầm chiếc nhẫn cưới. Nàng nói thêm rằng, Menners sẽ đồng ý cho vay tiền nếu nàng để cho lão yêu mình. Mary cầu khẩn mãi cũng vô ích.

- Nhà tôi chẳng còn gì mà ăn nữa,- nàng bảo bà hàng xóm, - tôi vào thành phố đây, mẹ con tôi sẽ tìm ra cách cầm cự cho đến khi chồng tôi trở về.

Buổi tối hôm ấy lộng gió và buốt lạnh. Người kể lại chuyện khuyên giải thế nào cũng không ngăn được nàng vào thành Liss lúc đêm hôm. “Chị sẽ bị cảm mất, Mary ạ. Trời đang mưa, lại gió nữa. Nhìn kìa, thế nào cũng có mưa rào mất thôi.”

Từ xóm duyên hải này vào thành phố, cả đi về phải mất ba tiếng đồng hồ đi bộ thật nhanh, nhưng Mary khăng khăng không chịu nghe. “Tôi làm phiền mọi người nhiều quá rồi - nàng nói - chẳng còn nhà nào là tôi không vay bột hay bánh mì. Tôi sẽ cầm cái nhẫn. Thế là ổn.”

Nàng ra đi, rồi trở về. Ngày hôm sau, nàng lên cơn sốt cao và chuyển sang mê sảng. Thời tiết xấu cùng gió ẩm đã làm nàng viêm phổi nặng, ông bác sĩ mà bà hàng xóm tốt bụng mời từ thành phố đến đã nói vậy. Một tuần sau, chiếc giường đôi của ông Longren còn lại trống không. Bà hàng xóm phải chuyển sang ở nhà ông để chăm sóc đứa nhỏ. Đối với kẻ góa phụ cô đơn như bà, điều này cũng không đảo lộn gì mấy. “Vả lại - bà nói thêm - không thì cũng buồn lắm.”

Ông Longren quay vào thành phố, lĩnh tiền công, chia tay với bạn bè thủy thủ để trở về nuôi nấng bé Assol bé bỏng. Khi cô bé còn đi chập chững, bà hàng xóm vẫn ở lại bên nhà họ, thay người mẹ chăm nom đứa con côi cút. Nhưng khi bé Assol đi vững, nâng được bước chân nhỏ xíu qua ngưỡng cửa, ông Longren quả quyết rằng, ông sẽ tự mình chăm lo được cho đứa con thơ. Sau khi ngỏ lời cảm ơn bà góa đã cảm thông, giúp đỡ cha con ông một thời gian dài vừa qua, ông khẳng định mình sẽ sống độc thân, dành hết tâm lực, tình yêu, hi vọng cùng hoài niệm cho cái sinh linh

nhỏ bé kia.

Mười năm bôn ba chẳng đem lại cho ông mấy của cải. Ông lại bắt tay vào làm việc. Chẳng bao lâu sau, những món đồ chơi ông làm xuất hiện trong khắp các cửa hiệu thành phố, nào là tàu, ca nô, thuyền một buồm, thuyền hai buồm, rồi cả những tàu thủy, chiến hạm... Tóm lại, là những thứ mà khi làm chúng, ông cảm thấy công việc có thể thay thế phần nào cho cuộc sống ồn ào bên trên boong tàu cùng công việc biển khơi xiết bao ngoạn mục. Công việc này giúp ông Longren kiếm vừa đủ cho cuộc sống tằn tiện. Là người bản tính ít giao du, sau khi vợ chết, ông lại càng thu mình, và càng trở nên khép kín và ít giao du hơn. Vào các dịp lễ hội, thi thoảng ông cũng xuất hiện trong quán rượu, nhưng chẳng bao giờ ngồi lại, chỉ đứng uống vội một cốc vodka rồi đi luôn, ném ra xung quanh những câu "vâng"; "không"; "xin chào"; "tạm biệt"; "cũng tàm tạm"... Cụt lủn để đáp lại những câu chào, những cái gật đầu của hàng xóm láng giềng. Ông không chịu được khách khứa, thường đuổi khéo họ bằng những ám chỉ, lí do lí trấu tự nghĩ ra, khiến khách đến chơi chẳng có cách nào khác là phải tìm cớ để không nán lại lâu, bản thân ông cũng chẳng thăm viếng ai bao giờ. Do vậy, giữa ông và những người trong vùng duy trì một mối quan hệ lạnh nhạt. Và dù công việc của ông - làm đồ chơi - chẳng liên quan mấy đến mọi sinh hoạt trong vùng, ông cũng không thể không nhận thấy hậu quả của mối quan hệ này. Hàng hóa nhu yếu, đồ ăn dự trữ ông đều mua trong thành phố - Menners chẳng bán được gì cho ông, dù một que diêm nhỏ. Ông tự đảm đương mọi việc nội trợ và nhẫn nại mày mò cái nghệ thuật nuôi nấng đứa con gái nhỏ - thứ công việc chẳng phải là thiên chức của người đàn ông.

Assol đã lên năm. Người cha bắt đầu nở nụ cười ngày thêm dịu dàng mỗi khi ngắm nhìn gương mặt nhỏ nhắn linh hoạt và hồn hậu của đứa con gái khi nó ngồi lên gối cha, bận bịu khám phá chiếc áo gilê cài kín cúc của ông, hoặc cất tiếng hát một cách ngộ nghĩnh những bài hát thủy thủ, những khúc ca ầm ào hoang dã. Giọng con trẻ ngọng líu ngọng lô khiến những khúc hát giống như một chú gấu thắt những dải nơ xanh đang nhảy múa. Thời gian này đã xảy ra một chuyện mà bóng đen của nó phủ kín người cha, trùm lên cả đứa con.

Một hôm, thằng Hin - đứa con mười hai tuổi của Menners - trông thấy chiếc thuyền của cha nó bị nước cuốn đập vào chân cây cầu nhỏ và vỡ mạn thuyền nên lập tức chạy về mách cha nó. Cơn bão vừa kéo tới, Menners đã quên không kéo thuyền lên bãi cát. Lão chạy vội ra phía biển, còn kịp nhìn thấy ông Longren đang đứng

hút thuốc ở rìa đập chắn sóng, quay lưng về phía lão. Trên bờ, ngoài hai người họ ra, chẳng có một ai. Menners đi dọc theo chiếc cầu, đến giữa cầu, lão tụt xuống dòng nước đang cuồn cuộn điên cuồng và cố tránh dòng xoáy của nó.

Leo được lên thuyền rồi, lão loay hoay tìm cách vào bờ, tay vẫn bám chặt vào một chân cầu. Lão quên không mang theo mái chèo, và chính vào khoảnh khắc khi lão rời tay khỏi chân cầu này để với sang chân cầu tiếp theo, một cơn lốc mạnh đã xoáy mũi thuyền của lão ra khơi. Giờ đây, dù thân hình dài nghêu, lão cũng chẳng làm sao với nổi tới cái chân cầu gần nhất. Sóng và gió vần vũ, dần đẩy chiếc thuyền ra khơi xa nguy hiểm. Hiểu rõ tình cảnh của mình, Menners toan nhảy xuống nước hòng bơi thoát thân vào bờ, nhưng lão quyết định quá muộn, bởi chiếc thuyền đã bị cuốn đến gần đập chắn sóng, nơi nước sâu đáng kể và những đợt sóng mạnh dẫn đến cái chết không tránh khỏi. Menners đang bị cuốn dần xa khơi xa giông gió còn cách Longren chừng mười sazhen[1], ở khoảng cách ấy vẫn còn có thể cứu được bởi trên cầu có treo một cuộn dây neo bằng chão bện. Cuộn chão treo ở đó để phòng khi trời giông bão có thể quăng xuống cứu hộ từ trên cầu.

---

[1] *Sazhen = 2,134m*

---

- Longren! - Menners đang sợ hãi đến chết khiếp gào gọi. - Sao anh đứng đực ra thế? Không nhìn thấy tôi bị cuốn đi sao? Quăng dây neo ra đây!

Ông Longren lặng thinh, bình thản nhìn Menners đang cuống quýt trên con thuyền, chỉ có chiếc ống tẩu của ông càng nhả khói tợn hơn và ông thong thả rút nó ra khỏi miệng để nhìn mọi sự đang diễn ra rõ ràng hơn.

- Longren! - Menners lại gọi. - Anh có nghe tiếng tôi không? Tôi sắp chết rồi đây, cứu tôi đi!

Nhưng ông Longren không đáp một lời, dường như ông không nghe thấy những tiếng gào thét tuyệt vọng đó. Ông chẳng thèm đổi chân chừng nào chiếc thuyền còn chưa bị cuốn ra xa, đến độ hầu như không còn nghe thấy tiếng gào thét của Menners nữa. Menners rền rĩ trong nỗi kinh hoàng, van nài người thủy thủ chạy đi cầu cứu đám chân dài, hứa hẹn tiền bạc, rồi đe dọa, rồi nguyền rủa, nhưng ông Longren chỉ tiến đến sát hơn nữa rìa đập chắn sóng cho tầm mắt khỏi bị khuất bóng con thuyền đang lăn lộn

giữa sóng nước.

- Longren, - tiếng kêu cứu âm âm như từ trên mái dội xuống lòng nhà, - cứu tôi với!

Khi đó, hít một hơi thật sâu vào lồng ngực, Longren quát thật to để gió không thể cuốn bay một lời nào ông phát ra:

- Cô ấy đã van xin mày như thế! Mày hãy nhớ để đời và chớ có quên!

Khi đó, tiếng kêu cứu câm bặt và Longren quay trở về nhà. Khi Assol tỉnh giấc, nó thấy cha mình đang ngồi chìm đắm trong suy tư bên ngọn đèn dầu thoi thóp. Nghe tiếng con gái gọi, ông hôn con âu yếm và đắp lại chăn cho nó.

- Ngủ đi con yêu, - ông nói, - trời còn lâu mới sáng.

- Cha làm gì đấy?

- Cha vừa làm một thứ đồ chơi xấu xa, Assol ạ! Thôi ngủ đi con!

Ngày hôm sau, dân tình ở Kaperna bàn tán xôn xao về chuyện Menners bị bão cuốn đi mất tích. Đến ngày thứ sáu thì người ta đem được lão về, dở sống dở chết và tràn đầy cay cú. Câu chuyện về lão nhanh chóng bay đến mọi ngõ ngách thôn làng. Menners bị cuốn đi mãi đến tận chiều tối, đúng lúc chiếc thuyền bị những con sóng quật cho rách nát và thủng đáy chỉ chực hất lão chủ quán đang phát điên xuống biển khơi thì lão được chiếc tàu thủy Lucretia trên đường đến Kasset vớt lên. Cơn cảm hàn và nỗi kinh hoàng khủng khiếp đã giết chết Menners. Lão gắng cầm cự được khoảng bốn mươi tám tiếng đồng hồ, luôn miệng nguyền rủa Longren sẽ phải chịu mọi tai ương có trên đời cùng những hiểm họa lão còn kịp nghĩ ra. Câu chuyện của Menners - rằng thủy thủ Longren đứng xem lão chết mà không cứu - được minh họa hùng hồn thêm bởi hơi thở nặng nhọc cùng những tiếng rên rỉ của kẻ hấp hối đã khiến dân chúng ở Kaperna sửng sốt, kinh hoàng. Thôi nói đến chuyện ít người trong bọn họ còn có khả năng nhớ được sự lăng nhục nặng nề mà Longren phải chịu, phải mang nỗi đau khủng khiếp đến hết đời như Longren phải đau về người vợ Mary, - họ cảm thấy gớm guốc không thể hiểu nổi, họ sững sờ bởi Longren đã im lặng. Im lặng, đến những câu cuối cùng ông ném theo Menners. Longren đứng, đứng không động đậy, nghiêm khắc và lặng thinh, như một quan tòa, biểu thị sự khinh bỉ đối với Menners. Sự lặng thinh của ông còn hơn cả lòng căm hận, ai ai cũng cảm nhận được. Nếu như ông gào thét lên, biểu thị cử chỉ,

hoặc làm ra vẻ hoan hỉ đầy ác ý, thậm chí là một hành động gì đó như sự đắc ý trước cảnh tuyệt vọng của Menners, đám dân chài còn có thể hiểu được. Nhưng ông lại làm khác hẳn những gì họ vẫn làm, ông đã hành động không cách gì hiểu nổi, khiến bản thân đứng cao hơn tất thảy mọi người. Tóm lại, Longren đã làm cái điều không thể tha thứ được. Chẳng còn một ai chào hỏi ông, bắt tay ông, thậm chí đánh cái nhìn quen biết về phía ông nữa. Ông vĩnh viễn bị bỏ lại hẳn trong mọi sinh hoạt của xóm làng. Đám trẻ con luôn kêu tướng lên theo ông mỗi bận nhìn thấy ông: "Longren dìm chết Menners!". Ông chẳng thèm để tâm đến những điều đó. Cũng như ông chẳng hề nhận thấy nơi quán rượu, bên bờ biển, giữa các con thuyền, đám dân chài ngừng chuyện trò khi ông lại gần, rồi bỏ đi chỗ khác như tránh một con bệnh dịch hạch. Chuyện xảy ra với Menners càng củng cố vững chắc mối quan hệ lạnh nhạt trước đó giữa họ và Longren. Như chén nước tràn, lòng hận thù chắc chắn từ hai phía nảy sinh, trùm bóng lên cả bé Assol.

Cô bé lớn lên không có bạn gái. Hai, ba chục đứa trẻ cùng trà với cô ở Kaperna đã chịu nếp dạy dỗ khắc nghiệt từ khi còn đỏ hỏn, như miếng bọt biển, thấm nhuần triệt để rằng uy tín của các bậc sinh thành là bất di bất dịch. Chúng tuân phục điều đó như mọi đứa trẻ trên thế gian và đương nhiên đã gạt bỏ vĩnh viễn Assol bé nhỏ khỏi vòng quan tâm và che chở của mình. Định kiến ấy, tất nhiên dần dà được nhồi nhét vào đầu óc chúng bởi những tiếng quát nạt cùng với sự cấm đoán gắt gao của người lớn, rồi sau đó những điều ong tiếng ve, những lời đồn đại nhảm nhí bị thổi phồng lên quá đáng lại gieo vào đầu óc lũ trẻ một niềm khiếp đảm về ngôi nhà của người thủy thủ nọ.

Thêm nữa, cách sống khép mình của ông Longren càng như chắp thêm cánh cho miệng lưỡi ngông cuồng của sự đơm đặt. Dân tình xì xào rằng, gã thủy thủ đã phạm tội giết người ở đâu đó, vậy nên gã mới bị đuổi khỏi tàu, bản thân gã u ám và lánh đời vì rằng gã "đang bị lương tâm giày vò bởi tội lỗi đã phạm phải." Bọn trẻ đang chơi đùa thường xua đuổi Assol mỗi khi cô bé mon men lại gần chúng, rồi còn ném rác bẩn về phía cô bé, chòng ghẹo rằng cha nó hình như từng ăn thịt người, còn bây giờ thì đang đúc tiền giả. Mọi cố gắng thơ ngây nhằm xích lại gần của cô bé luôn kết thúc bằng những giọt nước mắt cay đắng, những vết thâm tím, bầm xước và các biểu hiện khác của định kiến xã hội. Cuối cùng cô bé đã thôi giận hờn, nhưng đôi khi vẫn hỏi người cha:

- Cha ơi, vì sao mọi người không yêu cha con mình?

- Ồ, Assol ơi, - ông Longren nói, - họ mà biết yêu ư con? Phải biết

yêu đã con ạ, mà cái đó thì họ đâu có biết.

- Thế là sao ạ, biết yêu ấy?

- À, là thế này đây!

Ông cầm tay cô bé và hôn chụt lên đôi mắt rầu rĩ của nó, đôi mắt lúc này đã nheo tít lại bởi niềm hân hoan dịu dàng.

Trò yêu thích của Assol là vào các buổi chiều tối hay dịp lễ, khi cha nó đã gác các thứ hộp giấy, hồ dán, đồ nghề làm việc cùng những công việc còn dang dở sang một bên, tháo bỏ tạp dề, ngồi xuống nghỉ ngơi với chiếc tẩu trên môi, nó sẽ sà đến ngồi lên đùi cha, cựa quậy trong vòng tay ông, sờ mó từng bộ phận của từng món đồ chơi, hỏi cặn kẽ ý nghĩa của từng thứ đó. Thế là bắt đầu một bài giảng huyễn tưởng về cuộc sống và con người mà nền tảng chủ yếu dựa vào những sự kiện đã xảy ra đến trong cuộc sống trước đây của ông Longren, đều là những câu chuyện kì lạ, khác thường. Ông Longren dạy cho cô bé biết tên gọi của các loại chão thừng, cánh buồm, những đồ nghề đi biển; dần dần bị cuốn hút, ông chuyển từ giảng giải sang mô tả tỉ mỉ đủ kiểu các tình tiết, trong đó nhân vật chính khi thì bánh lái, lúc lại là cột buồm hay một kiểu thuyền nào đó, hoặc đang từ những minh họa riêng rẽ ông chuyển sang mô tả bức tranh toàn cảnh hùng vĩ của cuộc đời phiêu bạt nơi biển khơi, lẫn lộn giữa hiện thực với dị đoan, có khi hiện thực lại biến thành những huyễn ảnh trong trí tưởng tượng. Từ đây, xuất hiện giống mèo cọp mang điềm báo đắm thuyền; giống cá bay biết nói nếu không nghe lời tiên báo của chúng sẽ không tránh khỏi tiêu ma vì mất phương hướng; và truyền thuyết về người Hà Lan bay song hành cùng bộ sậu điên cuồng của nó, rồi thì những điềm báo, ma quỷ, tiên ngư hay cướp biển… Tóm lại là tất cả những chuyện hoang đường được bịa ra để giết thời gian của đám thủy thủ trong những ngày biển lặng hay nơi quán rượu họ ưa thích. Ông Longren còn kể về những kẻ đắm tàu, những người rừng quên cả tiếng nói, những kho báu bí hiểm, những cuộc nổi loạn của tù khổ sai và nhiều thứ chuyện khác nữa… Khiến cô bé chăm chú say sưa lắng nghe còn hơn cả khi người ta lần đầu nghe chuyện Comlumbus khám phá ra miền đất mới. “Nào cha, cha kể nữa đi!” - Assol đòi khi ông Longren mải nghĩ ngợi đến quên cả kể chuyện và rồi cô bé gối đầu lên ngực cha, ngủ thiếp đi cùng với những giấc mơ kì diệu.

Cuộc viếng thăm của người lấy hàng từ cửa hiệu đồ chơi trong thành phố cũng là một niềm vui rất đáng kể đối với bé Assol. Người này luôn sẵn lòng mua hết mọi thứ đồ chơi ông Longren

làm. Để lấy lòng người cha và để việc mua bán được dễ dãi, ông này thường đem đến cho cô bé đôi trái táo, cái bánh nướng ngọt hoặc một nắm hạt dẻ. Longren vốn không thích cò kè, thường nói luôn giá bán, còn người lấy hàng lại luôn xin hạ bớt. “Ê cái nhà anh này, - ông nói, - tôi mất cả tuần để làm chiếc thuyền này đấy. (Chiếc thuyền dài đến năm inch). Nhìn đây, chắc chắn thế này, phần chìm thế này, chất lượng thế này. Có thể chở mười lăm người trong bất kì thời tiết nào.”

Cuối cùng, vẻ xăng xái của đứa bé, tiếng nó nhai táo rôm rốp đã đánh tan sự cứng rắn của người cha và ông Longren đành nhượng bộ. Rồi người lấy hàng ra về, xách theo một giỏ đầy những đồ chơi chắc chắn và tuyệt đẹp, giấu nụ cười mủm mỉm sau bộ ria mép.

Ông Longren tự làm mọi việc trong nhà: Bổ củi, lấy nước, nhóm lò, nấu ăn, giặt giũ, là quần áo, và ngoài những việc đó ra, ông vẫn kịp có thời gian để kiếm tiền. Khi bé Assol tám tuổi, người cha dạy cho nó biết đọc, viết. Thỉnh thoáng ông bắt đầu đưa nó đi cùng vào thành phố, sau đó thậm chí ông còn cho nó tự đi một mình nếu cần giật nóng tiền ở một cửa hiệu hay đưa hàng. Những dịp như thế không nhiều lắm. Dù Liss chỉ cách Kaperna có bốn dặm nhưng đường đi phải qua rừng, mà ở trong rừng thì thiếu gì thứ để nhát trẻ con, chưa kể những bất trắc, va vấp; thực ra khó mà xảy ra chuyện trong một khoảng cách gần như vậy, nhưng cứ phòng xa vẫn hơn. Vì thế, chỉ vào những buổi ban mai thật đẹp trời, đường rừng ngập tràn nắng, không gian yên ắng đầy hoa nở, không có mảy may một nguy cơ nào có thể đe dọa bé Assol mong manh, ông Longren mới cho bé tự đi vào thành phố.

Một bận trong những chuyến du hành ấy, Assol ngồi xuống bên đường để nhấm nháp miếng bánh nướng - bữa sáng bé mang theo trong chiếc giỏ xách tay. Vừa ăn bé vừa xem lại những món đồ chơi trong giỏ, có hai, ba thứ, gần như mới tinh đối với nó - ông Longren vừa làm xong chúng đêm qua. Một thứ mới đó là chiếc thuyền buồm xinh xắn, con thuyền trắng mang những cánh buồm đỏ thắm được cắt từ những miếng lụa ông Longren dùng để dán vào các buồng tàu thủy - một món đồ chơi dành cho những vị khách sẵn tiền. Rõ ràng khi làm chiếc du thuyền, ông Longren không tìm ra thứ vải thích hợp làm cánh buồm nên ông đành có gì dùng nấy - những mảnh lụa đỏ này vậy.

Assol rất đỗi trầm trồ. Mảnh sáng tươi rói cháy rực trên tay cô bé như thể cô đang cầm một ngọn lửa. Con đường cắt ngang qua dòng suối nhỏ bằng một cây cầu lênh khênh. Dòng suối đổ vào rừng từ cả hai phía phải, trái. “Nếu mình thả nó xuống nước, nó sẽ

bơi được nhỉ, - Asslo thầm nghĩ, - nó sẽ không ướt đâu, rồi mình sẽ lau khô nó mà." Cô bé xuống cầu, men theo dòng chảy của con suối rồi đi vào rừng. Cô thận trọng thả con thuyền đẹp mê hồn xuống làn nước ngay cạnh bờ. Những cánh buồm buông ngay những cái bóng đỏ thắm xuống mặt nước trong văn vắt. Ánh sáng xuyên qua lần vải phóng những khúc xạ hồng rung rinh xuống đáy nước trải đầy sỏi trắng. "Ngài từ đâu tới, thưa thuyền trưởng?" Assol nghiêm mặt trịnh trọng hỏi, rồi lại tự trả lời: "Tôi từ...từ Trung Hoa tới." "Ông chở gì đến vậy?" "Thứ tôi chở đến, không thể tiết lộ được." "Ồ, ông thật là, thuyền trưởng! Hừ, đã thế tôi cho ông trở lại cái giỏ này vậy." Đúng lúc viên thuyền trưởng tính chuyện giảng hòa, trả lời rằng ông ta chỉ định đùa một chút thôi và sẵn lòng cho cô xem một chú voi, thì một dòng nước ngầm ở gần bờ xoay mũi chiếc thuyền, đẩy nó ra giữa suối. Như một chiếc thuyền thực thụ đã căng buồm, nó phăm phăm rời bờ, lao theo dòng chảy. Bỗng chốc, cảnh vật xung quanh đổi khác hoàn toàn: Dòng suối, với cô bé, giờ đây biến thành một con sông rộng, còn chiếc du thuyền biến thành con tàu khổng lồ xa tít mù tắp. Hấp tấp trong hoảng hốt, cô bé chìa tay ra, suýt ngã xuống nước: "Thôi thuyền trưởng, hỏng rồi," - cô nghĩ bụng và vội chạy theo món đồ chơi đang trôi đi mất, lòng hi vọng nó sẽ tạt vào bờ ở đâu đó. Vội vã tha chiếc giỏ không mấy nặng nhưng khá vướng víu, Assol miệng nhắc đi nhắc lại: "Ôi trời, sao lại thế này..." Cô bé cố không để khuất bóng những cánh buồm xinh đẹp hình tam giác đang vèo vèo trôi đi, nó vấp dúi dụi, ngã nhào rồi lại vùng dậy đuổi theo.

Assol chưa bao giờ vào sâu trong rừng như lần này. Cô bé muốn vớt lại được cái đồ chơi thật mau nên chẳng ngó ngàng ra xung quanh; dọc con suối Assol đang chạy cũng đã có đủ mọi vật cản trở thu hút sự chú ý của nó rồi. Những cành cây đổ tua tủa chắn ngang những hố hốc, từng đám dương xỉ, tầm xuân, phi tử, nhài thi nhau cản bước, chạy qua được chúng, cô bé đuối sức dần nên chốc chốc lại phải tạm dừng để lấy hơi và gạt khỏi mặt những tấm mạng nhện dấp dính. Ra đến khoảng đất rộng hơn, nơi đầy cỏ lác và lau sậy, Assol đã hoàn toàn mất hút bóng dáng của những cánh buồm đỏ rực. Nhưng khi chạy đến khúc quanh của dòng chảy, cô bé lại nhìn thấy chúng đang phăm phăm trôi dần đến mất hút. Lúc này Assol mới đưa mắt nhìn ra xung quanh, cảnh rừng sặc sỡ ngút mắt đắm mình trong những cột sáng quẩn hơi nước xiên qua kẽ lá đang bị thay thế bởi những khoảng tối mơ màng khiến cô bé kinh hoàng. Thoáng ngại ngần, nó chợt nhớ đến cái đồ chơi, bèn hít hà mấy hơi thật dài: "Ph-phù-phù", nó lại cắm đầu hối hả chạy.

Sau gần một giờ đuổi bắt vội vã đầy lo âu, Assol kinh ngạc rồi thở

phào nhẹ nhõm khi thấy cây cối trước mặt cứ thưa dần, đưa nó tới bờ vịnh nước xanh biếc in bóng những quầng mây và một con dốc phủ cát vàng óng ánh. Cô bé gần như ngã nhào xuống vì quá mệt. Đây đã là cửa con suối; lòng suối nông và không rộng, có thể nhìn rõ những viên đá xanh lam nằm dưới đáy nước, dòng chảy đổ ra, hòa vào biển, từ trên đỉnh dốc cát thoai thoải, nhấp nhô, Assol trông thấy, trên một phiến đá lớn bằng phẳng bên suối, một người ngồi quay lưng về phía cô, tay đang cầm chiếc thuyền buồm vừa vớt được. Ông ta xem xét, ngắm nghía nó từ mọi phía, thích thú như một con voi vớ được một chú bướm nhỏ xinh. Tạm yên lòng vì cái đồ chơi vẫn còn nguyên vẹn, Assol trườn xuống dốc cát, đến gần người lạ mặt, chăm chú quan sát, đợi đến lúc ông ta ngẩng đầu lên. Nhưng kẻ lạ mặt này còn đang mải mê ngắm nghía cái tặng vật bất ngờ của rừng nên Assol có đủ thì giờ quan sát kĩ càng ông ta từ đầu đến chân và nhận ra rằng trước giờ nó chưa hề trông thấy ai như nhà ông này.

Trước mặt cô bé là Egle - nhà sưu tầm nổi tiếng thường chu du khắp thế gian, sưu tầm các câu chuyện cổ tích, các bài ca, các truyền thuyết, giai thoại lưu truyền trong dân gian. Những chùm tóc bạc rủ xuống khỏi mũ rơm; chiếc áo ngoài xám nhét trong quần xanh lá cây, đôi ủng cao cổ khiến ông trông giống một bác thợ săn; cổ áo sơ mi trắng toát, cà vạt, thắt lưng khảm bạc; cây ba - toong và chiếc túi có khóa mạ kền mới toanh chứng tỏ ông là người thành phố. Khuôn mặt của ông, nếu có thể gọi là mặt, gồm mũi, môi và mắt ló ra từ đám râu quai nón sum suê, từ bộ ria mép rậm rạp vểnh lên dữ tợn, sẽ đượm vẻ xanh xao bơ phờ nếu như không có cặp mắt xám màu cát, sáng rực như thép nguyên chất với cái nhìn quả cảm và mạnh mẽ.

- Bây giờ thì trả cho cháu đây, - cô bé rụt rè đòi. - Bác đã chơi với nó rồi mà, làm sao bác vớt được nó thế ạ?

Ông Egle ngẩng lên, để rơi cái thuyền buồm bởi giọng nói lo lắng của bé Assol đột ngột cất lên. Ông già thoáng đưa mắt quan sát cô bé, mỉm cười và chậm rãi vuốt chòm râu bằng bàn tay to tướng và gân guốc. Chiếc váy vải hoa bợt màu vì giặt nhiều không phủ kín hai đầu gối gầy gò rám nắng của cô bé. Mái tóc dày sẫm nằm gọn dưới chiếc khăn chéo thêu ren buông chấm vai. Từng nét trên khuôn mặt cô bé đều toát lên vẻ nhẹ nhõm và trong trẻo như cánh én liệng. Cặp mắt sẫm phảng phất nét buồn có vẻ già dặn hơn khuôn mặt trái xoan mềm mại không cân đối với làn da trắng hồng nay phủ một lớp rám nắng tuyệt đẹp. Cặp môi thanh hé mở sáng rực bởi nụ cười dịu dàng.

- Thể có Grim, Aesop và Andersen, - ông Egle nói, hết nhìn cô bé lại nhìn cái thuyền buồm, - đây là một thứ rất đặc biệt đấy! Nghe này, nhánh cỏ xinh của bác! Cái này của cháu đấy à?

- Vâng, cháu phải chạy hết con suối này vì nó đấy. Cháu tưởng đến chết mất, thì ra nó ở đây.

- Ngay dưới chân bác. Nạn đắm tàu là nguyên nhân để bác với tư cách một cướp biển trên cạn có dịp trao tặng cháu phần thưởng này. Con thuyền rời bỏ đội hình đã bị một con sóng ba chóp ném lên bờ cát, giữa gót chân trái và mũi gậy của bác đây. - Ông đập đập cây ba-toong. - Cháu tên là gì vậy hả cô nhóc?

- Assol ạ, - cô bé trả lời, cất ngay món đồ chơi ông Egle vừa trao vào giỏ.

- Tốt thôi, - ông già lại tiếp tục cách nói khó hiểu, không rời khỏi cặp mắt cô bé đang ánh lên nét cười cợt của một người bản tính thân thiện. - Thật ra bác cũng chẳng nhất thiết phải hỏi tên cháu. Cũng may là cái tên ấy nghe lạ lắm, nhịp nhàng, giàu âm điệu, cứ như tiếng rít của mũi tên bắn, hay là tiếng ngân vang trong ốc biển ấy. Ta còn biết làm gì nếu không thừa nhận cháu có một trong những cái tên đến là du dương nhưng cũng lại thông dụng không chịu được, hoàn toàn khác xa với điều kì diệu chưa - được - biết - đến. Thêm nữa, ta cũng chẳng mong muốn biết cháu là ai, cha mẹ cháu làm gì, cháu sống ra sao. Làm mất đi sự hấp dẫn làm gì cơ chứ? Ta ngồi đây, nghiên cứu trên phiến đá này, lần lượt so sánh những cốt truyện cổ tích của Phần Lan và Nhật Bản... Rồi bỗng nhiên dòng suối đưa chiếc thuyền buồm này đến, còn sau đó cháu hiện ra...Như thế này đây. Cháu xinh xẻo ạ, tự tâm hồn ta chính là một nhà thơ đấy, dù ta chẳng làm thơ bao giờ. Cháu có những thứ gì trong giỏ thế?

- Những chiếc thuyền nhỏ thôi ạ, - Assol nói, lắc lắc cái giỏ, - rồi tàu thủy nữa, và còn ba cái nhà có cắm cờ. Những chú lính sống trong đó.

- Tuyệt quá! Cháu được dặn phải đem chúng đi bán. Nhưng dọc đường cháu lấy chơi thử. Cháu thả cho cái thuyền bơi, còn nó thì chạy đi mất. Đúng không?

- Chẳng lẽ bác nhìn thấy? - Assol băn khoăn hỏi, cố nhớ lại xem mình có kể gì cho bác ta nghe không. - Ai nói với bác phải không ạ? Hay bác tự đoán ra?

- Bác biết hết.

- Sao bác lại biết được nhỉ?

- Bởi vì bác là ông Tiên thần thông quảng đại nhất mà lị.

Assol bối rối, khi nghe những lời trên của ông Egle, sự căng thẳng của nó chuyển sang thành nỗi khiếp sợ. Bãi biển hoang vu, sự vắng vẻ, cuộc rượt đuổi mệt mỏi với chiếc thuyền buồm, những câu nói khó hiểu của ông già có cặp mắt sáng ngời, bộ râu quá cỡ và mái tóc ánh thép khiến cho cô bé cảm thấy một sự pha trộn của thực tại và siêu nhiên. Lúc này chỉ cần ông Egle nhăn mặt hay quát lên một tiếng là cô bé sẽ bỏ chạy thục mạng, òa khóc và lả đi vì khiếp sợ. Nhưng ông Egle, nhìn thấy cặp mắt trố lên của cô bé, đã làm ngược lại hoàn toàn.

- Cháu không việc gì phải sợ bác, - ông nghiêm trang nói. - Ngược lại bác muốn trò chuyện chân tình với cháu đấy mà.

Đến lúc ấy, ông mới nhận ra điều gì trên gương mặt cô bé lại có thể gây ấn tượng sâu sắc đến thế cho ông: "Sự chờ đợi tự nhiên một điều kì diệu, một số phận tốt lành, - ông quả quyết. - A, tại sao ta sinh ra chẳng phải là một nhà văn nhỉ? Một đề tài mới tuyệt làm sao?"

- Mà này, - ông Egle nói tiếp, cố gắng bình thường hóa cái hoàn cảnh khá khác thường này, (thiên hướng thích cổ-tích-hóa mọi vấn đề như một thứ bệnh nghề nghiệp - xem ra đã át được nỗi e ngại sẽ gieo một hạt mầm ước mơ quá lớn lao xuống một lớp đất hoang). - Này, Assol, chú ý nghe bác nhé. Bác đã ở cái làng, có lẽ là làng của cháu; tóm lại bác đã ở Kaperna. Bác rất yêu các câu chuyện cổ tích, những bài dân ca, bác đã la cà trong làng suốt ngày hôm qua, cố tìm nghe cho được một cái gì chưa ai nghe thấy bao giờ. Nhưng dân làng cháu không kể chuyện cổ tích, mà người ta cũng chẳng hát hỏng gì ráo. Còn nếu có kể hay hát, thì cháu biết không, toàn chuyện về những gã nông dân và đám lính tráng láu tôm láu cá, cùng sự tán dương không ngớt của những ngón bịt bợm, bẩn thỉu như bàn chân không rửa, thô thiển như tiếng bụng sôi òng ọc, lại còn cả những bài vè bốn câu ngắn tủn với những giai điệu thật khủng khiếp... Gượm hẵng nào, bác lại lạc đề rồi. Bác lại huyên thuyên rồi, để bác bắt đầu lại.

Nghĩ một thoáng, ông lại nói tiếp như thế này:

- Bác không biết bao năm nữa sẽ trôi qua, chỉ biết rồi đây khắp Kaperna này sẽ lưu truyền một huyền thoại dài lâu. Cháu rồi sẽ lớn lên Assol ạ. Một sớm mai ở nơi chân trời gặp bể, dưới ánh mặt

trời sẽ cháy rực lên một cánh buồm đỏ thắm. Cánh buồm khổng lồ rực rỡ trên một con tàu trắng muốt đang phăng phăng rẽ sóng tiến thẳng đến với cháu. Con tàu này lướt đi trong yên lặng, không có tiếng reo hò cũng chẳng có tiếng súng chào; rất đông người đang tụ tập trên bờ biển, thi nhau trầm trồ vì kinh ngạc. Con tàu uy nghi tiến vào bờ trong tiếng nhạc tuyệt vời; một chiếc thuyền sang trọng, dát vàng, trải thảm và phủ đầy hoa rời con tàu bơi nhanh vào bờ. "Ngài đến đây làm gì? Ngài tìm ai?" Mọi người trên bờ cất tiếng hỏi. Khi đó cháu sẽ nhìn thấy một chàng hoàng tử tuấn tú và dũng mãnh, chàng sẽ đứng lên và chìa tay về phía cháu: "Chào Assol! - Chàng nói. - Từ nơi xa, rất xa, ta thấy em trong mơ và ta đến đây để đưa em vĩnh viễn rời đến vương quốc của ta. Em sẽ sống ở đó cùng ta, trong thung lũng hoa hồng xanh. Em sẽ có tất cả những gì em mong ước, chúng ta sẽ sống thuận hòa và vui vẻ bên nhau, lòng em sẽ chẳng bao giờ biết đến đắng cay hay muộn phiền". Rồi chàng sẽ đưa cháu xuống thuyền, bơi ra tàu. Cháu sẽ đi luôn tới một đất nước rực rỡ, nơi mặt trời ló rạng và những ngôi sao lặn xuống chào đón cháu tới nơi.

- Tất cả là vì cháu đấy ư? - Cô bé hỏi nhỏ.

Cặp mắt cô sáng bừng lên ánh tin cậy. Một lão phù thủy nguy hiểm tất nhiên chẳng bao giờ nói như vậy; cô tiến lại gần hơn.

- Có lẽ, nó đã đến mất rồi…Con tàu ấy?

- Chẳng nhanh thế đâu, - ông Egle phản đối. - Đầu tiên, như bác đã nói, cháu phải lớn lên cái đã. Sau đó… Thế nào nhỉ? Điều đó sẽ tới, và thế là xong. Cháu sẽ làm gì khi đó?

- Cháu ấy à? - Cô bé nhìn vào giỏ, nhưng rõ ràng chẳng tìm thấy gì để làm phần thưởng cho xứng đáng. - Cháu sẽ yêu chàng - cô bé trả lời vội vàng và rồi có phần do dự, - nếu chàng không hay đánh lộn.

- Không, chàng sẽ không đánh lộn đâu, - ông già Tiên khẳng định, nháy mắt như một bí ẩn, - không đâu, bác đảm bảo về điều đó. Đi đi cô bé và đừng quên những gì ta đã nói với cháu giữa hai ngụm vodka thơm và những suy ngẫm về những bài ca của những người tù khổ sai đấy nhé. Đi đi! Và cầu cho cháu luôn được yên vui.

Ông Longren đang đào khoai tây trong mảnh vườn rau bé nhỏ của mình. Ngẩng lên, ông thấy bé Assol đang cắm đầu chạy về phía ông, vẻ mặt hân hoan nôn nóng:

- Cha ơi, cha… - Nó cất lời, ngồi phệt xuống lấy hơi và túm chặt cả

hai tay vào tạp dề của người cha. Cha ơi, con kể cha nghe nhé… Ngoài bãi, tận đằng xa tít kia kìa, có một ông già Tiên đang ngồi…

Nó bắt đầu bằng câu chuyện về ông già Tiên và lời tiên tri của ông ta. Ý nghĩ nóng hổi, dồn dập khiến nó không kể được mạch lạc ra đầu ra đũa. Sau đó, nó tả lại hình dáng ông già ấy, đến tận cuối cùng nó mới kể cuộc đuổi vớt món đồ chơi bị trôi mất.

Ông Longren lắng nghe con bé không cắt ngang, không cười nhạo, và khi nó kết thúc ông hình dung ngay ra ông già kì lạ ấy - một tay cầm rượu Vodka thơm, tay kia nâng món đồ chơi nhỏ. Ông đã chực quay đi nhưng chợt nhớ ra rằng, những sự việc đặc biệt như thế bao giờ cũng được lũ trẻ con coi là nghiêm túc và lạ thường, nên ông trang trọng gật đầu và bảo rằng:

- Vậy à, vậy à… Xem ra thì đúng là ông Tiên rồi. Cha cũng muốn gặp ông ấy một lần… Nhưng mà con này, khi nào phải đi như lần này thì con chớ có rẽ ngang rẽ ngửa nữa nhé, dễ lạc vào rừng lắm đấy.

Quẳng chiếc xẻng qua một bên, ông ngồi xuống hàng dậu gỗ thấp và đặt con gái lên đầu gối mình. Mệt bã người mà con bé vẫn cố kể thêm những chi tiết khác của cuộc gặp gỡ; nhưng nóng bức cùng nỗi hồi hộp rã rời đã khiến nó thiếp đi. Mắt nó ríu lại, đầu gục xuống bờ vai rắn chắc của cha, bỗng nhiên - lẽ ra nó đã chìm vào sứ xở của chiêm bao rồi - nhưng bỗng nhiên, một nỗi bất an chợt vụt đến, khiến nó bật thẳng dậy, mắt vẫn nhắm, cánh tay dựa vào áo gilê của cha, nó nói to:

- Cha bảo sao: Con tàu thần thông ấy có đến đón con không cha?

- Đến chứ, - bác thủy thủ điềm đạm trả lời, - ông già ấy đã bảo con như thế có nghĩa mọi chuyện sẽ đúng là như thế đấy.

“Lớn lên nó khắc quên đi, - ông nghĩ bụng, - còn bây giờ… Việc gì phải lấy đi của nó một thứ đồ chơi như thế. Rồi con sẽ phải nhìn thấy nhiều thứ cánh buồm, chẳng hề đỏ đắn gì đâu, mà bẩn thỉu, ác thú: Nhìn xa thì đoàng hoàng, trắng trẻo; lại gần thì sao: Rách bươm, và đểu giả. Một kẻ qua đường đã bỡn cợt với con bé của tôi. Thì sao nào?! Chỉ là trò đùa vô thưởng vô phạt mà thôi! Không sao - đùa ấy mà! Xem này, lả cả người đi này, - nửa ngày ở trong rừng còn gì. Còn về những cánh buồm đỏ thắm, cứ nghĩ như cha đây: Sẽ có những cánh buồm đỏ thắm cho con.”

Bé Assol đã ngủ. Ông Longren đưa cánh tay còn rỗi lấy thuốc hút, gió đưa mùi thuốc bay qua hàng rào và đám bụi cây mọc bên

ngoài vườn rau. Trong bụi cây, một gã hành khất đang ngồi dựa lưng vào hàng rào, gặm bánh nướng. Câu chuyện giữa hai cha con nhà nọ khiến gã hứng chí, mùi thuốc lá thơm khiến gã nổi cơn thèm.

- Ông chủ ơi, cho kẻ khó này xin điếu thuốc với nào, - gã hỏi vọng qua đám cành lá. - So với thuốc của ông, thuốc của tôi chẳng phải là thuốc mà là cỏ độc.

- Tôi cho anh thôi, - Longren khẽ trả lời, - nhưng thuốc của tôi nằm ở túi bên này. Mà tôi, anh thấy đấy, tôi không muốn làm con bé thức giấc.

- Gớm thế kia à! Trẻ con thức rồi lại ngủ, còn kẻ qua đường lại có thuốc hút.

- Ồ, - ông Longren phản đối, - anh đâu đã hết thuốc, còn con bé đang mệt quá. Nếu muốn, ghé lại đây sau nhé.

Gã hành khất nhổ phì phì khinh bỉ, chọc cái gậy vào tay nải và tuyên bố:

- Rõ rồi, nàng công chúa kia mà! Ông nhét vào đầu nó cái ý nghĩ về con tàu cổ tích! Ê, ông, đồ rồ. Thế mà cũng là ông chủ cơ đấy!

- Nghe này, - ông Longren thì thào, - ta sẽ đánh thức nó nhưng là để chẹt cứng cái họng to của anh thôi đấy, cút ngay đi!

Nửa giờ sau, gã hành khất đã ngồi bên bàn trong quán rượu, cạnh cả tá dân đánh cá. Ngồi đằng sau bọn họ, lúc thì giật khuỷu tay chồng, lúc quàng qua vai họ mà với lấy li rượu - để mình uống, tất nhiên rồi - là đám đàn bà đẫy đà, lông mày rậm và những cánh tay mập tròn như đá cuội. Gã hành khất, lòng đầy bực dọc, đang kể lể:

- ...Và chẳng cho tôi thuốc hút. "Khi nào con đến tuổi trưởng thành, - lão nói, - sẽ có riêng một con tàu rõ đẹp... đến đón con. Vì đó là phận của con - lấy một chàng hoàng tử." Lão bảo hãy tin vào cái tay thầy pháp ấy. Tôi thì bảo: "Đánh thức, đánh thức con bé dậy đi, lấy cho tôi ít thuốc lá." Thế là lão tống cổ tôi đi.

- Ai thế? Cái gì thế? Đang nói về chuyện gì vậy? - Xôn xao những câu hỏi tò mò của đám đàn bà.

Những tay dân chài, cựa quậy đầu, giải thích vẻ giễu cợt:

- Lão Longren với đứa con gái lánh đời ấy mà, có lẽ bị mất trí rồi.

Đấy, nhà anh này đang kể đấy. Thế nào nhỉ, có ông già Tiên đã ở nhà họ. Họ đang chờ - các mụ ạ, lẽ ra các mụ cũng đừng có mà bỏ lỡ cơ hội! - Một chàng hoàng tử hải ngoại, và lại còn dưới những cánh buồm đỏ thắm nữa cơ chứ.

Ba ngày sau, từ một cửa hiệu ngoài thành phố về, Assol lần đầu tiên nghe thấy:

- Ê, con mộng du! Assol! Nhìn xem những cánh buồm đỏ thắm đang bơi tới kia kìa!

Cô bé giật mình, bất chợt nhìn ra vịnh biển. Rồi nó cố quay lại tìm nơi phát ra âm thanh, ở đằng kia, cách nó chừng hai chục bước, một đám trẻ con đang đứng. Chúng nhăn mặt, thè lưỡi ra giễu cợt nó. Con bé thở dài chạy về nhà.

# II

# GRAY

Nếu như Caesar nhận thấy rằng, thà làm số một ở nhà quê còn hơn đứng số hai ở thành Rome, thì Arthur Gray không thể suy bì gì được với ước nguyện thông thái ấy của Caesar. Chàng sinh ra để trở thành một thuyền trưởng, ước mong và đã trở thành thuyền trưởng.

Tòa lâu đài nơi chàng sinh ra, tối tăm ở bên trong và bề thế ở bên ngoài. Mặt tiền lâu đài là một vườn hoa nối liền với một phần của khu vườn lớn. Những giống uất kim hương quý hiếm nhất: Xanh ánh bạc, tím và đen ánh hồng, uốn mình thành luống, như những chuỗi hạt quăng xòa trên bãi cỏ. Cây lưu niên trong vườn mơ màng tỏa bóng râm nhập nhoạng xuống đám cỏ lác mọc bên cạnh con lạch nhỏ. Tường vây bao quanh lâu đài - một lâu đài thực sự - gồm những hàng cột gang xoắn, nối với nhau bởi những lớp hoa văn sắt. Trên đỉnh mỗi cột ngang là một cái chậu nhỏ xòe rộng hình hoa huệ tây lộng lẫy. Vào những dịp lễ tết, những cái chậu nhỏ này sẽ được đổ đầy dầu, thắp bừng lên những quầng lửa sáng rực rỡ giữa bóng đêm.

Cha mẹ Gray là những nô lệ hợm hĩnh, bắc bậc của chính địa vị, sự giàu sang và những lề luật trong xã hội đã sinh ra họ - một xã hội mà khi nói đến nó họ có thể xưng là "chúng ta" được. Một phần tâm trí họ bị chiếm lĩnh bởi cái gallery chứa đầy chân dung các bậc tổ tông, dù khó có thể gọi đó là một gallery; còn phần khác là những trăn trở làm sao để duy trì và phát triển cái gallery đó: Bắt đầu từ cậu bé Gray - người đã được định sẵn cả một kế hoạch sẽ phải nối gót cha ông như thế nào để khi được treo trên tường kia, chân dung của cậu sẽ không làm hổ danh gia tộc.

Trong kế hoạch đó lại để sót một lỗi nhỏ: Arthur Gray được sinh ra với một tâm hồn phong phú sôi động, tràn đầy nhựa sống, chẳng

hề có thiên hướng kế tục hay làm rạng danh dòng dõi của gia đình.

Tính linh lợi của cậu bé đã bộc lộ từ năm thứ tám trong cuộc đời cậu, dưới dáng dấp một trang hiệp sĩ đầy những ý tưởng kì cục, kẻ kiếm tìm và là kẻ chuyên làm những điều khác lạ. Điều đó có nghĩa là luôn lãnh về mình hằng hà sa số những trách nhiệm khác nhau trong cuộc sống, trách nhiệm gian nguy và đáng xúc động nhất - vai trò tiên tri. Người ta có thể thấy ngay điều này khi cậu bé Gray đặt một chiếc ghế cạnh tường và leo lên hòng với tới bức tranh Chúa bị đóng đinh câu rút. Cậu bé nhổ chiếc đinh từ bàn tay thấm máu của Jesus - hay nói cho đơn giản là quét đè một lớp sơn xanh cậu lấy trộm được của ông quét vôi lên lớp màu đỏ. Xong xuôi đâu vào đó, cậu thấy bức tranh trông đã dễ nhìn hơn nhiều. Và mải mê công việc ấy, cậu bắt đầu quét phủ cả lên vết đinh ở chân Chúa. Nhưng cậu đã bị người cha tóm được. Ông xách tai, nhấc cậu khỏi chiếc ghế và cật vấn:

- Tại sao con phá hỏng bức tranh?

- Con không phá.

- Đây là tác phẩm của một họa sĩ nổi tiếng.

- Con chẳng quan tâm, - Gray nói, - con không thể để người ta đóng đinh vào tay và làm chảy máu người khác ngay trước mặt mình được. Con không muốn như vậy.

Nghe con trả lời, Lionel Gray giấu nụ cười sau bộ ria, biết rằng mình sẽ không trừng phạt cậu con trai.

Gray tìm hiểu tòa lâu đài không biết mệt mỏi và khám phá được vô số điều đáng kinh ngạc. Trên gác thượng cậu tìm thấy một bộ đồ hiệp sĩ bằng thép, những cuốn sách bện bằng sắt và da, những bộ trang phục đã mủn và từng bầy chim bồ câu. Trong hầm chứa rượu vang, cậu thu nạp những kiến thức kì thú về các loại rượu Laffitte, Madeira và anh đào. Ở đây, dưới làn ánh sáng đùng đục xuyên qua lớp ô kính cửa sổ nhọn hoắt cùng những cửa tò vò chéo hình tam giác, là những thùng tônô nhỏ to đủ loại. Cái lớn nhất, to bè, nhẵn nhụi, chiếm cả phần tường trước cửa nhà hầm, sẫm màu, gò bằng thứ gỗ sồi bách niên nên nước bóng loáng. Nằm giữa đám thùng tônô là những chiếc giỏ đan đựng các chai thủy tinh bụng phình màu xanh xanh. Xuyên qua kẽ đá và lớp đất nền là những đám nấm xam xám cuống khẳng khiu, chen chúc nhau mọc lên; mùi mốc meo, ẩm ướt, mùi chua nồng, ngột ngạt và mùi

rêu ám khắp mọi nơi. Từ trong góc xa kia, những tia nắng cuối ngày dát vàng lên một tấm mạng nhện khổng lồ.

Còn chỗ này chôn hai thùng rượu Alicante loại ngon nhất, cất từ thời Cromwell. Bác trông hầm rượu, khi chỉ các góc rỗng cho Gray, không bỏ lỡ cơ hội kể lại lần nữa câu chuyện về cái hầm mộ nổi tiếng - nơi toàn các thi hài còn sống động hơn cả đàn chó Fox Terrier đang sống kia. Mở đầu câu chuyện, người kể không quên kiểm tra xem cái vòi ở thùng rượu có vặn được trơn tru không. Khi rời khỏi đó với tiếng thở phào nhẹ nhõm, trong cặp mắt bác ta lấp lánh ánh mãn nguyện.

- Đấy, - bác Poldichoque nói với Gray, vừa ngồi xuống chiếc hòm rỗng, hít một hơi thuốc lá qua cái mũi nhọn hoắt, - cháu nhìn thấy chỗ này chưa? Ở đó chứa thứ rượu vang mà bất kì gã nghiện ngập nào ở trên đời cũng sẵn sàng chịu bị cắt lưỡi để được thưởng thức một ly nhỏ. Mỗi thùng chứa một trăm lít thứ chất lỏng đánh thức tâm can và biến thân thể con người ta thành thứ bột nhão mềm. Thứ vang màu anh đào sẫm và đặc quánh đến không chảy khỏi chai được. Nó đặc như kem sữa loại xịn, nó được chứa trong những thùng gỗ sẫm màu, rắn như sắt, đánh hai lớp đai đồng đỏ. Trên đai thùng có ghi dòng chữ Latin: “Ngài Gray sẽ uống tôi trên Thiên đường.” Dòng chữ này được diễn giải một cách bất nhất và dài dòng. Cụ tổ cháu - cụ Simeon dòng dõi cao quý - khi xây dựng khu nhà nghỉ, đã đặt tên cho nó là “Thiên đường”, và nghĩ bằng cách này cụ đã hài hòa được câu châm ngôn huyền bí với hiện thực bằng một sự dí dỏm vô hại. Nhưng cháu biết làm sao không? Cụ đã qua đời khi vừa bắt tay vào phá đai thùng rượu. Bị vỡ tim, cụ già hảo ngọt đó hồi hộp quá mà. Thế là cho đến tận giờ, chẳng ai dám đụng đến cái thùng đấy nữa. Có người cho rằng, thứ vang quý giá này sẽ mang đến điều bất hạnh. Thực ra, con nhân sư Ai Cập cũng chẳng đưa ra câu đố nào hóc hiểm như thế. Sự thật là nó đã hỏi một nhà thông thái. “Ta có nên ăn thịt nhà ngươi như đã xơi tất cả hay không, hãy nói cho thật thì sẽ được tha mạng.” Nhưng nếu nghĩ cho kĩ thì…

- Hình như, cái vòi lại rỏ giọt, - bác Poldichoque tự cắt ngang câu chuyện của mình, bước vội vào góc nhà, vặn chặt cái vòi lại, rồi quay trở ra cùng nét mặt rạng rỡ, hồ hởi.

- Phải, cứ nghĩ cho thật chín, nhưng cái chính là đừng có mà vội vàng, nhà thông thái lẽ ra phải bảo con nhân sư: “Ta cùng uống đi, anh bạn, rồi sẽ quên phứt những điều ngu ngốc kia!” “Ngài Gray sẽ uống tôi trên Thiên đường!” Phải hiểu thế nào nhỉ? Thế nghĩa là cụ sẽ uống nó trên Thiên đường à? Thế thì lạ thật. Vậy tức là cụ là

Thánh, dĩ nhiên cụ không uống rượu vang, mà cũng chẳng uống loại vodka thường. Còn nếu cứ cho rằng "Thiên đường" có nghĩa là hạnh phúc đi, thì khi ấy lại đặt ra một câu hỏi, mọi hạnh phúc đều sẽ mất đi phân nửa cái lấp lánh của nó khi kẻ hạnh phúc lại còn tự hỏi mình: Có phải Thiên đường không nhỉ? Đấy, sự thể là thế đấy. Để uống thứ vang từ cái thùng này và vui cười một cách thoải mái, cậu bé của tôi ạ, vui cười rõ thỏa thuê, còn phải một chân dẫm trên mặt đất, còn chân kia thì lơ lửng giữa trời. Còn một giả thuyết thứ ba nữa, rằng đó là ám chỉ cái lúc ngài Gray uống rỗng cả thùng rượu và say bí tỉ như đang được tọa hưởng cái lạc thứ bổng bềnh ở nơi Thiên đường. Thế nhưng, cậu bé, đó lại không còn là điều tiên tri thành sự thật nữa, mà là màn lộn xộn ở quán rượu mất rồi.

Khẳng định lại một lần nữa, rằng cái vòi đã được vặn chặt chắc chắn, bác Poldichoque kết thúc một cách ai oán:

- Cái thùng này cụ tổ John Gray của cháu mang từ Lisbon về năm 1793, trên con tàu "Beagle"; tiền chi cho rượu mất tới hai ngàn đồng Piaster[2] vàng. Dòng chữ trên thùng rượu do Benjamin Ellian - thợ rèn vũ khí bậc thầy ở Pondisherry - khắc. Cái thùng được vùi sâu tới sáu foot[3] và rắc một lớp dày thứ tro đốt từ dây nho. Thứ vang này chưa ai từng được uống.

---

[2] Tiền cổ Tây Ban Nha

[3] Đơn vị đo của Anh, 1 foot = 30,5cm

---

- Cháu sẽ uống nó, - một bận cậu bé Gray dậm chân quả quyết vậy.

- Một anh chàng dũng cảm đây! - Bác Poldichoque nhận định. - Cháu sẽ uống nó ở Thiên đường hẳn?

- Tất nhiên. Đây Thiên đường! Nó ở chính trong cháu đây, bác nhìn thấy chưa? - Gray khẽ cười, xòe bàn tay bé nhỏ của mình ra. Bàn tay mềm nhưng đã có những nét rắn rỏi, hứng lấy nắng trời, rồi cậu bé nắm chặt tay lại thành nắm đấm. - Đây, nó đây! …Thoắt ẩn thoắt hiện…

Vừa nói, cậu vừa xòe bàn tay ra, rồi lại nắm chặt vào. Cuối cùng, khi đã thỏa mãn với trò đùa của mình, cậu chạy vụt lên trước bác Poldichoque, theo cầu thang tối om xuống hành lang tầng dưới.

Gray bị cấm chỉ không được xuống nhà bếp. Nhưng một khi đã

khám phá ra cái thế giới kì lạ bốc hơi mù mịt bởi những cái bếp lò ngùn ngụt lửa, những lớp bồ hóng, những tiếng xèo xèo, tiếng ùng ục của món hầm đang sôi, tiếng dao thớt cùng những mùi vị ngon lành, cậu bé luôn tận tình thăm viếng cái cấm địa mênh mông ấy. Các đầu bếp chuyển động trong bầu không khí yên lặng khắc nghiệt như những vị tư tế đang hành lễ. Những cái mũ chụp trắng của họ nổi bật trên những tường xám xịt khiến cho công việc mang một màu sắc phụng sự thiêng liêng. Những bà rửa bát béo tốt, vui tính đứng rửa chén bát bên các chậu nước, tiếng đồ đạc và đồ sứ chạm nhau lanh canh, lách cách. Các cậu nhỏ gò lưng bê những giỏ đầy cá, sò, tôm và rau quả. Ở đằng kia, trên một cái bàn dài nằm la liệt những chú chim trĩ sặc sỡ, những chú vịt lông ánh bạc những gã gà trống diêm dúa trên đó còn có một chú lợn móc hàm với cái đuôi ngắn tủn và cặp mắt ngây ngô nhắm chặt. Lại còn xếp chật các loại củ cải, hạt dẻ, nho xanh và những quả đào chín rực.

Ở nhà bếp, Gray có vẻ khép nép hơn cậu cảm thấy một sức mạnh hắc ám đang điều khiển mọi thứ ở đây, uy quyền của chúng chính là động lực chủ yếu duy trì sự sống của lâu đài. Tiếng gọi vang vang giống như những câu thần chú, hành động của những người làm bếp được mài giũa qua nhiều năm đã hóa thuần thục chính xác - một sự chính xác tối đa cho cảm giác giống như một niềm hứng khởi. Gray chỉ đủ cao để nhòm vào được cái nồi to nhất đang sôi sùng sục, nhưng đối với nó cậu bé có một sự nể vì đặc biệt. Cậu run rẩy quan sát hai chị hầu gái khiêng nó ra khỏi bếp. Từ trong bếp lò tuôn ra từng cuộn khói và hơi nước bốc lên cuồn cuộn như những đợt sóng phủ kín cả gian bếp. Một bận hơi bốc lên từ cái nồi hầm ghê quá đến nỗi làm bỏng tay một cô gái. Làn da lập tức đỏ ửng lên, các đầu móng tay đỏ mọng bởi máu tụ, và Betsy (tên cô hầu gái đó) vừa khóc sụt sịt vừa bôi dầu lên những chỗ bị bỏng. Nước mắt tuôn lã chã trên khuôn mặt còn khiếp sợ của cô gái.

Gray lặng cứng người. Trong lúc các bà, các cô đứng xúm lại chăm sóc cho Besty, một cảm giác đau đớn ghê gớm - một cảm giác mà cậu không thể lí giải nổi - xộc thẳng vào tâm can cậu bé, khiến cậu như không chịu nổi.

- Chị đau lắm phải không? - Cậu bé hỏi.

- Cậu cứ thử đi rồi khắc biết, - Besty trả lời, giấu bàn tay vào trong tạp dề.

Nhíu mày, cậu bé trèo lên chiếc ghế cập kênh, vừa múc món gigi[4] nóng bằng một chiếc thìa dài và đổ tóe lên khủy tay của mình. Ấn

tượng xem ra chẳng phải là vừa nhưng sự kiệt sức bởi cái đau rát bỏng khiến cậu lảo đảo. Xanh như chàm đổ, Gray lại gần bên Besty, cánh tay bị bỏng giấu trong túi quần.

---

*[4] Món súp thịt cừu*

---

- Em cảm thấy rằng chị rất đau, - cậu nói, cố quên đi cái đau của mình. - Đi nào, Besty, đi đến bác sĩ. Đi ngay đi nào!

Cậu xăng xái kéo vạt váy của cô gái lúc này đang lắng nghe đám gia nhân, nhân lúc nghỉ giải lao, bày cho cô cách trị bỏng. Besty đau quá liền đi theo Gray. Bác sĩ làm giảm cơn đau, băng bó lại vết bỏng. Chỉ sau khi Besty đi khỏi, cậu bé mới chìa cánh tay của mình ra.

Sự cố nho nhỏ đã gắn kết cô gái Besty hai mươi tuổi và cậu bé Gray mười tuổi thành đôi bạn thân thiết. Cô gái luôn nhét đầy túi Gray bánh nướng ngọt và những trái táo. Còn cậu bé thì kể cho cô gái nghe những câu chuyện cậu đọc được ở trong những quyển sách của mình. Một bận Gray được biết Besty không thể lấy chàng coi ngựa Jim chỉ vì họ không có tiền làm vốn liếng lập nghiệp, cậu đã dùng chiếc kẹp cời lò sưởi đập vỡ ống tiết kiệm bằng sứ của mình và nhặt tất cả số tiền trong đó ra, được khoảng gần một trăm bảng. Dậy thật sớm, nhằm đúng lúc cô gái không có của hồi môn ở dưới bếp, cậu lén vào phòng cô, nhét món quà vào rương để đồ của cô, đè lên đó một mẩu thư nhỏ: "Besty, đây là của chị. Thủ lĩnh lục lâm Robin Hood". Câu chuyện gây xôn xao ở dưới nhà đến mức Gray đành phải thú nhận mình chính là kẻ giả danh. Cậu không chịu nhận lại số tiền và không muốn bàn cãi thêm gì về chuyện này nữa.

Mẹ Gray thuộc tuýp người rót cả cuộc đời vào mỗi một việc sửa soạn, sắm sanh trang phục. Bà mơ màng trong kiếp sống nhàn hạ, vương giả, với những ước muốn luôn được thỏa mãn. Vì thế bà chẳng kịp làm gì ngoài việc đi thăm viếng các chị thợ may, ông đốc tờ và các quản gia. Nhưng sự gắn bó đam mê pha sùng bái của bà đối với cậu con trai kì quặc có lẽ đã lấn át mọi thứ đam mê ở bà - con người đã chai mòn vì số phận và nền giáo dục. Những suy nghĩ của bà chẳng bao giờ rõ rệt mà chỉ lang thang vật vờ, khiến lí trí trở nên tê liệt. Quý bà quý phái này gợi nhớ đến hình ảnh của một con công mái ngồi ấp một tổ trứng thiên nga. Bà đau đớn cảm nhận sự cô độc đẹp đẽ lạ thường của cậu con trai, nỗi buồn, nỗi e sợ và tình yêu tràn ngập tấm lòng khi bà ôm ghì cậu bé vào ngực mình, trái tim bà nói điều khác hẳn với những câu chữ đã trở nên

khuôn sáo trong giao tiếp và suy nghĩ. Như thể một tác động của áng mây do nắng trời đỏng đảnh tạo ra những thâm nhập vào khung cảnh hài hòa của tòa nhà khuôn sáo, làm mất đi những nét vô vị của khung cảnh này, để rồi ta nhìn mà không còn nhận ta tòa nhà ấy nữa. Vẻ mờ ảo huyền bí của ánh sáng trên cái nghèo nàn vô vị đã tạo nên một sự hài hòa tráng lệ.

Quý bà, mà gương mặt cũng như dáng hình tưởng như chỉ là hiện thân của sự câm lặng băng giá trước tiếng gọi hừng hực của đời sống, có vẻ đẹp mong manh khiến người ta muốn lánh cho xa hơn là bị cuốn hút lại gần, bởi ở bà, ta chỉ cảm nhận thấy một nỗ lực hợm hĩnh của lí trí làm mất hẳn nét lôi cuốn quyến rũ của nữ tính. Quý bà Lillian Gray ấy, khi ở một mình bên cậu con trai, lại trở về là một người mẹ bình thường, nói bằng một giọng nói đầy dịu dàng thương mến những điều thân thiết vụn vặt chẳng thể viết ra trên giấy tờ - những thứ mà sức mạnh của chúng nằm trong tình cảm người nói chứ không phải trong câu chữ của lời nói. Bà không thể cự tuyệt con trai bất cứ điều gì. Bà tha thứ cho cậu mọi điều: Xuống bếp chơi, trốn học, không vâng lời và vô vàn những trò tinh quái khác.

Nếu cậu bé không muốn cây cối bị xén, cây cối sẽ không bị động đến, nếu cậu bé xin tha lỗi hay ban thưởng cho ai đó - người được xin biết chắc ngay rằng sẽ là như thế, cậu bé có quyền cưỡi bất kì con ngựa nào, dẫn theo bất kì con chó nào trong lâu đài, cậu có thể chúi mũi trong thư viện, chạy chân đất hoặc nhét vào bụng bất cứ thứ gì cậu thích.

Người cha đôi lần cũng thử ngăn cản sự vô lối này nhưng rồi đành phải quy hàng - không phải vì nguyên tắc mà vì nguyện vọng của người mẹ. Ông chỉ giới hạn lại ở một điểm là tống tất cả con cái của đám kẻ hầu người hạ khỏi lâu đài, sợ ảnh hưởng của cái tầng lớp thấp kém kia sẽ khiến thói dở dở ương ương của cậu con biến thành thiên hướng, khó trừ bỏ được. Nói chung, ông muôn đời bận bịu thẩm tra việc tố tụng của gia tộc mở màn từ thời xuất hiện các nhà máy làm giấy và chỉ kết thúc khi tất cả các vị có tranh chấp đã chẳng còn trên đời này. Ngoài ra, công vụ, việc thái ấp, việc chép hồi kí, tham dự những cuộc săn bắn lớn, đọc báo chí cùng những ghi chép phức tạp tách ông ra khỏi đời sống của gia đình. Ông ít gặp con trai đến nỗi đôi khi quên mất nó đã bao nhiêu tuổi.

Vậy là, Gray sống trong một thế giới của riêng mình. Cậu chơi nghịch một mình - thường là ở sân sau tòa lâu đài, nơi xưa kia thường được dùng vào những mục đích mang tính chiến lược.

Những khoảng sân rộng mênh mông đó, ngổn ngang vết tích các hào lũy cao, những cái hầm phủ rêu, mọc lan tràn cỏ dại, tầm ma, ngưu bàng, mận gai và những đám hoa dại thuần phác khoe đủ màu sắc. Gray ngồi hàng giờ xem xét những cái hang chuột chũi, chiến đấu với đống cỏ dại, rình bắt những chú bướm, hay xây thành quách từ những viên gạch vỡ rồi lại giội bom xuống chúng bằng gậy gộc và đá cuội.

Cậu bé đã sang tuổi mười hai. Đây chính là thời điểm mọi mách bảo của tâm hồn, mọi đường nét tản mát của tâm linh, mọi sắc thái của những cảm hứng bí ẩn được tụ vào một khoảnh khắc mạnh mẽ, kết hợp hài hòa thành một ước vọng không thể ngăn trở nổi. Trước đó, cậu chỉ như tìm thấy từng mảnh rời khu vườn của mình: Tia sáng, cái bóng, bông hoa, cành cây rậm rạp, sum suê…Trong những khu vườn khác, và bỗng nhiên, cậu trông thấy chúng - khu vườn của mình - rõ ràng, sáng rỡ, tất cả trong một tổng thể hoàn mỹ đến ngỡ ngàng.

Điều này xảy đến trong thư viện.

Cánh cửa cao lớn của thư viện với lớp kính mờ ở phía trên luôn đóng im ỉm, nhưng chốt thường được cài lỏng lẻo trên ổ khóa, chỉ cần đẩy mạnh là cánh cửa bật tung ra ngay. Khi óc tò mò ưa nghiên cứu nổi lên, nó xui cậu bé đột nhập vào thư viện. Cậu ngỡ ngàng bởi lớp ánh sáng vẩn bụi, nơi mọi uy lực và những nét đặc sắc đều nằm trong lớp họa tiết màu ở phần trên ô kính cửa sổ. Bầu tĩnh lặng của lãng quên đọng lại đây như mặt nước ao tù. Từng dãy tủ đựng sách màu sẫm sịt nằm sát nhau và nhô lên che khuất quá nửa chiều cao cửa sổ. Chen giữa các tủ sách là những lối đi, sách chất từng đống. Ở đó, một quyển album để mở với những trang đã bị bong ra; ở đó còn chất đầy những cuộn giấy buộc dây vàng, những chồng sách nhăn nhúm, những tập bản thảo viết tay dày cộp, từng tệp, từng tệp tiểu họa mà nếu lật mở ra, chúng sẽ kêu loạt soạt như vỏ cây và từng chồng các loại biểu đồ, bảng kê, các tấm bản đồ bao gồm cả loại mới được xuất bản cùng các loại khung bìa cứng - thô, mềm, đen, sặc sỡ, xanh lá cây, xám, dày, mỏng, ráp, nhẵn. Có cảm giác chúng là bức tường thành chứa đựng cuộc sống trong chính bề dày của chúng. Mặt kính tủ này phản chiếu bóng hình tủ kia, phủ đầy những vệt sáng không màu. Một quả địa cầu to tướng được đặt trong một thập giá hình cầu bằng đồng, tạo nên bởi hai đường kinh tuyến và xích đạo, đứng trên một cái bàn tròn. Quay trở lại lối ra, Gray nhìn thấy phía trên cửa ra vào có treo một bức tranh rộng mà nội dung của nó lập tức trùm lấn lên bầu không khí đờ đẫn, bức bối của thư viện. Bức tranh vẽ một con tàu đang nhả khói chồm lên đỉnh một ngọn

sóng lừng. Dòng bọt biển chạy dọc theo thân tàu. Con tàu được vẽ vào khoảnh khắc cuối cùng khi nó sắp bay vút lên tới đỉnh ngọn sóng. Nó lao thẳng vào tầm mắt người xem tranh. Sóng táp lên che khuất chân cột buồm. Ngọn sóng bị thân tàu xé đôi, tung ra hai bên trông như sải cánh của một con chim khổng lồ. Bọt sóng tung đầy không gian. Những cánh buồm nhập nhòe từ sân boong, cao hơn ngọn sóng, chịu đựng sức mạnh cuồng nộ của cuộc tấn công, vừa ngả dạp dáng vóc kềnh càng ra phía sau để tránh ngọn sóng lừng, lại lập tức vươn thẳng dậy, rồi sau đó chúi xuống hõm sóng, vụt nâng con tàu sang một luồng sóng khác. Những đám mây tả tơi vật vã sà sát xuống mặt đại dương. Ánh sáng mờ đục chống chọi một cách tuyệt vọng với bóng đêm đang lừ lừ lấn tới dần. Nhưng trong bức tranh này, cái tuyệt vời hơn cả chính là vóc dáng của con người đang đứng trên mũi con tàu, quay lưng về phía người xem tranh. Cái hình vóc đó lột tả tất cả tình hình, thậm chí tất cả bản chất của khoảnh khắc. Tư thế con người đó (ông ta đứng dạng chân, vung tay) thực ra chẳng nói lên được cái điều ông ta đang bận tâm, nhưng nó buộc ta phải dự đoán rằng ông ta đang dành một sự tập trung chú ý cao độ cho thứ gì đó ở trên bong tàu, nằm khuất tầm mắt người xem tranh. Vạt chiếc áo kaftan[5] bị lật lên của ông ta đang bay phần phật trước gió, bím tóc bạc và thanh kiếm đen tung thẳng đứng trong không trung; cách ăn mặc sang trọng chứng tỏ ông là thuyền trưởng; tư thế như bay lên để nương theo ngọn sóng, đầu để trần. Rõ ràng, ông bị hút vào khoảnh khắc hiểm nghèo và đang quát lên: "Kìa sao thế?" Phải chăng ông đã trông thấy có người bị rơi từ trên tàu xuống biển, hay ông đang ra lệnh cho quay tàu về hướng khác, hay cố quát lên át tiếng gió, gọi viên thủy thủ trưởng. Không phải là ý tưởng, mà là bóng dáng của ý tưởng ấy đã nảy ra trong tâm hồn cậu bé Gray khi cậu ngắm bức tranh. Bỗng nhiên cậu cảm thấy, từ phía bên trái có một kẻ tàng hình vô danh tiến lại gần và đứng sát ngay cạnh cậu; chỉ cần ngoảnh đầu lại là cái cảm giác dị thường ấy sẽ lập tức biến mất tăm mất dạng. Gray thừa biết điều đó. Nhưng cậu không dập đi sự hình dung ấy, mà lắng nghe nó. Một giọng nói không âm thanh bật ra một vài câu rời rạc ngắt quãng, không thể hiểu nổi như tiếng Mã Lai vậy rồi mỗi chuỗi tiếng động ầm ầm như tuyết lở, tiếng vọng và tiếng gió âm u tràn ngập khắp thư viện. Gray nghe thấy tất cả những thứ đó từ bên trong lòng mình. Cậu nhìn quanh; bầu im lặng đông cứng vụt tan ra thành tấm mạng nhện ngân nga của trí tưởng tượng; mối liên hệ với giông bão đã biến mất tăm.

---

[5] *Kaftan: Áo dài không cổ của đàn ông Nga*

Gray thường tới xem lại bức tranh. Nó trở thành một thứ ngôn ngữ cần thiết cho cuộc chuyện trò của nội tâm cậu bé với cuộc đời, không có nó cậu khó hiểu nổi cả chính mình. Biển cả mênh mông dần chiếm lĩnh tâm trí cậu. Cậu quen dần có nó khi chúi trong thư viện, bởi tìm và đọc ngốn ngấu những cuốn sách mà sau cánh cửa vàng của chúng dần hiện ra vầng xanh bao la của đại dương. Ở đó có những con tàu lướt sóng tung bọt lại phía sau. Một vài con tàu đã mất cánh buồm, cột buồm kẹt vào sóng, để rồi lao mình xuống vực thẳm đen ngòm của biển cả - nơi lấp lánh ánh lân tinh của những cặp mắt cá. Những con tàu khác, làm mồi cho lớp sóng bạc đầu, va đập vào đá ngầm; những con sóng đã dịu lắc hay hăm dọa thân tàu, con tàu bị bỏ hoang vắng tanh bóng người, thừng chão tả tơi, thoi thóp trong cơn hấp hối kéo dài, đợi một cơn dông gió mới xé tung nó ra thành muôn mảnh. Còn những con tàu kia, đã kịp cập bến yên lành, đang dỡ hàng sang tàu khác; đoàn thủy thủ ngồi quanh chiếc bàn trong quán rượu tung hô nghiệp chèo lái và mải mê uống rượu vodka. Nơi đó còn có những con tàu cướp biển với ngọn cờ đen và băng cướp khủng khiếp hươ đao kiếm; những con tàu ma lập lòe ánh chết chóc của thứ dự cảm xanh lét; các chiến thuyền chất đầy thủy binh, súng thần công và tiếng quân nhạc; những con tàu của các đoàn thám hiểm khoa học, khám phá, nghiên cứu những hỏa diệm sơn6, những loài thảo mộc, động thực vật; những con tàu bí hiểm và các cuộc nổi loạn; những con tàu khám phá và những con tàu phiêu du.

Trong cái thế giới này, vượt trên tất cả đương nhiên là dáng vóc người thuyền trưởng. Ông là số phận, là linh hồn, là trí tuệ của con tàu. Phẩm cách của ông quyết định hoạt động của con tàu và của đoàn thủy thủ. Đoàn thủy thủ do ông đích thân lựa chọn và hưởng ứng nhiều cái từ những thói quen, những khuynh hướng của ông. Người thuyền trưởng biết rõ những thói quen và hoàn cảnh gia đình của từng thành viên con tàu. Trong mắt các thủy thủ, ông là người thông thái, nắm giữ một lượng kiến thức khổng lồ, nhờ những kiến thức này ông có thể vững vàng tự tin đi từ Lisbon (chẳng hạn) tới Thượng Hải, giữa một vùng không gian mênh mông. Ông đẩy lùi dông bão bằng sự ứng phó với một chuỗi những nỗ lực đa dạng, dẹp tan cơn hốt hoảng bằng những mệnh lệnh ngắn ngọn; ông lái tàu đi và cho tàu dừng lại ở nơi nào ông muốn; ông điều khiển tàu nhổ neo ra khơi hoặc bốc dỡ hàng, sắp xếp công việc sửa chữa cũng như nghỉ ngơi, khó mà hình dung hết cái quyền lực to lớn và sự đòi hỏi sự sáng suốt tỉnh táo trong công việc cụ thể, sống động, toàn diện, của sự chuyển động không ngừng này. Thứ quyền lực khép kín và toàn năng ấy, ngang bằng với quyền lực của Orpheus[7]

[6] *Núi lửa*

[7] *Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, con trai vua Oeagrus xứ Thrace và nữ thần thi ca Calliope*

---

Quan niệm như thế về người thuyền trưởng, sự hình dung như thế và chứng thực đúng như vậy về địa vị của ông ta đã chiếm rất nhiều chỗ trong trí tưởng tượng xán lạn của cậu bé Gray. Không một nghề nghiệp nào ngoài cái nghề này có thể gắn kết trọn vẹn mọi báu vật của cuộc sống đến thế, mà vẫn giữ gìn nguyên vẹn được từng họa tiết tinh tế nhất của mỗi hạnh phúc đơn lẻ. Những nan nguy, mạo hiểm, quyền năng của thiên nhiên, ánh sáng của xứ sở xa xăm, sự cuốn hút của những điều chưa biết, tình yêu thấp thoáng hé nở, trổ ra những cuộc hẹn hò, chia li, cơn bùng say quyến rũ của những cuộc gặp gỡ, những gương mặt, những sự kiện, sự đa dạng vô biên của cuộc sống, trong khi đó, như thể ở tít trên bầu trời cao kia - kìa là chòm sao Thập Tự Nam, kìa là chòm sao Đại Hùng, Tiểu Hùng tinh cùng tất cả các châu lục đều nằm gọn trong một cặp mắt tinh tường, cho dù trong ca-bin tàu của bạn tràn ngập sự hiện diện của cái xứ sở không thể giã biệt với những cuốn sách, tranh ảnh thư từ với hoa ép, những búp tóc bông lên mềm mại, trong những túi hương trầm nằm trên một lồng ngực rắn chắc.

Vào mùa thu năm Gray bước sang tuổi mười lăm, cậu lặng lẽ rời bỏ gia đình, tiến bước vào cánh cổng vàng của biển. Sau đó, chiếc tàu buồm "Anselm" rời bỏ cảng biển Dubelt và bơi về cảng Marseilles, đem theo một thủy thủ trẻ măng có đôi cánh tay nhỏ nhắn và gương mặt như của một cô bé mặc giả nam. Gã thủy thủ trẻ măng đó chính là Gray - chủ nhân của một chiếc xắc du lịch trang nhã, một đôi ủng đánh véc- ni da mỏng như găng tay và chiếc áo may bằng vải batit quý phái. Trong vòng một năm, trong khi chiếc "Anselm" cập bến cảng các nước Pháp, Mỹ, Tây Ba Nha, Gray phung phí một phần tiền nong mà cậu coi là dành cho dĩ vãng, còn phần còn lại - dành cho hiện tại và tương lai - cậu đều đã nướng cả vào bài bạc. Cậu muốn không hổ danh là một tay thủy thủ "quái kiệt". Cậu nín thở nuốt Vodka; còn khi tắm, sẽ là những cú nhảy dốc đầu từ độ cao hai sazhen xuống nước. Dần dà cậu đã thay đổi hoàn toàn, ngoài một thứ chính yếu - cái tâm hồn lãng đãng kì quặc của mình. Cậu không còn cái vẻ yếu ớt ngày trước nữa, cơ thể cứng cáp hơn, bắp thịt rắn chắc, nước da nhợt nhạt được phủ một màu rám nắng nâu sậm, những cử chỉ vô ưu tao nhã biến thành vẻ uyển chuyển, tự tin của bàn tay quen làm việc, còn cặp mắt suy tư giờ đây, sáng lấp lánh như nhìn vào lửa cháy, cách nói năng đã mất đi vẻ cao ngạo, thất thường, trở nên ngắn

ngọn, chính xác như cú lao của con hải ấu xuống luồng ánh bạc lung linh của bầy cá mối.

Thuyền trưởng tàu "Anselm" - một người đàn ông phúc hậu, nhưng là một thủy thủ khắc nghiệt - đồng ý cho cậu bé lên tàu với sẵn một ác ý nào đó. Nguyện ước mãnh liệt của Gray ông chỉ coi là một sự trái nết ngông ngáo và thầm biết trước rằng, chỉ đôi tháng sau, Gray - tránh nhìn vào mắt ông - sẽ bảo với ông rằng: "Thưa thuyền trưởng Hop, cháu trầy hết cả cùi tay, leo trườn trên thừng chão cháu đau hết cả sườn cả lưng, ngón tay trở nên cứng đờ, đầu đau nhức nhối, còn chân thì đang run lẩy bẩy đây này. Tay thì phải bê những cuộn thừng ướt nặng đến hai put[8], rồi những thứ thừng chão, cột buồm… Này sinh ra như chỉ cốt để hành hạ thân thể non yếu của cháu. Thôi cháu muốn về với má cơ". Lắng nghe kĩ hết lời tuyên bố này trong tâm tưởng, thuyền trưởng Hop dằn từng tiếng - cũng là trong tâm tưởng: "Hãy cứ đi đâu mà cậu muốn, con chim nhóc của ta ạ. Nếu đôi cánh tay đa cảm của cậu bị dính tí nhựa cây, có thể về nhà mà rửa nước thơm "Hoa hồng - trinh nữ". - Cái thứ nước thơm do ông tự nghĩ ra đấy làm thuyền trưởng thấy khoái hơn cả. Và để kết thúc bản phán quyết tưởng tượng đó, ông nhắc lên thành tiếng: "Phải, về với cái thứ nước thơm 'Hoa hồng - trinh nữ' ấy đi".

---

[8] *1 put = 16,38 kg*

---

Tuy nhiên, cuộc đối thoại quan trọng đó ngày càng ít có dịp hiện về trong trí óc của vị thuyền trưởng, bởi Gray tiến tới cái đích của mình với hàm răng nghiến chặt và gương mặt tái bợt. Cậu vượt qua các công việc nhọc nhằn và phiền toái bằng ý chí của một nỗ lực quả quyết, tự thấy mình ngày một nhẹ nhõm hơn, bởi lẽ cơ thể cậu đã quen dần với con tàu khắc nghiệt này, còn sự vụng về đã được thay thế bởi sự quen tay. Có khi, những vòng xích neo quật ngã cậu xuống sàn tàu; rồi cuộn dây thừng lớn tuột khỏi tay làm trầy da bàn tay; rồi gió quật góc vải buồm ẩm ướt cùng với những vòng khóa sắt vào mặt cậu…Tóm lại, mỗi công việc là một lần thử thách, đòi hỏi một sự chuyên chú cao độ. Thế nhưng, dù phải thở đến hồng hộc nhọc nhằn, nụ cười ngạo ngễ vẫn không một giây rời bỏ khuôn mặt cậu bé. Cậu lặng lẽ chịu đựng những cười cợt, nhạo báng, những lời chửi mắng không tránh khỏi cho bằng đến khi trưởng thành "người đẳng mình" trong môi trường mới. Rồi cũng từ đây, cậu luôn trả miếng mọi sự sỉ nhục mình bằng nắm tay và những cú đấm.

Một lần, thuyền trưởng Hop, vừa nhìn cậu bé thành thạo buộc cánh buồm vào trụ buồm, vừa tự nhủ với mình: "Cậu đã thắng rồi đấy, cậu cả láu ạ". Khi Gray tụt xuống sàn tàu, ông Hop gọi cậu vào ca-bin và giở một cuốn sách đã sờn nát ra, nói:

- Chú ý nghe này. Bỏ hút xách đi! Bắt đầu sửa sang cho chú cún con trở thành thuyền trưởng thôi!

Và ông bắt đầu đọc, đúng hơn là nói rồi quát tướng lên những ngôn từ cổ kính của nghiệp biển cả được ghi lại trong sách. Đó là bài học đầu tiên cho Gray. Trong vòng một năm cậu được làm quen với các môn hàng hải, thực hành, đóng tàu, luật hàng hải, bản đồ hoa tiêu và cả nghề kế toán. Thuyền trưởng Hop chìa tay ra với cậu và nói: "Chúng ta".

Ở Vancouver, Gray nhận được thư mẹ cậu, đẫm nước mắt và tràn ngập nỗi khiếp sợ. Cậu viết trả lời: "Con biết chứ. Nhưng nếu mẹ nhìn thấy con như con đã được nhìn: Bằng chính mắt mình. Nếu mẹ nghe thấy, như con đã nghe: Đặt vỏ ốc vào bên tai - trong đó vang lên những tiếng sóng vỗ vĩnh hằng; nếu mẹ yêu, như con: Yêu tất cả, thì trong thư của mẹ con đã tìm thấy, ngoài tình yêu, đã còn có cả con người và nụ cười." Và cậu tiếp tục bơi theo con tàu cho đến khi "Anselm" cập bến trả hàng ở Dubelt, từ đó nhân lúc nghỉ chân, cậu bé hai mươi tuổi Gray mới quay về thăm lại lâu đài.

Cảnh vật xung quanh vẫn thế: Vẫn ấn tượng không gì phá vỡ nổi, nói chung và trong từng chi tiết, như năm năm về trước, duy chỉ có những cây du non tơ là đâm cành rậm lá hơn. Bóng chúng um tùm phủ lên mặt tiền của tòa nhà.

Đám người làm tươi tỉnh chạy ùa đến đón chào cậu, bỗng sựng lại trong niềm kính cẩn, như vừa mới hôm qua đón chào cái cậu Gray ấy. Họ chỉ cho cậu chỗ mẹ cậu. Gray bước vào gian phòng cao, lặng lẽ mở cánh cửa, lặng lẽ dừng lại nhìn người đàn bà trong bộ đồ đen, tóc đã ngả bạc. Bà đang đứng thẫn thờ, cầu nguyện bên ảnh Chúa, tiếng thì thào mê mỏi vang lên như nhịp đập của con tim: "Chúa đoái thương những ai đang chèo lái, những ai đang viễn du, những ai bị ốm đau, đày đọa, giam hãm" , Gray lắng nghe, thở gấp gáp. Và tiếp theo đó là: "Và về cậu bé của tôi…". Khi đó cậu cất tiếng: "Con đây…" nhưng không thể nói thêm một lời nào nữa. Người mẹ quay lại. Bà gầy rộc. Gương mặt mỏng manh, kiêu kì ánh lên những tia khác lạ, như sự trở về của tuổi thanh xuân. Bà lao về phía con, một tiếng cười dội lên từ lồng ngực, một tiếng kêu ghìm nén, nước mắt ứa ra - chỉ có thế. Nhưng giây phút ấy bà đã

sống, mạnh mẽ hơn, hạnh phúc hơn cả cuộc đời mình cộng lại.

- Ta biết ngay là con mà, cậu bé đáng yêu của ta!

Và Gray không còn là người lớn nữa. Cậu nghe kể về cái chết của cha, rồi cậu kể chuyện mình. Bà mẹ chăm chú nghe không hề trách móc hoặc phản đối, nhưng trong thâm tâm, bà lại chỉ coi tất cả những gì Gray khẳng định là chân lí cuộc sống của mình là những món đồ chơi làm vui lòng cậu con trai mình. Những đồ chơi ấy là các châu lục, các đại dương và những con tàu.

Gray ở lại lâu đài bảy ngày, sang ngày thứ tám cậu đem theo một khoản tiền lớn, trở lại Dubelt và nói với thuyền trưởng Hop:

- Cảm ơn bác. Bác là một chiến hữu tốt bụng. Xin vĩnh biệt nhé, ông bạn già của cháu.- Đến đây, cậu khẳng địnhh lời nói của mình bằng một cái bắt tay như gọng kìm siết chặt. - Từ nay cháu sẽ đi riêng, trên con tàu của cháu.

Ông Hop lồng lên nhổ bọt, giật tay ra và bỏ đi. Nhưng Gray đuổi theo và ôm lấy ông. Và họ kéo nhau vào nhà hàng, tất cả đoàn thủy thủ gồm hai mươi bốn con người cùng nhau uống rượu, hò hét, hát và uống sạch, đánh nhẵn tất cả những gì có trong quầy ăn nhà hàng.

Ít lâu sau, trên cảng Dubelt, những vì sao đêm tỏa ánh xuống bóng thẫm đen của hàng cột buồm mới. Đó chính là "Điều bí mật", con tàu ba buồm trọng tải 260 tấn, do Gray vừa mới mua. Vậy là, thuyền trưởng kiêm chủ tàu Arthur Gray còn ra khơi ba năm nữa, trước khi số phận đưa cậu tới Liss. Nhưng cậu đã vĩnh viễn ghi nhớ tiếng cười ngắn hắt lên từ lồng ngực, khúc nhạc của một trái tim tràn đầy, chờ đón cậu nơi quê nhà, và một năm hai lần cậu ghé thăm lâu đài - nơi cậu để lại người mẹ tóc ánh bạc và niềm tin phấp phỏng, rằng cậu bé lớn đến thế của bà, có nhẽ giờ đây đang vẫy vùng với những cái đồ chơi của mình.

# III
# BÌNH MINH

Dòng bọt biển tuôn từ đuôi con tàu "Điều bí mật" của Gray chạy suốt qua Bạch Hải, Bắc Hải và lặng tăm trong ráng chiều đỏ ối ở Liss. Con tàu đậu trong vũng tàu cách ngọn hải đăng không bao xa. Trong mười ngày, con tàu dỡ hàng gồm vải tuýt, cà phê và chè lên bờ; ngày thứ mười một, thủy thủ đoàn lên bờ nghỉ ngơi và ngồi nhậu nơi quán bia; ngày thứ mười hai Gray bỗng thấy phiền não vô nguyên cớ, chẳng biết vì cái gì. Từ sáng sớm khi vừa tỉnh giấc chàng đã có cảm giác ngày mới bắt đầu trong những tia u ám. Chàng lầm lì mặc quần áo, miễn cưỡng dùng điểm tâm, quên cả đọc báo và rít thuốc rất lâu, chìm đắm trong một không khí khó tả của sự căng thẳng vô định. Giữa đám ngôn từ mập mờ ẩn hiện lang thang những mong ước chưa được chấp nhận ngang bằng với những ý đồ của hình thành. Khi đó, chàng bắt tay vào làm việc.

Cùng với thủy thủ trưởng, Gray xem xét lại con tàu, ra lệnh siết chặt thừng cột buồm, đánh chùng cáp lái, quét dầu sàn tàu, cọ lỗ dẫn cáp, lau rửa la bàn, mở kiểm tra và quét dọn hầm tàu... Nhưng công việc không làm Gray khuây khỏa được. Chìm sâu trong rầu rĩ, chàng trải qua một ngày khắc khoải và u buồn, như thể có ai vẫy gọi chàng mà chàng quên mất đó là ai và về đâu.

Đến chiều, chàng ngồi vào ca-bin tàu, cầm lấy một cuốn sách, tranh cãi hồi lâu cùng tác giả, ghi bên lề sách những lời bình đầy mâu thuẫn theo cách của mình. Thoạt đầu, trò chơi chuyện trò cùng những người có quyền lực đã khuất núi này khiến chàng ta thích thú. Sau đó, vớ lấy tẩu thuốc chàng chìm đắm vào quầng khói xanh lơ, sống cùng những bóng ma Á Rập, chập chờn trong vương quốc của khói thuốc.

Thuốc nặng đến khiếp, như chất dầu mỡ tưới lên từng hõm sóng, khiến chúng dịu đi thuốc lá cũng vậy - làm chùng xuống những

cảm xúc kích động, đưa chúng về nhịp trầm hơn để chúng ngân rung êm đềm hơn và giàu âm điệu hơn. Bởi vậy, sau ba mồi thuốc nỗi u uẩn của Gray cuối cùng đã mất đi vẻ hiếu sự, chuyển sang trạng thái lơ đãng trầm mặc. Trạng thái này kéo dài khoảng gần một tiếng đồng hồ nữa. Khi đám mù u ám của tinh thần biến mất hẳn, Gray bừng tỉnh, muốn được hoạt động nên chàng bước ra boong tàu. Đã nửa đêm, mặt nước thẫm đen đang thiếp ngủ dưới thân tàu, những vì sao và ánh lửa đèn cột buồm đang mơ màng. Không gian ấm nồng như thịt da trên má và phảng phất hơi biển. Gray ngửa đầu, nheo mắt nhìn lên vì sao như một đốm than vàng. Trong khoảnh khắc, qua cơn mê mộng, phóng vụt thẳng vào đồng tử mắt chàng cây kim lửa của một hành tinh xa xôi. Tiếng vọng thầm kín của một thành phố về đêm ngân lên từ đáy vịnh sâu thẳm, thi thoảng, nương theo làn gió, một câu nói văn hoa vọng từ bờ ra bay lượn trên mặt nước, nghe như tiếng từ trên boong tàu; tiếng nói nghe rõ mồn một và tắt ngấm trong âm thanh kẽo kẹt của thừng chão. Phía trước boong tàu lóe ánh sáng diêm soi rõ những ngón tay, cặp mắt tròn xoe và bộ ria. Gray huýt sáo, ánh lửa tẩu thuốc chuyển động, trôi về phía chàng; ngay liền đó, chàng thuyền trưởng nhận ra trong bóng tối cánh tay và khuôn mặt người gác tàu.

- Bảo Letika đi với tôi - Gray nói - và mang theo cần câu nhé.

Chàng nhảy xuống một chiếc xuồng, chờ khoảng mười phút Letika - một cậu trai nhanh nhẹn hơi láu cá - lúc này đã lấy được mái chèo thả huych xuống từ trên tàu chuyển cho Gray, rồi cậu ta trèo xuống, chỉnh lại cọc chèo và đút một bao thực phẩm xuống lòng xuồng. Gray ngồi bên bánh lái.

- Thưa thuyền trưởng, ngài lệnh cho đi đâu ạ? - Letika hỏi, quay xuồng bằng mái chèo bên phải.

Thuyền trưởng lặng thinh. Gã thủy thủ hiểu rằng, không nên hỏi han thêm gì hết, nên cũng lặng thinh luôn, chỉ ra sức chèo thuyền đi.

Gray cho xuồng hướng thẳng ra biển, rồi sau bẻ lái về phía bờ trái. Đối với chàng bơi đi đâu chẳng quan trọng gì. Bánh lái róc rách khe khẽ, mái chèo lách cách, vỗ nước oàm oạp; còn lại là thinh không và tiếng biển khơi.

Trong vòng một ngày mà con người tuân theo rất nhiều những suy nghĩ, ấn tượng, lời ăn, tiếng nói tưởng có thể viết trong một cuốn sách dày. Gương mặt của từng ngày mang một sắc thái nhất

định, nhưng Gray đã uổng công nắm bắt lấy nó. Trên các đường nét mờ mịt của nó, sáng lên từng cảm xúc đang thi nhau hiện ra nhưng lại chẳng thể gọi tên rõ rệt là gì. Bởi không thể gọi tên nên chúng vĩnh viễn đứng bên ngoài từ ngữ, thậm chí bên ngoài cả những khái niệm, giống như sự khơi gợi của hương thơm. Hiện giờ Gray đang nằm trong quyền năng của thứ cảm xúc đó; đúng ra chàng đã có thể nói rằng: "Ta chờ đợi, ta nhìn thấy, ta sắp nhận biết..." Thế nhưng những lời nói ấy xem ra cũng không nhiều hơn là bao những phác thảo riêng rẽ đối với những ý tưởng kiến trúc. Ở đây còn có sức mạnh của một niềm hưng phấn trong sáng.

Ở nơi họ đang bơi, về phía bên trái màn đêm đen cuồn cuộn quánh đặc, hiện lên một dải bờ. Trên những ô cửa sổ kính hồng là tia sáng của các ống khói; đó là Kaperna; Gray nghe rõ tiếng chửi mắng và tiếng chó sủa. Ánh lửa từ trong làng gợi nhớ về bếp sưởi cháy đỏ, bên trong lấp lánh những vầng than rực hồng. Phía bên phải là đại dương, hiện diện rõ rệt như một người đang say ngủ. Đi qua Kaperna, Gray hướng bơi vào bờ. Ở đây, mặt nước chìm trong yên tĩnh, những ngọn đèn lồng lặng lẽ tỏa sáng, chàng nhìn thấy con dốc dựng đứng, có những mỏm lồi lên, bề mặt rậm rạp. Chàng thấy thích chỗ này.

- Ta sẽ câu cá ở đây, - Gray nói, vỗ vào vai gã lái thuyền.

Gã thủy thủ như làu bàu điều gì đó.

- Lần đầu tiên mình bơi với một thuyền trưởng thế này, - gã lầm bầm. - Thạo việc đấy, nhưng khác người. Một thuyền trưởng cự phách. Nói chung mình thấy ưa ông ta.

Cắm mái chèo xuống bùn, gã buộc thuyền vào đấy, rồi cả hai cùng trèo lên theo triền đá sỏi đang lăn tuồn tuột dưới đầu gối và khuỷu tay. Tiếp theo con dốc là một cánh rừng rậm rạp trải dài, vang lên tiếng rìu chặt cành khô, tiếng gom củi khô. Letika nhóm một đống lửa bên sườn dốc. Bóng đen tối chuyển động và hắt ánh lửa xuống mặt nước, đêm tối lùi lại, đám cỏ và những cành cây phơi ra trong ánh sáng. Phía trên đống lửa, không khí đượm từng cuộn khói khẽ run rẩy.

Gray ngồi xuống bên đống lửa.

- Này thôi - chàng nói, chìa chai rượu ra, - ta cùng uống nhé, anh bạn Letika, vì sức khỏe của những ai không rượu chè. Mà này, thứ cậu đem theo không phải là rượu Cinchona đâu, mà là rượu gừng.

- Xin lỗi, thưa thuyền trưởng - gã thủy thủ đáp, cố lấy lại hơi. - Cho

phép tôi nhắm cái này... - Gã xé luôn nửa con gà giò, lúc nhả ra cái cánh gà , gã nói tiếp. - Tôi biết ngài ưa loại Cinchona. Nhưng trời tối quá, mà tôi lại vội. Gừng ấy mà, thưa ngài, làm con người thô bạo lên. Khi cần choảng nhau, tôi uống loại gừng.

Trong khi thuyền trưởng nhắm rượu, gã thủy thủ liếc trộm chàng, rồi không nín được, gã hỏi:

- Có đúng như người ta nói không, thưa thuyền trưởng, rằng ngài xuất thân từ một gia đình danh giá?

- Cái đó chẳng thú vị gì Letika ạ. Cầm lấy cần câu và câu cá đi nếu cậu thích.

- Thế còn ngài?

- Tôi ấy à? Chẳng biết nữa. Cũng có thể đấy. Nhưng để sau đã.

Letika bỏ cần câu ra, vừa lẩm nhẩm đọc thơ - món mà gã được cả đoàn thủy thủ ca ngợi là bậc thầy.

- Cước đây ta buộc vào cần, lưỡi đây buộc tiếp lần lần ta câu, - sau đó gã gài ngón tay vào hộp đựng giun. - Chú mày lẩn dưới đất sâu, cuộc đời kì thú còn rầu nỗi chi? Bây giờ chịu móc câu đi, chốc nữa tụi cá nó ghì nó xơi. - Cuối cùng, gã cũng ngừng hát hỏng. - Đêm đen vắng lặng, rượu ngon thơm nồng; cá chiên cứ giãy, cá trích hãy ngủ, Letika buông câu từ đỉnh dốc!

Gray nằm xuống bên đống lửa, ngắm nhìn ngọn lửa phản chiếu trên mặt nước. Chàng uể oải nghĩ ngợi; lúc này ý nghĩ chểnh mảng lưu tụ nơi không gian, lờ mờ nhận ra nó, ý nghĩ ấy thả bước như con ngựa kẹt trong đám đông, nó va chỗ này, chạm chỗ kia và dừng lại; sự trống rỗng, sự bối rối và ngập ngừng cùng song hành bên nó. Nó lang thang trong cõi tâm linh vạn vật; từ cơn hồi hộp sáng lóa vội vã chuyển sang một ngụ ý bí ẩn. Nó quay cuồng theo đất trời, sôi nổi đàm thoại với các nhân vật tưởng tượng, xóa đi và tô điểm cho những hồi ức. Trong sự chuyển động mơ hồ này, tất cả đều sống động và rành mạch, tất cả đều rời rạc như một cơn mê. Ý thức được thư thả buông lơi khi thấy (chẳng hạn như) đang say suy tưởng về đời người đột nhiên xuất hiện một hình ảnh hoàn toàn không thích hợp: Một cành cây nhỏ xíu đã gãy từ hai năm nay, Gray đã nghĩ ngợi như thế bên đống lửa, nhưng chàng "ở đâu đó" chứ không phải ở đây.

Khuỷu tay đỡ lấy đầu của chàng ướt đẫm và sưng lên. Những vì sao tỏa ánh nhợt nhạt; bóng tối mỗi lúc một dày đặc, báo trước

buổi bình minh. Thuyền trưởng ngà ngà thiếp đi, không nhận thấy điều này. Chàng chợt thấy thèm rượu nên vươn người về phía cái bao, mở ra trong cơn mơ. Sau đó chàng ngủ thiếp đi không hề mộng mị; hai giờ đồng hồ tiếp theo đối với Gray không dài hơn những phút chàng ngả đầu lên cánh tay mình. Trong thời gian đó. Letika lại gần bếp lửa hai lần, hút thuốc và tò mò ngắm nghía miệng những con cá gã câu được - có cái gì trong ấy nhỉ? Nhưng ở trong ấy, hẳn nhiên chẳng có gì sất.

Chợt tỉnh giấc, Gray quên mất vì sao mình đang ở chỗ này. Chàng sửng sốt, ngây ngất đón nhìn ánh ban mai, nhìn sườn dốc phủ kín lá cành rực rỡ và phía xa hừng xanh; nơi chân trời và đồng thời ngay bên chân chàng đung đưa những chiếc lá dẻ. Dưới chân con dốc, ngay sát dưới lưng chàng, vịnh nước thì thào những tiếng sóng rì rào. Những giọt sương nối nhau tuột khỏi lá cây, ập xuống gương mặt còn ngái ngủ những cú vỗ lạnh giá. Chàng nhổm dậy. Khắp nơi tràn đầy ánh sáng. Đống lửa lụi dần đang cố níu kéo sự sống của mình trong những sợi khói mảnh mai. Mùi vị của nó đem lại cảm giác mãn nguyện được hít thở không khí rừng xanh và sự tuyệt vời hoang dã.

Letika không có đấy. Gã đang mê mải, gã cặm cụi đến toát mồ hôi, câu cá say sưa như con bạc khát nước. Gray ra khỏi khu rừng, chui vào những lùm cây nằm dọc sườn đồi. Cỏ mới đốt đang tỏa khói, những đóa hoa ẩm ướt trông như lũ trẻ nhỏ phải rửa ráy bằng nước lạnh. Vũ trụ xanh hít thở bằng vô vàn những cái miệng nhỏ xinh, ngăn trở Gray đi qua lớp rậm rạp hoan hỉ của mình. Thuyền trưởng đi ra chỗ quang đãng phủ đầy cỏ hoa sặc sỡ và nhìn thấy một cô gái đang ngủ.

Chàng khẽ gạt cành cây và dừng lại với cảm giác vừa phát hiện nguy hiểm. Cách đó khoảng năm bước, cuộn tròn, một chân co lên, còn chân kia duỗi ra, đầu gối thoải mái trên cánh tay chính là nàng Assol mệt mỏi đang nằm. Mái tóc cô gái xõa tung, cúc áo nơi cổ bật ra để lộ hõm cổ trắng ngần, tấm váy buông để lộ đầu gối, cặp mi thiếp ngủ phía trên má, trong bóng rợp dịu dàng của cặp thái dương thanh tú ẩn hiện dưới bóng mái tóc sẫm; ngón út bàn tay phải luồn dưới đầu, uốn cong theo gáy. Gray ngồi xổm xuống, ngắm nghía gương mặt cô gái từ phía dưới và không hề nghi ngờ rằng, khuôn mặt này khiến chàng nhớ đến nàng Faun trong bức tranh của Arnold Bocklin.

Có lẽ trong một hoàn cảnh khác chàng đã nhìn cô gái bằng con mắt bình thường, nhưng ở đây, chàng ngắm nhìn cô một cách khác hẳn. Với chàng lúc này, mọi cái đều dở dang, trớ trêu. Chàng

đương nhiên không rõ về cô, tên tuổi cô nữa, hơn nữa, cũng chẳng hề biết vì sao cô lại ngủ thiếp đi bên bờ vịnh này, chàng thấy yêu bức tranh không thuyết minh, cũng chẳng có chữ kí tác giả ấy. Ấn tượng của một bức tranh như thế trở nên mạnh mẽ không gì so sánh, nội dung của nó không can hệ đến ngôn từ, trở nên không giới hạn, khẳng định mọi tư tưởng cùng ước đoán. Bóng lá đã vươn chạm cành mà Gray vẫn trong cái tư thế bất tiện kia. Mọi thứ ở nơi cô gái đều thiếp ngủ cùng cô: Mái tóc đen, bộ váy áo, cái dải thắt váy; thậm chí cỏ cây bên thân thể nàng cảm tưởng như cũng mơ màng trong sự đồng cảm. Tràn trề ấn tượng, Gray hòa mình vào con sóng khát khao ấm áp đang dâng lên, và bơi đi cùng nó. Letika đã gào gọi khá lâu: "Thuyền trưởng ơi, ngài ở đâu?" Mà chàng thuyền trưởng chẳng hề nghe thấy tiếng gã.

Cuối cùng, khi chàng đứng lên, bản tính chuộng những sự khác thường chợt tóm lấy chàng với sự quả quyết hăm hở của một người đàn bà đang kích động. Nhượng bộ người đàn bà đó trong tư lự, chàng tháo từ ngón tay ra chiếc nhẫn cổ quý giá, không khỏi suy nghĩ một cách không có cơ sở, rằng biết đâu điều này chẳng mách bảo cho cuộc đời chàng một cái gì đó thiết thực, như thể một phép chính tả vậy. Chàng thận trọng xỏ chiếc nhẫn vào ngón tay út trắng bệch dưới gáy kia. Ngón tay ấy động đậy bồn chồn và duỗi ra. Nhìn lại một lần nữa gương mặt đang ngủ, Gray quay đi và thấy từ trong bụi cây cặp lông mày nhướng cao của gã thủy thủ.

Letika mồm há hốc quan sát hành động của Gray bằng nỗi kinh ngạc giống như gã đang nhìn thấy Jonah trên mõm con cá voi gỗ của ông ta.

- À, cậu đấy à Letika? - Gray nói. - Nhìn cô bé này. Thế nào. Xinh đấy chứ nhỉ?

- Một bức tranh cực kỳ nghệ thuật! - Gã thủy thủ ưa nói sách vở thì thầm kêu lên. - Cân nhắc đến hoàn cảnh thì có gì đấy như một sự sắp đặt. Tôi câu được bốn chú cá tuyết, lại còn béo phồng như cái bong bóng ấy.

- Khẽ chứ Letika. Ta đi khỏi đây thôi!

Họ bỏ đi về phía những bụi cây. Lẽ ra giờ đây họ phải quay lại chỗ cắm thuyền rồi nhưng Gray cứ chùng chình, nhìn mãi về dải bờ xa phía dưới kia, nơi khói sớm mai từ những ống khói ở Kaperna đang lan nhẹ trên cánh rừng xanh và trên bãi cát. Trong làn sương khói ấy, chàng lại nhìn thấy cô gái thêm lần nữa.

Khi đó chàng quả quyết quay lại, đi xuống dọc theo triền dốc; gã thủy thủ chẳng hỏi han, đi theo đằng sau; gã cảm thấy một sự im lặng bổn phận lại bắt đầu. Khi đã đến gần những căn nhà đầu tiên Gray bỗng lên tiếng:

- Con mắt từng trải của cậu có định hình được ở nơi này, đâu là quán rượu không Letika?

- Có lẽ ở cái nhà mái sẫm đằng kia kìa - Letika suy đoán - A mà có lẽ không phải.

- Có gì khác lạ ở mái nhà đó thế?

- Tự tôi cũng chẳng rõ, thưa thuyền trưởng. Chẳng có gì ngoài tiếng mách bảo của con tim.

Họ lại tiến lại phía ngôi nhà, đó quả đúng là quán rượu của Menners. Qua cánh cửa sổ mở có thể nhìn thấy cái chai nằm trên bàn, sau cái chai là bàn tay bẩn thỉu của ai đó đang vắt ráo bộ ria đã hoa râm.

Mặc dù còn sớm, đã có ba người ngồi trong gian chính của quán rượu. Bên cửa sổ là người bán than, chủ sở hữu của bộ ria sũng rượu; giữa quầy rượu và cửa trong gian phòng là hai gã dân chài đang ngồi trước cốc bia và món trứng rán. Menners, một gã trai còn trẻ, người dài nghều, khuôn mặt buồn tẻ đầy tàn nhang, cặp mắt lờ đờ thong manh ánh lên vẻ ma lanh đặc trưng của đám buôn bán, đang đứng lau bát đĩa sau quầy đồ ăn. Ô cửa sổ nhuộm nắng đổ bóng dài trên mặt sàn bẩn thỉu.

Gray vừa bước vào trong vệt sáng lờ mờ khói, Menners đã nhô ngay ra khỏi chỗ khuất, kính cẩn cúi mình. Gã đoán ngay ra rằng Gray chính là một thuyền trưởng thứ thiệt - loại khách gã hiếm gặp.

Gray gọi rượu rum. Menners trải một cái khăn trải bàn đã ngả màu cháo lòng vì dùng nhiều, rồi mang ra một cái chai sau khi lấy đầu lưỡi dán lại chiếc nhãn chai đã bị bong. Rồi gã lại quay về phía quầy đồ ăn, chăm chú hết nhìn Gray lại nhìn đến cái đĩa gã đang dùng ngón tay cạo một vết gì đóng khô trên mặt đĩa.

Trong lúc Letika bê chiếc cốc bằng cả hai tay, thì thầm một cách giản dị với nó, con mắt hướng ra phía cửa sổ, Gray gọi Menners đến bên mình. Hin Menners tự mãn ngồi xuống rìa chiếc ghế, hả hê vì được chú ý đến, nhất là sự quan tâm này lại được thể hiện bằng một cái ngoắc tay giản dị của Gray.

- Anh hẳn biết hết dân cư trong vùng này - Gray từ tốn hỏi. - Tôi muốn biết tên một cô gái trẻ đội khăn chéo, mặc bộ váy có những bông hồng nhỏ, tóc màu hạt dẻ sẫm, người nhỏ nhắn, tuổi chừng mười tám, đôi mươi. Tôi gặp cô ta cách đây không xa. Tên cô ta là gì?

Chàng nói giản dị, cứng cỏi, giọng nói không cho phép lảng tránh câu trả lời. Hin Menners bụng thấy băn khoăn, thậm chí còn hơi nhếch mép cười khẩy, nhưng bề ngoài lại làm ra bộ một lòng phục tùng ý chí người hỏi chuyện. Tóm lại, gã nín lặng đôi chút trước khi trả lời, những mong đoán ra sự tình.

- Hừm, - gã nói, ngước mắt nhìn lên trần nhà, - đấy có lẽ là con bé Assol "Tàu biển". Nó bị dở hơi ấy mà.

- Nghĩa là sao?- Gray thờ ơ hỏi, uống một ngụm lớn.

- Sao lại như thế?

- Vậy thì xin ngài hãy nghe nhé!

Và Hin kể lại cho Gray nghe điều bảy năm trước đây một người sưu tầm dân ca nói với Assol trên bãi biển. Câu chuyện kể từ khi được gã hành khất rêu rao trong chính quán rượu này, đương nhiên đã bị bóp méo thô bạo và xuyên tạc một cách dung tục, nhưng điều cốt lõi của nó vẫn giữ được nguyên vẹn, không bị động chạm đến.

- Từ đó, - Menners kết luận, - người ta gọi nó là Assol "Tàu biển".

Gray máy móc nhìn qua Letika, lúc này vẫn im lặng và hồn nhiên ngồi đó, rồi ánh mắt chàng nhìn ra bậu cửa phủ bụi của quán rượu và chàng cảm nhận một cú đập kép, vào tim và vào đầu. Ngoài đường đi tới, mặt hướng về phía chàng, chính là cô bé Assol "Tàu biển", người mà Menners vừa nói đến như một kẻ khùng. Những đường nét lạ lùng trên gương mặt cô gái khiến chàng nhớ lại vẻ bí ẩn của những ngôn từ, tuy bình dị nhưng gây hồi hộp xúc động sâu xa, giờ đây ý nghĩa của chúng chợt hiện lên rõ ràng trước mắt chàng dưới ánh nhìn của cô gái. Gã thủy thủ và Menners ngồi quay lưng về phía cửa sổ, nhưng để ngăn họ vô tình quay lại, Gray cố sức chuyển cái nhìn sang hai con mắt màu hung của gã Menners. Sau khi chàng bắt gặp cặp mắt của Assol, mọi thành kiến từ câu chuyện gã Menners vừa kể đều tiêu tan hết. Còn gã Hin, không gợn chút nghi ngờ, vẫn tiếp tục: - Tôi cần cảnh báo với ngài rằng, lão cha của con bé là một tên khốn kiếp một trăm phần trăm. Lão đã dìm chết cha tôi như dìm một con mèo dớ dẩn nào

đấy, xin Chúa cứu rỗi. Lão... Từ phía sau, một tiếng rống hoang dại đột ngột cắt ngang lời gã. Ông bán than, bật thoát khỏi trạng thái say đờ đẫn, mắt đảo khủng khiếp hát rống lên hung tợn đến mức khiến người ta phải rùng mình:

Ông mang giỏ, ông mang giỏ

Giữ lấy giỏ cho chúng tôi nào!...

- Mi lại say khướt chuốc việc cho người ta rồi, đồ chết giẫm đáng nguyền rủa này! - Menners quát - Cút khỏi đây ngay!

Nhưng hãy cứ coi chừng đấy nhé

Kẻo rơi vào giỏ than đen sì!...

Ông bán than vẫn rống lên như không có chuyện gì xảy ra, vục sâu bộ ria vào cốc nước đã bắn tung tóe.

Hin Menners tức giận nhún vai:

- Đồ vứt đi chứ không phải là người nữa, - gã nói với vẻ vênh vang rất gớm của một người ta đây chỉn chu. - Lần nào cũng lại như vậy!

- Ông còn gì kể thêm nữa không? - Gray hỏi.

- Tôi hả? Tôi đã thưa với ngài, rằng lão cha là tên đê tiện. Vì lão ta thưa ngài, tôi trở thành mồ côi và còn bé tí đã phải tự kiếm lấy miếng ăn...

- Mày nói dối! Ông bán than chợt kêu lên. - Mày nói láo đê tiện và giả dối quá đến nỗi tao phải tỉnh cả rượu.

Hin chưa kịp mở mồm, ông bán than đã quay sang nói với Gray:

- Nó nói láo đấy! Cha nó cũng dối trá, cả mẹ nó cũng thế. Cả nhà đều thế. Ngài có thể yên tâm rằng con bé cũng khỏe khoắn bình thường như tôi với ngài vậy. Tôi vẫn nói chuyện với nó. Nó ngồi nhờ xe tôi tới tám mươi tư lần hay có thể ít hơn một chút, khi con bé đi bộ từ trong thành phố về, còn tôi trên đường bán than tôi cho nó ngồi ngay lên xe. Cứ để nó ngồi, tôi dám chắc rằng nó sáng dạ lắm. Điều này có thể thấy ngay bây giờ. Với mày Hin Menners ạ, dĩ nhiên là nó chẳng nói với một lời. Nhưng còn tôi, thưa đức ông, tự do tự tại với nghề bán than của mình, tôi coi khinh những lời buộc tội hay bàn ra tán vào. Nó nói chuyện như người lớn ấy, mà

chuyện nó nói ý nhị lắm nhé. Cứ nghe thì tưởng cũng thường như những điều chúng tôi với ngài nói ấy, nhưng ở nó thì lại không thế đâu. Đây, tỉ dụ như khi nói đến nghề của cha con nó. "Cháu kể cho bác nghe nhé, - nó nói và bám lấy vai tôi như con ruồi đậu vào gác chuông, - công việc của cháu không hề buồn tẻ vì cháu muốn nghĩ rằng mọi cái đều đặc biệt. Cháu, - nó nói - rất là muốn tìm ra cách để những con thuyền của cháu có thể lướt đi, những người chèo thuyền khỏa nước như thật, sau rồi họ cũng cập vào bờ, vẫy chào bến cảng như là những người thực, rồi lên bờ ngồi nhậu nữa." Tôi cười phá lên, vì tôi thấy điều ấy buồn cười thật đấy. Tôi bảo: "Này Assol, công việc của cháu là như vậy, vì thế những ý nghĩ của cháu cũng thành ra như vậy, nhưng hãy nhìn ra xung quanh mà xem: Tất cả đều làm lụng như phát rồ ấy". "Không đâu, - nó bảo, - cháu biết cái gì cháu biết chứ. Khi người dân chài buông lưới bắt cá, ông ta nghĩ mình sẽ bắt được một con cá to, chưa từng ai bắt được." "Này thế còn bác?" "Bác ấy ạ? - Nó cười. - Còn bác, khi trút than vào giỏ hẳn bác nghĩ rằng nó sẽ nở hoa." Đấy, nó nói những lời thế đấy! Lúc ấy, thú thật là bất giác tôi cũng nhòm vào cái giỏ rỗng, và trước mắt tôi cứ như thể từ những cành đan giỏ bò ra những cái chồi, những cái chồi ấy nứt ra, nảy thành lá khắp cái giỏ, rồi biến mất. Tôi thậm chí còn tỉnh rượu ra một chút! Còn Hin Menners nói dối đấy. Nói dối không mất tiền mà. Tôi biết nó lắm!

Cho rằng cuộc nói chuyện đã chuyển thành sự lăng nhục rõ rành rành, Menners nhìn như muốn đâm thủng ông bán than rồi lẩn vào sau quầy đồ ăn, từ đó hỏi chõ ra một cách đắng ngắt:

- Ngài có dùng thêm gì không ạ?

- Không. - Gray đáp, lấy tiền ra. - Chúng tôi đi ngay đây. Letika, cậu ở lại đây, đến chiều hãy quay về và phải im như thóc đấy. Tìm hiểu mọi thứ có thể được và báo lại cho tôi. Hiểu chưa?

- Thưa thuyền trưởng nhân từ nhất trên đời, - Letika nói, có phần hơi suồng sã, do men nồng của rượu rum, - chỉ có kẻ câm điếc mới không hiểu điều này thôi ạ.

- Tuyệt. Đồng thời phải ghi nhớ rằng, trong trường hợp phải xuất đầu lộ diện, không được hé môi nói một lời về tôi, thậm chí cả nhắc đến tên tôi. Tạm biệt!

Gray đi ra. Từ lúc đó, cảm giác về một khám phá phi thường giống như tia lửa mồi lóe lên trong cối thuốc đạn, từ đó bùng lên thành ngọn lửa, không rời bỏ chàng. Một tinh thần quyết hành động thật mau chóng chiếm lĩnh chàng. Chỉ khi ngồi vào con thuyền

chàng mới trấn tĩnh lại và tập trung được sự suy nghĩ. Chàng bật cười, ngửa bàn tay hứng ánh mặt trời oi ả, như một lần, khi còn là một cậu bé con, chàng đã làm trong hầm chứa rượu. Sau đó chàng cho thuyền rời đi và chèo nhanh về hướng bến cảng.

# IV
# ĐÊM TRƯỚC

Đêm trước của ngày hôm đó, bảy năm sau kể từ cái ngày người sưu tầm dân ca Egle ngồi bên bờ biển kể cho cô gái bé nhỏ nghe câu chuyện về con tàu có những cánh buồm đỏ thắm, Assol đang trên đường về nhà sau một chuyến viếng thăm các cửa hiệu đồ chơi như lệ thường, với vẻ chán ngán và khuôn mặt buồn rầu. Cô buộc phải mang những món hàng của mình trở về. Cô thấy lòng mình cay đắng đến nỗi không cất nên lời. Chỉ khi nhận thấy qua khuôn mặt nôn nóng của ông Longren, hiện lên vẻ chờ đón một điều gì tồi tệ hơn thế nữa, cô mới vừa đưa ngón tay vẽ lên mặt kính cửa sổ, vừa kể lại chuyện xảy ra, mắt nhìn ra biển xa đầy thất vọng.

Lần này, ông chủ cửa hiệu đồ chơi bắt đầu bằng việc mở cuốn sổ tính toán ra và chỉ cho cô thấy cha con cô còn nợ họ bao nhiêu. Cô run rẩy khi nhìn thấy con số lớn tướng có ba chữ số.

- Đây là số các người đã lấy từ tháng mười hai, - ông chủ cửa hiệu nói, - còn đây chúng ta sẽ xem số hàng đã bán được. - Và ông ấn ngón tay vào một con số khác, chỉ có hai chữ số. - Trông thật bực mình và ái ngại.

- Con trông thấy mặt ông ấy rất bực tức. Giá mà bỏ chạy được thì tốt biết mấy, nhưng thú thật con cũng chẳng còn sức mà chạy nữa vì xấu hổ. Và ông ấy lại bảo: "Cháu yêu, bác chẳng còn lời lãi gì nữa hết. Bây giờ hàng ngoại đang là mốt, các cửa hiệu tràn ngập những thứ đó, và loại này người ta chẳng dùng nữa". Ông ấy nói thế đấy ạ. Ông ấy còn nói nhiều nhưng con hãi quá nên quên sạch cả. Có lẽ ông ấy cũng thương hại con nên đã khuyên con thử sang tiệm "Chợ trẻ em" và "Cây đèn Aladdin".

Nói xong những điều chủ yếu nhất, cô gái quay lại ngập ngừng

nhìn ông già. Ông Longren ngồi ủ ê, tì khuỷu tay lên đùi, còn bàn tay bó chặt lấy đầu gối. Cảm nhận được cái nhìn của con gái, ông ngẩng đầu lên, thở dài.

Gượng cưỡng lại tâm trạng u ám của mình, cô gái chạy đến bên cha và ngồi xuống, nhẹ nhàng luồn cánh tay vào dưới tay áo khoác da của ông, bật cười, ngước lên nhìn mặt cha từ bên dưới và tiếp tục điệu bộ vui vẻ.

- Không sao mà, chưa là gì hết, xin cha nghe con kể tiếp này. Con bước ra khỏi đó nhé. Rồi ồ, con đi vào một cửa hiệu to khủng khiếp, ở đấy có hàng bao nhiêu là người. Họ xô cả vào con, nhưng con cũng len qua được và đến bên một ông đen sì đeo kính. Con không nhớ mình đã nói những gì với ông ấy, cuối cùng chỉ biết ông ấy cười khẩy, lục cái giỏ lên, xem qua một chút, rồi lại gói lại như cũ vào cái khăn và trả lại con.

Ông Longren bực bội lắng nghe. Ông tưởng như đang nhìn thấy đứa con gái mình bối rối giữa đám người giàu có trong cửa hiệu, ngập trong các thứ hàng đắt tiền. Con người kĩ tính mang kính đen đã hạ cố giảng giải cho con bé hay, rằng ông ta sẽ phá sản mất nếu nhận bán những thứ đồ chơi thô sơ của ông Longren, rồi ông ta lơ đãng và thuần thục đặt lên quầy hàng trước mặt con bé những món đồ xếp hình nhà, cầu đường sắt, những chiếc xe ô tô đường nét sắc cạnh và những bộ đồ chơi chạy điện, máy bay, động cơ. Tất cả những thứ đồ đều sực nức mùi sơn và thật kiểu cách. Theo lời ông ta thì hóa ra trẻ con ngày nay thích được chơi những trò giống với những gì người lớn đang làm.

Assol còn đến hiệu "Cây đèn Aladin" và hai cửa hiệu khác nữa, nhưng chẳng ích gì.

Kể xong, cô bé bắt tay vào nấu bữa tối. Ăn tối xong, uống hết một cốc cà phê đặc, ông Longren nói:

- Ta đã không gặp may thì phải kiếm cách xem sao. Có lẽ cha lại phải đi biển thôi, làm trên tàu "Fitzroy" hay "Palermo" vậy. Cuối cùng thì họ nói cũng phải, - ông trầm ngâm tiếp lời, nghĩ về các thứ đồ chơi. - Bây giờ trẻ con không chơi nữa, mà chúng học hỏi. Chúng cứ học, học hoài, mà chẳng bao giờ bắt đầu cuộc sống được. Tất cả là vậy đấy, tiếc đúng là tiếc thật. Con có sống vắng cha hết kì đi biển được không? Để con ở nhà một mình thì cũng ngớ ngẩn thật.

- Con cũng có thể đi biển cùng cha mà, làm trong bếp chẳng hạn.

- Không được! - Ông Longren đóng cộp lời phản đối bằng một cú đập tay xuống làm mặt bàn rung lên. – Cha còn sống thì con chẳng phải làm gì hết. Tóm lại, còn có thì giờ để suy tính.

Ông cau có nín lặng. Assol ngồi trong góc ghế đẩu, bám chặt lấy ông; không ngoảnh đầu lại ông cũng biết cô bé sẽ vỗ về an ủi ông và chút nữa thì ông mỉm cười. Nhưng nếu mỉm cười ông sẽ làm cô bé bối rối và sợ hãi. Cô lẩm bẩm điều gì, vuốt lại mớ tóc bạc rối bời của ông, hôn lên bộ ria và bịt chặt lỗ tai đầy lông của cha bằng những ngón tay nhỏ nhắn, mảnh dẻ và nói:

- Nào, bây giờ thì cha sẽ không nghe thấy được là con rất yêu cha.

Trong lúc cô bé đang làm dáng cho người cha, ông Longren ngồi, mặt nhăn nhúm như người sợ chết vì khói, nhưng nghe những lời con gái nói, ông cười phá lên.

- Con gái thương, - ông chỉ nói như vậy vỗ nhẹ vào má cô bé rồi ra bờ biển xem chiếc thuyền.

Assol đứng ngẫm nghĩ một lát ở giữa căn phòng, lưỡng lự không biết nên thả mình theo nỗi buồn hay làm cho xong những việc nhà đang đợi cô. Sau đó, rửa bát đĩa xong cô xem lại những thực phẩm còn trong tủ. Cô không cần cân hay đong đếm lại cũng biết bột mì không đủ ăn đến cuối tuần, hộp sắt tây đựng đường đã nhìn thấy đáy, gói chè và cà phê hầu như đã rỗng, bơ cũng hết nhẵn, và cái duy nhất khiến người ta tạm bớt bực bội là bao khoai tây khá đầy đặn. Tiếp đến, cô lau sàn, rồi ngồi vào tính khâu nẹp chiếc váy được may lại từ đồ cũ, nhưng nhớ ngay ra rằng các mảnh cắt nằm sau gương. Cô lại chỗ chiếc gương và cầm lấy gói vải; cô nhìn bóng mình trong gương.

Trong khoảng trống sáng trưng nẹp bởi khung gỗ dẻ in bóng cả căn phòng có một thiếu nữ nhỏ nhắn, mảnh mai, mặc chiếc váy vải muslin rẻ tiền màu trắng, có hình những đóa hồng nho nhỏ. Nằm trên bờ vai cô là một chiếc khăn chéo len màu xám. Khuôn mặt rám nắng sáng sủa nửa con nít linh hoạt và biểu cảm; cặp mắt đẹp tuyệt, hơi có vẻ nghiêm nghị so với tuổi đang nhìn với vẻ chăm chú bẽn lẽn của một tâm hồn sâu thẳm. Khuôn mặt nhỏ không cân đối làm nao lòng người bởi những nét ngây thơ và tinh tế. Mỗi đường lượn, mỗi nét cong của khuôn mặt ấy đều có thể tìm thấy trên rất nhiều gương mặt phụ nữ, nhưng tổng thể của chúng toát lên một vẻ hoàn toàn riêng biệt, đặc biệt dễ thương. Chúng ta hãy dừng ở đây. Những gì còn lại không thuộc về quyền lực của ngôn từ, ngoài từ “duyên dáng”.

Cô gái trong gương mỉm cười, cũng vô thức hệt như Assol đang mỉm cười. Nụ cười hiện ra buồn bã, thấy thế cô gái bồn chồn, như thể đang nhìn một ai khác vậy. Cô tì má lên mặt gương, nhắm mắt lại, và lặng lẽ lấy tay xoa lên mặt gương, nơi phản chiếu hình dáng cô. Hàng đàn những ý nghĩ mơ hồ, trìu mến, sáng lấp lánh lên trong cô, cô cưỡng lại, bật cười và ngồi vào bắt đầu khâu.

Trong khi cô đang may vá, chúng ta hãy ngắm cô gần hơn nữa - vào nội tâm. Trong cô có hai cô gái, hai Assol trong một sự hài hòa tuyệt vời. Một là con gái người cựu thủy thủ, một người thợ thủ công làm đồ chơi, và người kia là vần thơ sống động với tất cả sự diệu kì của hình ảnh và hòa âm, với nét bí ẩn bên cạnh ngôn từ, trong tất cả sự gắn bó hòa quyện quấn quýt của ánh sáng cùng bóng tối, đổ bóng vào nhau. Bằng kinh nghiệm của mình, cô biết cuộc sống nằm trong giới hạn, nhưng vượt lên trên những hiện tượng chung, cô nhìn thấy một ý nghĩa phản ánh trật tự khác hẳn. Vậy là, nhìn vào một số vật, ta thấy ở chúng có một cái gì đó không hề đúng cách, nhưng bằng ấn tượng - phân định theo kiểu con người, và - cũng vậy, theo kiểu con người - thấy rất đặc biệt. Tương tự như vậy với trường hợp của Assol, cô còn nhìn thấy cái vượt xa thứ mắt thường có thể nhìn thấy được. Thiếu đi khả năng đó, có lẽ mọi điều đơn giản dễ hiểu đã trở nên xa lạ với tâm hồn cô. Cô biết đọc và thích đọc, nhưng ngay cả khi đọc cô vẫn cảm nhận được những ngụ ý sâu xa không lộ thành lời, giống như cách cô hằng sống. Một cách vô thức, bằng những cảm hứng theo cách riêng của mình, cô mở dần những khám phá nhỏ mong manh, không thể miêu tả được, nhưng trọng đại, như sự ấm áp và tinh khôi. Đôi khi - và điều này tiếp diễn trong nhiều ngày - cô thậm chí như được sinh ra lại; sự xung đột vật chất của cuộc sống biến mất, như tiếng vĩ cầm phá tan màn in lặng; và tất cả những gì cô nhìn thấy, những gì cô trải qua, những gì ở xung quanh đã dệt thành lớp mạng ren huyền bí giữa những nét đời thường. Không chỉ một lần, hồi hộp và bối rối, đang đêm cô bỏ ra bờ biển, ngồi chờ đón bình minh, ngóng đợi con tàu với những cánh buồm đỏ thắm. Những giây phút ấy là niềm hạnh phúc của cô. Chúng ta thật khó lòng thả mình vào những câu chuyện cổ tích như thế; còn cô, cũng thật khó lòng không kém để ra khỏi uy lực và sự cuốn hút của chúng.

Vào một lúc khác, ngẫm nghĩ về tất cả những điều này, hẳn cô phải thành thực ngạc nhiên về bản thân, không tin rằng mình đã tin là như vậy. Mỉm cười chia tay cùng biển cả để buồn bã trở lại thực tại, giờ đây cô vừa tiếp tục cắt may vừa hồi tưởng lại cuộc sống của mình. Quá nhiều điều đơn sơ và buồn tẻ. Nỗi cô quạnh chỉ có hai cha con có khi khiến cô thấy nặng nề vô cùng tận,

nhưng trong cô đã hình thành nếp hằn của sự ngại ngùng nội tâm, cái nếp hằn giày vò ấy khiến cô thấy nặng nề vô cùng tận, cái nếp hằn giày vò ấy không thể xóa bỏ, cũng không thể sâu thêm nữa. Người ta cười giễu cô, bảo rằng: "Nó lẩn thẩn ấy mà", "dở hơi". Cô đã quen với nỗi đau này có khi cô thậm chí phải chịu cả nỗi sỉ nhục để rồi ngực cô nhức lên như bị ai đánh. Là một thiếu nữ, cô không được ưa chuộng ở Kaperna dù cũng có một số người nhận ra, tuy mơ hồ và bản năng rằng cô được tạo hóa ban cho nhiều cái hơn người - chỉ có điều bằng thứ tiếng khác. Dân Kaperna chuộng những kiểu đàn bà nặng nề, vững chãi với nước da nhờn bóng và bắp chân nung núc, cánh tay mạnh mẽ; ở đây khi tán tỉnh người ta vỗ vào lưng và xô đẩy nhau như giữa chợ phiên vậy. Cái kiểu tình cảm này giống như sự tuệch toạc chẳng chút quanh co của một tiếng rống thô lỗ. Assol làm quen với một trường thẳng thừng này cũng giống như thế giới của những bóng ma dần trở nên quen thuộc với những người tìm kiếm một cuộc sống tâm linh, hay cứ việc chiếm lĩnh tất cả những điều mê hoặc của Assunta hay Aspasia: Còn tình yêu ư, sẽ chẳng có đâu. Vậy là trong tiếng rúc đều đặn của kèn đồng nhà binh, tiếng buồn kì diệu của đàn phong cầm bất lực không kéo nổi đoàn quân thô bạo khỏi quy trình theo một đường thẳng của nó. Cô gái quay lưng lại với tất cả những gì được nhắc tới trong những dòng chữ này.

Trong lúc cô gái khe khẽ ngâm nga bài ca cuộc đời, đôi tay nhỏ nhắn làm việc cần mẫn và khéo léo. Khi cắt đứt sợi chỉ, cô phóng mắt nhìn xa ra phía trước, nhưng điều đó chẳng mấy ảnh hưởng tới những đường may thẳng thớm và đều như máy của cô. Dù ông Longren chưa quay về, cô cũng không thấy lo lắng. Gần đây ông vẫn thường xuyên bơi đi đánh cá hoặc đơn giản chỉ đi cho thoáng khí. Cô không còn bị nỗi sợ hãi giày vò: Cô biết sẽ chẳng có điều gì tệ hại xảy đến với cha cô được. Ở điểm này, Assol vẫn còn là bé gái nhỏ thuở nào - kẻ vẫn cầu nguyện theo cách riêng của mình, khi mỗi buổi sáng lại thỏ thẻ một cách thân thiện: "Xin chào, đức Thượng đế", còn đến chiều: "Tạm biệt nhé, đức Thượng Đế".

Theo cô, sự giao tiếp ngắn ngủi như vậy với đức Chúa Trời đủ khiến ngài ngăn chặn mọi điều bất hạnh. Và cô đặt mình vào vị trí của ngài: Thượng đế ngàn đời luôn bận bịu với công chuyện của hàng triệu triệu con người, vì vậy những điều vụn vặt mờ nhạt của đời thường, như một người khách đến một ngôi nhà đầy ắp khách khứa, cần phải có một sự nhẫn nại ý nhị mà chờ đợi vị chủ nhà đang tất tả bận rộn, tùy tình thế mà liệu đường ăn ở.

May vá xong, Assol đặt mớ đồ khâu vào chiếc bàn con ở góc nhà, thay quần áo và đi nằm. Bếp lửa đã tàn. Cô lập tức cảm thấy không

thể ngủ được nữa; đầu óc tỉnh táo cứ như lúc ban trưa, thậm chí bóng tối đang vây quanh dường như là không có thật, thân thể cũng như đầu óc thấy nhẹ bẫng như ban ngày, tim đập nhanh như tiếng đồng hồ bỏ túi, dường như nó đang tích tắc chạy ngay dưới gối. Assol bực bội, càu nhàu, lúc tung chăn ra, lúc kéo chăn lên trùm kín đầu. Cuối cùng thì cô cũng gọi đến được một hình ảnh quen thuộc, thường vẫn giúp cô ngủ thiếp đi: Cô thầm hình dung mình đang ném những viên đá xuống mặt nước sáng lóa, vừa quan sát những gợn sóng đang loang ra. Giấc ngủ như chỉ chờ có thế; nó đã đến thì thào trong tiếng nói của mẹ Mary yêu dấu, đứng ở nơi đầu giường mỉm cười trong tiếng nói loang ra xung quanh: "S...S... Suỵt!". Assol lập tức thiếp đi. Cô gái mơ thấy giấc mơ yêu thích: Cây cối đơm hoa, nỗi buồn nhớ, vẻ quyến rũ, những bài ca và những điều huyền bí - những điều mà khi tỉnh lại, cô chỉ còn thấy trong những tia long lanh nơi mặt nước xanh biếc, từ bàn chân truyền lên trái tim với một cảm giác lạnh và hân hoan. Được thấy mọi thứ ấy, cô gái còn lưu lại phút chốc giữa nơi xứ sở những điều không thể có, rồi tỉnh giấc hẳn và ngồi dậy.

Nếu cô gái không thiếp đi thì giấc mơ đã chẳng thể tìm tới. Một cảm giác sung sướng, mới mẻ và mong muốn làm ngay một điều gì đã sưởi ấm cô. Cô nhìn quanh như ta ngắm một ngôi nhà mới. Trời đã sáng - dù vẫn còn chạng vạng, nhưng ánh chạng vạng đó đã có thể soi rõ xung quanh. Bên dưới cửa sổ vẫn còn tối nhưng phía bên trên đã bắt đầu sáng rõ. Ngoài nhà, nơi cuối khung cửa sổ, ngôi sao mai vẫn sáng lấp lánh. Biết rằng chẳng thể ngủ tiếp được nữa, Assol mặc quần áo, đến bên cửa sổ, kéo chốt và mở tung cánh cửa ra. Bên ngoài kia ngự trị một bầu yên tĩnh lắng đọng và rõ nét, như vừa mới tràn đến. Trong ánh bình minh xanh biếc, lấp loáng những khóm cây, xa hơn nữa là cây cối còn đang thiếp ngủ, phảng phất hương đất nồng lẫn vào khí trời hanh oi.

Giữ tay trên khung cửa sổ, cô gái ngắm nhìn và mỉm cười. Bỗng nhiên, một cái gì như một tiếng gọi xa xăm, xôn xao từ bên trong ra, ập từ bên ngoài vào, khiến cô như chợt tỉnh giấc một lần nữa bởi một thực tế hiển nhiên với cái hiển hiện hơn và khẳng định hơn. Một nhận thức đầy đủ và tươi sáng, kể từ giây phút này, không rời bỏ cô nữa. Cũng như khi ta nghe và hiểu được lời trò chuyện của mọi người, rồi khi nghe lại một lần nữa, ta cảm nhận và thấu hiểu, nhưng lần này với một ý nghĩa khác hẳn. Với cô cũng như vậy.

Chiếc khăn len chéo cũ kĩ quàng trên đầu cô bao giờ cũng mang một vẻ trẻ trung, tươi tắn. Cô gái buộc chặt chéo khăn ở dưới cằm, đóng cửa và chạy vù ra đường. Dù ngoài đường vắng tanh và lặng

như tờ, cô vẫn cảm thấy nó đang ngân vang rất rõ như tiếng một dàn nhạc đang chơi, tất cả đều dễ thương, đều làm cô sung sướng. Làn bụi ấm nóng quẩn bên gót chân trần của cô. Không gian sáng sủa và vui tươi. Những đám mây cùng các mái nhà sẫm lại trong bầu trời ban mai đang sáng dần. Vườn tược, rào giậu, những khóm tầm xuân cùng con đường vẫn đang thiêm thiếp trong cơn mơ màng. Tất cả đều hiện ra rất khác so với ban ngày - cũng thế như trượt lên trước một ban ngày hiện thực. Tất cả như đang thiếp ngủ, với cặp mắt mở to kín đáo dõi theo bước chân của cô gái.

Càng đi xa cô càng rảo nhanh bước chân, vội vã rời khỏi ngôi làng. Sau Kaperna là đồng cỏ sạch tinh khôi, sau đồng cỏ, mọc dọc theo những triền đồi chạy men biển là những cây dẻ, cây dương và phi tử. Ở cuối con đường lớn, chuyển tiếp sang con đường mòn vắng vẻ, một chú chó đen lông xù với khoang ngực trắng, cặp mắt bồn chồn biết nói, dịu dàng quẩn lấy chân Assol. Con chó nhận ra cô gái, rít lên ăng ẳng, điệu đà ngoe nguẩy thân mình bước theo sau Assol, lặng lẽ phục tùng cô như người trong nhà. Assol nhìn vào cặp mắt mách bảo của nó, đoán chắc rằng nếu như không có lí do thầm kín phải giữ im lặng, tất chú ta đã cất lời chuyện trò cùng cô rồi. Nhận thấy nụ cười của cô bạn, con chó vui vẻ nhếch cái mõm, ve vẩy đuôi chạy tớn lên trước, rồi lại đột ngột ngồi xuống một cách thờ ơ, bận rộn cọ chân vào tai, mõm ngoạm một kẻ thù thường xuyên vô hình, rồi lại chạy ngược trở lại.

Assol rẽ vào một bãi cỏ cao dài đang lộp độp rụng sương, bàn tay cô giữ lại đám lá mọc thành túm, cô bước đi, mỉm cười đáp lại mỗi sự động chạm của chúng. Ngắm nghía những đài hoa kì lạ, đám cọng cỏ rối bời, cô nhận xét chúng như những con người: Dáng điệu, sự nỗ lực, những chuyển động, những đường nét và những ánh nhìn. Giờ đây có lẽ cô chẳng hề ngạc nhiên khi nhìn thấy cuộc diễu hành của lũ chuột đồng hay niềm vui hoang dại của gã nhím, khiến tên quỷ lùn đang say ngủ phải hoảng lên bởi những chiếc lông nhọn hoắt của gã. Và đúng thế, một gã nhím xám lăn lông lốc ra con đường mòn ngay trước mặt cô. “Phúc- phúc…”- gã cất tiếng cởi mở thân thiện như bác xà ích càu nhàu với khách bộ hành. Assol chuyện trò với những con vật cô nhìn thấy và biết rõ chúng, “Xin chào, bệnh nhân tội nghiệp,” - cô nói với bông rẻ quạt tim tím bị sâu nhấm lỗ chỗ. “Mày nên ngồi nhà thì hơn,” - đó là lời cô nhắc bụi cây mọc ngay giữa đường mòn làm vướng chân người qua lại. Một chú bọ dừa bám vào bông hoa chuông khiến nó cong oằn xuống, hất chú ta rụng bộp xuống đất, nhưng chú bọ vẫn ngoan cố ngọ nguậy những cái chân. “Hãy phủi bụi cho vị khách béo tròn,” - Assol nhắc nhở. Chú bọ dừa rõ là chẳng thể trụ thêm được

nữa, đành xòe cánh vè vè bay mất. Thế là xốn xang, bồn chồn, rạo rực, cô tiến lại phía triền đồi, hòa vào không gian dày cỏ của nó; nhưng giờ đây, mọi vật xung quanh đã thực sự trở thành những người bạn của cô, cô biết chắc điều này vì chúng cất giọng trầm trầm trò chuyện với cô.

Đó là những cây đại thụ đứng xen cùng đám kim ngân và phi tử. Những cành rủ xuống của chúng chạm vào đỉnh ngọn những bụi cây. Giữa mảng lá dẻ to tướng im lìm trồi lên những mũ hoa trắng ngần, hương thơm của chúng hòa quyện cùng hương vị của sương sớm và nhựa thông. Con đường mòn, lổm ngổm những gốc cây trơn nhẵn, lúc hõm xuống, khi trồi lên. Assol như đang ở trong nhà mình. Cô nắm lấy những trùm lá rộng của chúng và lắc lắc, cô chào hỏi đám cây cối như con người chào lẫn nhau. Cô bước đi, thì thào lúc thầm trong óc, lúc cất lên thành lời: "Ồ, chào anh bạn, chào bạn thân mến! Các bạn đông thật, những người anh em của tôi! Tôi đang phải đi vội đây, nào các anh em, cho tôi qua với nào! Tôi biết tất cả, hiểu tất cả và trân trọng tất cả các bạn mà." "Các người anh em" vuốt ve cô trong chừng mực có thể bằng những chiếc lá của mình và thân thiết đáp lời. Cô gái ra tới con dốc bên bờ biển, chân lấm đầy đất. Cô bước đến chân dốc, thở hổn hển vì đi nhanh. Một niềm tin sâu thẳm vững chắc rộn ràng ngân vang trong lòng. Cô phóng mắt nhìn về chân trời, nơi những âm thanh nhè nhẹ của những con sóng vỗ bờ dội trở lại nơi cô những tiếng vang kiêu hãnh của những con sóng trinh nguyên.

Lúc đó, biển viền một đường chỉ vàng quanh chân trời còn đang thiếp ngủ, ở nơi chân dốc nước đang dâng lên rồi hạ xuống trong những vũng nhỏ ven bờ. Biển mơ màng nơi ven bờ, từ màu thép sáng trở sang màu xanh thẫm rồi màu đen. Bên ngoài đường chỉ vàng, bầu trời đang lóe lên, sáng rõ ra trong những dải ánh sáng rộng. Những đám mây trắng ửng lên một màu hồng khi được bao phủ một lớp ánh sáng nhẹ linh thiêng. Phía xa tối sẫm đã mờ mờ hiện lên ánh tuyết trắng, những đám bọt sáng lên lấp lánh, và những đứt đoạn đỏ ối, bừng cháy từng quãng trên đường chỉ vàng, quăng những gợn thắm đỏ xuống khắp mặt đại dương, tới tận bên chân Assol.

Cô gái ngồi co chân, hai tay bó gối. Chăm chăm vươn người về phía biển, cô mở to mắt nhìn ra xa chân trời, đôi mắt to, hoàn toàn không còn mang vẻ gì của một người lớn - đó là đôi mắt của một đứa trẻ. Tất cả những gì cô đã chờ đợi lâu đến thế, cháy bỏng đến thế, đều sinh ra ở kia, nơi tận cùng thế gian. Cô trông thấy ở nơi xứ sở của những vực thẳm sâu xa một quả đồi nằm sâu trong đáy nước; trên bờ mặt của nó buông xuống những giống cây leo; giữa

những đám lá rộng của chúng lấp lóe những búp hoa lạ, đâm lên từ gốc. Những chiếc lá nhô khỏi ngọn sóng lấp lánh khắp mặt đại dương. Nhưng những người chưa hề được biết đến những gì Assol đã biết, sẽ chỉ coi chúng là những gợn sóng lấp lánh mà thôi.

Từ những đám cây ấy hiện lên một con tàu, nó bơi đến và dừng lại trong ánh ban mai rực rỡ. Từ nơi xa kia, nó hiện lên rõ nét như một tảng mây. Nó bơi đi, tỏa ra sự vui vẻ như rượu vang, như hoa hồng, như máu, như môi, như nhung thắm đỏ và như một ngọn lửa chói ngời. Con tàu bơi thẳng đến với Assol. Sóng nước rẽ ra dưới mũi tàu, bọt tung trắng xóa lung linh. Cô gái đứng lên, tay áp lấy ngực, nhưng trò đùa huyền nhiệm của ánh sáng đã biến thành một gợn sóng: Mặt trời đã lên và ánh sáng rực rỡ của buổi sớm đã gỡ bỏ tấm màn bao phủ tất cả những gì còn chưa tỉnh giấc, vươn xuống mặt đất còn đang trong cơn mơ màng.

Cô gái thở dài và nhìn quanh. Tiếng nhạc đã tắt nhưng Assol vẫn còn chơi vơi giữa những hòa âm của nó. Ấn tượng này yếu dần, sau đó biến thành niềm hồi tưởng và cuối cùng chỉ còn lại một sự mệt mỏi. Cô gái nằm lên mặt cỏ, ngáp dài rồi khoan khoái nhắm mắt lại, cô ngủ thiếp đi - ngủ rất say, không chút vướng bận, không hề mộng mị. Một chú ruồi bò vẩn vơ trên bàn chân để trần đã đánh thức cô dậy. Khẽ giãy một bên chân, Assol tỉnh giấc, ngồi dậy. Cô vuốt lại mớ tóc rối bời khiến chiếc nhẫn của Gray bị lộ ra, nhưng cho đó chỉ là cọng cỏ vương vào ngón tay, cô vội vã đưa tay lên sát tận mắt, nhìn vào rồi bỗng nhảy bật lên như một tia nước vọt lên từ đài phun.

Trên ngón tay cô lấp lánh chiếc nhẫn của Gray, như một ngón tay lạ, trong khoảnh khắc, cô không thể cảm nhận được nó là ngón tay của mình.

- Của ai thứ này vậy? Của ai thứ này? - Cô sôi nổi kêu lên. - Chẳng lẽ mình đang ngủ mơ? Hay là mình nhặt được mà quên khuấy đi mất?

Tay trái chụp lấy bàn tay phải đang mang chiếc nhẫn, cô lạ lùng đưa mắt tìm quanh, về phía biển, phía những lùm cây xanh; nhưng chẳng có chút gì động đậy, cũng chẳng có ai nấp sau các khóm cây, và ở phía biển xa bừng sáng cũng không thấy có một dấu hiệu nào. Assol má ửng hồng còn trái tim reo vang lời mách bảo tiên tri: “Phải rồi đấy!” Không có lời giải thích nào cho những gì đã xảy ra nhưng không cần nói, chẳng cần suy nghĩ, cô đã tìm thấy lời giải đáp trong cảm giác rất lạ lùng của mình và chiếc nhẫn trở nên gần gũi đến thế. Run rẩy, cô tháo chiếc nhẫn khỏi

ngón tay, để nó trong vốc tay như vốc nước, say sưa ngắm nghía với cả tâm hồn, trái tim, cả niềm hân hoan tràn đầy, cùng cả niềm sùng tín sáng trong của tuổi thanh xuân. Rồi giấu nó vào trong áo nịt, cô vùi mặt vào lòng bàn tay và không nén bật lên tiếng cười. Đầu cúi xuống, cô chậm chạp quay trở về nhà.

Vậy là tình cờ, - như những người văn hoa vẫn thường nói - Gray và Assol đã tìm thấy nhau vào một buổi sớm mùa hạ tràn đầy những điều không thể tránh khỏi.

# V
# CHUẨN BỊ CHIẾN ĐẤU

Khi Gray trở lại con tàu "Điều bí mật", chàng đứng lặng lẽ đến vài phút, tay cứ vuốt mãi tóc từ gáy lên phía trán, tỏ rõ đang bị bối rối đến cực độ. Sự lơ đễnh - chuyển động mơ hồ của cảm giác - phản chiếu lên gương mặt chàng một nụ cười vô cảm của kẻ mộng du. Panten - trợ tá của chàng khi đó đang leo dọc cầu thang, tay bưng đĩa cá rán - lập tức nhận ra ngay trạng thái lạ lùng của chàng thuyền trưởng:

- Ngài, có phải ngài bị thương ở đâu không? - Ông thận trọng hỏi han. - Ngài đã đi đâu? Gặp chuyện gì vậy? Nói chung, đó là chuyện riêng của ngài nhỉ. Một người môi giới chứng khoán đề nghị ta chuyển hàng cho ông ta với một giá rất hời. Còn có tiền thưởng thêm nữa. Nhưng mà ngài làm sao vậy?...

- Cảm ơn ông, - Gray đáp, thở phào như vừa được cởi trói. - Cái mà tôi đang cần chính là tiếng nói đơn giản và tỉnh táo của ông đấy. Như một thứ nước lạnh vậy. Panten này, ông báo với mọi người rằng hôm nay chúng ta sẽ nhổ neo chuyển vào vùng cửa sông Liliana, cách đây mười hải lí nhé. Dòng sông này có nhiều doi đất ngầm rất nông, muốn vào vùng đó chỉ có thể nương theo dòng chảy của nó. Hãy đem bản đồ lại đây. Không cần phải gọi hoa tiêu đâu. Tạm thời chỉ cần thế thôi… À vâng, tôi đang rất cần một giá cước hời, cần như tuyết mùa năm ngoái vậy. Ông có thể chuyển lời đến vị môi giới như vậy. Tôi vào thành phố đây, và sẽ ở đó đến tối.

- Nhưng có chuyện gì vậy?

- Hoàn toàn không có gì, ông Panten ạ. Tôi mong ông lưu ý đến nguyện vọng của tôi và tránh mọi hỏi han. Đến lúc, tôi sẽ thông báo mọi chuyện với ông. Hãy nói với anh em thủy thủ rằng tàu đến kì bảo dưỡng, cần đưa vào ụ.

- Rõ rồi - ông Panten máy móc trả lời sau lưng Gray đã bỏ đi, - xin thi hành tất cả.

Mặc dù mệnh lệnh của thuyền trưởng rất rõ ràng, viên trợ tá vẫn trố mắt lên và hối hả phóng về ca-bin của mình với cái đĩa trên tay miệng lẩm bẩm: "Này Panten, mi được giao nhiệm vụ rồi đấy nhé. Chẳng nhẽ ngài thuyền trưởng muốn đi buôn lậu một phen?" Đến đây thì ông Panten bị rối mù lên trong một đám những giả thiết hoang đường nhất. Trong lúc ông ta ngấu nghiến tiêu diệt chú cá rán, Gray xuống ca-bin lấy tiền rồi bơi xuồng qua vịnh biển đến khu thương mại thành Liss. Giờ đây chàng hành động quả quyết và bình tĩnh, hiểu thấu đến từng chi tiết nhưng chuyện sẽ có thể xảy ra trên đường lạ kì. Mỗi một cử động, ý nghĩ, hành động, đều sưởi ấm chàng bởi một niềm cảm khái tinh tế đầy chất nghệ thuật. Kế hoạch của chàng được vạch ra một cách rành rọt và tức thì. Dự định ấy đối với nhận thức về cuộc đời của chàng mà nói, chẳng khác nào nhát dao sắc lẻm và chính xác cuối cùng của nhà điêu khắc để sau đó khối đá hoa cương bỗng hóa thành pho tượng tuyệt đẹp, bình thản phơi mình trong ánh tỏa tuyệt vời.

Gray vào ba cửa hiệu liền, cực kì để tâm vào việc lựa chọn bởi nhận thức của chàng đã thấy được gam màu cần thiết. Ở hai cửa hiệu đầu người ta cho chàng xem loại hàng lụa màu rực rỡ, thường thỏa mãn thị hiếu giản đơn phù phiếm; ở cửa hiệu thứ ba chàng thấy mẫu hàng gây cảm giác mạnh mẽ, phức tạp. Chủ hiệu hớn hở tất bật dỡ tung cuộn vải chất trong kho, còn Gray tỏ ra khắt khe như một nhà phẫu thuật. Chàng kiên nhẫn lựa chọn các cuộn vải, đẩy riêng chúng ra, xem xét, so sánh màu của rất nhiều các mẫu vải đỏ, đến độ cả quầy hàng cháy lên một sắc đỏ chói lòa. Mũi ủng của Gray phủ một làn sóng đỏ sẫm, trên cánh tay và trên gương mặt chàng sáng lên ánh phản chiếu hồng rực. Tùy theo chất liệu từng thứ lụa mà chàng lựa chọn màu sắc: Màu hồng nhạt, hồng, hồng sẫm; đủ các loại gam màu: Anh đào, da cam và hung sẫm, ở đây có tất cả các cung bậc của mọi sức mạnh và ý nghĩa, khác biệt chỉ trong li tấc tưởng tượng, như thể sự khác biệt giữa các từ "duyên dáng"; "tuyệt vời"; "cực kì"; "hoàn hảo" vậy. Từ những nếp gấp lan ra những ẩn ý mà ngôn ngữ của thị giác không thể diễn đạt nổi, nhưng vô số màu đỏ thẫm ấy vẫn chưa có gam nào thực sự lọt vào mắt xanh chàng thuyền trưởng của chúng ta. Tất cả những gì ông chủ hiệu mang ra đều đẹp cả nhưng vẫn không được dứt khoát chấp nhận. Cuối cùng, một gam màu đã cuốn hút được sự chú ý của vị khách hàng đã chực bỏ cuộc; chàng ngồi xuống chiếc ghế dựa ở gần ngay cửa sổ, kéo một dải lụa dài sột soạt tung lên đầu gối, ngậm chặt chiếc tẩu giữa hai hàm răng, chàng bất động mục chú.

Đó thực là một màu thắm đỏ trinh nguyên, như tia nắng trời buổi ban mai - màu sắc tràn ngập niềm vui tao nhã và uy nghiêm, cực kì kiêu sa, đúng thứ mà Gray đang tìm kiếm. Nó không phải sự pha trộn các gam màu của lửa, của cánh hoa anh túc, của ánh tím, cũng không hề lẫn thêm một chút gì của ánh sẫm hay thanh thiên để có thể gợn lên chút băn khoăn, lưỡng lự. Thắm ửng lên như một nét cười, vẻ tuyệt mĩ của ánh phản chiếu nội tâm. Gray trầm ngâm đến độ quên mất là ông chủ hiệu đang đứng chờ sau lưng chàng với vẻ căng thẳng của chú chó săn rình mồi. Đứng chán, ông đành nhắc nhở sự hiện diện của mình bằng cách xé đánh soạt một miếng vải mẫu.

- Không cần lấy vải mẫu nữa, - Gray đứng lên nói, - tôi lấy thứ lụa này.

- Cả cuộn sao ạ? - Ông chủ hiệu hỏi, băn khoăn một cách kính cẩn. Nhưng Gray lặng thinh nhìn lên trán ông ta khiến ông ta trở nên hơi quá trớn. - Vậy thì bao nhiêu mét đây?

Gray gật đầu, chậm rãi lấy bút chì viết lên giấy số vải cần mua.

- Hai ngàn mét, - chàng phân vân nhìn lên giá để vải. - Đúng, không dưới hai ngàn mét.

- Hai? - Ông chủ nảy bật lên như lò xo. - Ngàn? Mét? Xin mời ngài ngồi, thưa thuyền trưởng. Ngài có muốn xem thêm vài mẫu vải mới không ạ? Xin theo ý ngài, thưa thuyền trưởng. Diêm đây, thuốc lá cực ngon đây, xin mời ngài. Hai ngàn...Hai ngàn với giá...- Ông ta xướng lên một cái giá chắc như cua gạch và chẳng lấy gì làm thành thật cho lắm, nhưng Gray đang cảm thấy rất hài lòng nên chẳng nghĩ đến chuyện mặc cả gì hết. - Thứ lụa tốt đến lạ lùng, - ông chủ tiếp tục, - thứ hàng siêu hạng không gì sánh nổi, chỉ có ở chỗ chúng tôi thôi đấy ạ.

Cuối cùng, trong niềm hân hoan đến cực điểm của ông chủ hiệu, Gray thỏa thuận với ông nơi chuyển số hàng đến, chi phí vận chuyển do chàng chịu. Trả tiền cho ông ta xong, chàng ra về trong sự tiễn rước trọng thị của ông chủ hiệu, như với một vị hoàng đế Trung Hoa. Cũng lúc đó cách cửa hiệu một con phố, một nhạc công vãng lai đang so dây đàn violoncelle, sao cho cây vĩ mã làm ngân lên những tiếng buồn man mác; người bạn đồng hành của ông ta - chàng nhạc công thổi sáo - thì đang thủ thỉ huýt sáo miệng một khúc ca; khúc hát bình dị của họ làm náo động cả khu phố đang lả đi vì nóng bức, vọng đến tận tai Gray khiến chàng hiểu ra ngay bước hành động tiếp theo của mình sẽ là gì.

Nói chung, trong những ngày này chàng lúc nào cũng trong tình trạng phấn chấn cực điểm - một trạng thái giúp chàng dễ dàng đọc rõ mọi ẩn ý, mọi mách bảo của thực tại. Nghe rõ những âm thanh kìm nén văng vẳng như từ một cỗ xe đang chuyển động xa dần, chàng tiến vào tâm điểm của những ấn tượng, những suy ngẫm quan trọng bậc nhất, được gợi nên bởi thứ âm thanh ấy, phù hợp với tính cách của chàng, khiến chàng cảm thấy mọi cái chàng đang bày đặt ra sẽ kết thúc tốt đẹp. Đi qua con hẻm, chàng bước vào cổng ngôi nhà đang có cuộc trình diễn âm nhạc. Đúng lúc đó đám nhạc công lục đục chuẩn bị rời đi; chàng thổi sáo lênh khênh, dáng vẻ khúm núm kính cẩn vung mũ về phía những ô cửa sổ, nơi vừa bay ra những đồng tiền xu. Chiếc violoncelle cũng đã được kẹp trở lại dưới nách chủ nhân của nó - người lúc này đang quệt mồ hôi trán, chờ chàng thổi sáo.

- Hà, ra bác đấy à, bác Zimmer! - Gray thốt lên, nhận ra người nhạc công vĩ cầm tài ba vẫn thường mua vui mỗi tối cho đám thủy thủ, khách hàng của quán rượu "Tiền chi cho thùng tônô", - sao bác lại bỏ chơi vĩ cầm?

- Thưa thuyền Trưởng đáng kính, - Zimmer phản đối một cách tự mãn, - tôi chơi được tất cả những gì có thể tạo ra âm thanh và âm điệu...Hồi còn trẻ tôi đã từng là một tay hề âm nhạc đấy chứ. Giờ đây tôi lại bị nghệ thuật lôi cuốn và cay đắng nhận ra rằng mình đã để chết yểu một tài năng hiếm có. Bởi thế, trong sự hối tiếc muộn mằn, tôi say một lúc hai thứ: Violoncelle và vĩ cầm. Ban ngày tôi chơi vionloncelle, còn đến tối thì vĩ cầm, có nghĩa như thể rằng tôi khóc than, rên rỉ cho tài năng đã chết ấy mà. Ngài đãi tôi một cốc chứ? Violoncelle là Carmen của tôi, còn vĩ cầm là...

- Assol, - Gray nối lời.

Zimmer chưa nghe ra:

- Vâng, - bác ta gật gù, - colo trên mọi loại, thanh la, ống đồng là một chuyện. Nói chung - tôi cần gì?! Cứ để bọn nghệ sĩ đồng bóng tha hồ mà làm bộ làm tịch. Tôi thì tôi biết các tiên nga luôn thả mình theo violoncell và vĩ cầm.

- Mà cái gì ẩn trong cái "Tu-liu-lu" của tôi thế này vậy? - Chàng thổi sáo đã bước tới hỏi, một cậu chàng lêu nghêu, ngộc nghệch, với cặp mắt cừu non xanh biếc và bộ râu vàng hoe. - Nào, hãy nói xem?

- Còn xem từ sáng đến giờ cậu nốc bao nhiêu đã. Có khi chỉ tí chút,

khi thì như hũ chìm ấy. Thuyền Trưởng ạ, đây là anh bạn đồng hành Diis của tôi. Tôi kể với cậu ta rằng ngài vung vàng như rác mỗi khi uống rượu, và cậu ta nhất trí mê ngài ngay.

- Vâng, - gã Diis lên tiếng, - tôi khoái những hành động hào hiệp và hòa phóng. Nhưng tôi là một kẻ xu nịnh đấy, xin đừng có tin vào lời phỉnh nịnh hèn hạ của tôi.

- Thế này nhé, - Gray bật cười nói, - tôi có ít thời gian lắm, mà công việc thì rất gấp. Tôi sẽ trả công hậu hĩnh cho các anh. Hãy tập hợp thành dàn nhạc, nhưng không phải những gã bảnh chọe, với điệu bộ diễu hành cứng nhắc, những kẻ chơi nhạc giáo điều thành tật, hay tệ hơn là những kẻ từ các quầy nhạc và dần dà làm tê cóng sàn diễn bởi những âm thanh nhảm nhí của họ, - tuyệt đối không nhé. Hãy tập hợp người của các anh, làm sao cho trái tim giản dị của những chị nấu bếp, những bác đánh xe cũng phải bật khóc; hãy tập hợp những nhạc công vãng lai của các anh lại. Biển và tình yêu không chịu nổi những kẻ cầu kì rởm đời. Tôi sẵn lòng ngồi lại với các anh, thậm chí không chỉ để uống một chai, nhưng tôi cần phải đi đã. Tôi còn nhiều việc lắm. Hãy cầm lấy từng này và uống mừng cho chữ cái "A" đi nhé. Nếu các anh hứng thú với đề nghị của tôi, hãy đến tàu "Điều bí mật" tối nay. Nó nằm cách đầu con đập không xa.

- Đồng ý! - Zimmer kêu lên, thừa biết Gray trả công hào phóng như vua. - Diis, hãy cúi chào, nói "vâng" và hãy quay mũ vì sướng đi! Thuyền trưởng Gray muốn cưới vợ đấy mà!

- Đúng thế, - Gray khẳng định một cách giản dị. - Mọi chi tiết tôi sẽ thông báo cho các anh trên tàu "Điều bí mật". Các anh phải…

- Vì chữ cái "A"! - Diis huých khuỷu tay vào Zimmer, nháy mắt với Gray. - Nhưng, có nhiều chữ đến thế trong bảng chữ cái! Xin hãy thưởng thêm đôi chút…

Gray đưa thêm tiền. Các nhạc công rời đi. Khi đó chàng ghé vào văn phòng môi giới kí một đơn hàng bí mật với một số lượng lớn - thực thi gấp, trong thời hạn sáu ngày. Ngay khi Gray quay trở về tàu của mình, nhân viên văn phòng môi giới đã lên tàu thủy. Đến tối vải lụa đã được chuyển tới. Gray thuê năm chiếc thuyền buồm kèm theo đội hình thủy thủ. Letika vẫn còn chưa quay về, các nhạc công vãng lai cũng chưa thấy đến; Gray tìm đến bàn luận cùng ông Panten.

Cần nhớ rằng trong từng ấy năm Gray đi biển chỉ cùng với một đội

thủy thủ. Thoạt đầu, chàng thuyền trưởng khiến đám thủy thủ kinh ngạc bởi những tuyến đường thay đổi rất bất ngờ, đỗ lại - đôi khi hàng tháng trời - ở những nơi thưa dân cư nhất chẳng hề buôn bán sầm uất, nhưng dần dà họ cũng nhiễm dần cái Gray tính của chàng. Gray thường cho tàu chạy phải đệm thêm đồ dằn vì từ chối những hợp đồng vận chuyển béo bở bởi không thích thứ hàng hóa được đề nghị chở. Không ai có thể thuyết phục nổi chàng chở xà phòng, đinh, linh kiện máy và những thứ nằm câm lặng một cách u ám trong hầm tàu, những thứ gợi lên những ý niệm vô sinh khí của những nhu yếu tẻ ngắt. Nhưng chàng thích thú chở các loại hoa quả, đồ sứ, súc vật, đồ gia vị, chè, thuốc lá, cà phê, hàng tơ lụa, các giống cây quý: Cẩm, đàn hương, cọ. Tất cả những thứ đó đáp ứng nếp quý phái trong tư duy của chàng, tạo ra một môi trường ngoạn mục giàu hình ảnh, chẳng có gì ngạc nhiên khi thuyền đội thủy thủ tàu "Điều bí mật" được uốn theo một nếp nghĩ riêng, thường nhìn nhận với đôi chút cao ngạo tất cả những cái được xét đoán theo kiểu khác, có phủ lớp màn khói của một món lời đơn thuần.

Thế nhưng lần này Gray đã đọc thấy câu hỏi trên từng khuôn mặt của các thủy thủ: Người thủy thủ ngốc nhất cũng thừa hiểu rằng, chẳng việc gì tàu của họ lại phải vào sửa chữa ở lòng sông bên rừng.

Panten dĩ nhiên đã thông báo mệnh lệnh của Gray. Khi Gray bước vào, người trợ tá của chàng đã hút đến điếu thuốc thứ sáu, đang lang thang khắp ca-bin, mụ người đi vì khói thuốc và vấp ngay phải một chiếc ghế. Chiều đã buông; qua lớp cửa mạn đang mở toang, tua tủa xuyên vào những vệt nắng ánh sáng vàng rực, làm lóe lên ánh véc-ni bóng loáng của chiếc mũ lưỡi trai thuyền trưởng.

- Tất cả đã sẵn sàng - ông Panten sa sầm nói - nếu muốn ngài có thể cho lệnh cuốn neo.

- Lẽ ra ông cần phải hiểu tôi hơn Panten ạ - Gray dịu dọng nói. - Những điều tôi làm chẳng có gì là bí hiểm cả đâu. Khi chúng ta thả neo xong ở vũng Liliana, tôi sẽ nói hết để ông rõ, và ông sẽ chẳng cần phải tốn nhiều diêm đến thế cho thứ xì gà tồi kia. Hãy đi cuốn neo đi.

Ông panten ngượng ngịu bật cười, vuốt lông mày.

- Cái đó tất nhiên là thế - ông nói - nói chung tôi - chẳng sao đâu.

Khi ông ra khỏi, Gray ngồi bất động một thoáng mắt hướng về cánh cửa mở, sau đó định thần lại. Ở đây, chàng lúc ngồi xuống khi lại nằm ra, lúc lắng nghe tiếng xích cuốn neo lăn răng rắc cho tàu chuẩn bị vào ụ... Nhưng rồi chàng bỗng trở nên suy tư và quay lại chiếc bàn chàng lấy ngón tay vạch những đường thẳng chớp nhoáng trên lớp vải dầu. Tiếng đập cửa lôi chàng ra khỏi trạng thái bất định, chàng xoay khóa cửa cho Letika vào. Gã thủy thủ thở hổn hển, bộ dạng như kẻ vừa chạy thoát đúng lúc khỏi án tử hình.

- "Letika, Letika" tôi tự dặn mình - gã liến thoắng - khi tôi từ rào cáp đập chắn sóng nhìn thấy anh em nhảy quanh trục neo, nhổ bọt vào lòng bàn tay. Mắt tôi như mắt đại bàng. Và tôi bay về. Tôi hét gã chèo thuyền khiến gã toát cả mồ hôi vì cuống. Thuyền trưởng, ngài định bỏ tôi trên bờ sao?

- Letika, - Gray nói, chăm chú nhìn vào cặp mắt đỏ ngầu của gã, - tôi đã đợi cậu gần hết buổi sáng rồi đấy. Cậu đã dội nước lạnh vào gáy cho tỉnh rượu chưa?

- Dội. Không nhiều bằng số rượu rót vào bụng, nhưng có dội. Tất cả đã đâu vào đấy.

- Thì nói đi.

- Chẳng cần phải nói, thưa thuyền trưởng. Đây tất cả ghi ở đây. Ngài cầm lấy mà đọc. Tôi đã rất cố gắng đấy. Tôi đi đây.

- Đi đâu?

- Tôi nhìn thấy sự trách cứ trong mắt ngài, rằng mình còn dội quá ít nước lạnh vào gáy.

Gã quay đi và bước ra với cử động lạ lùng như của người mù. Gray mở tờ giấy, cây bút chì có lẽ đã lấy làm kinh ngạc khi phải nguệch ngoạc ra những nét vẽ như một dãy hàng rào xiêu vẹo lung lay trên mặt giấy thế này. Đây là những gì Letika đã viết: "Làm đúng theo chỉ thị, sau năm giờ tôi đi ra phố. Ngôi nhà mái màu xám có hai cửa sổ bên cạnh có vườn rau. Người được chỉ định xuất hiện hai lần: Đi lấy nước là một, lấy củi nhóm bếp lò là hai. Khi trời tối, tôi đưa mắt nhìn vào cửa sổ, nhưng không thấy gì vì nguyên nhân có rèm che".

Sau đó đến một vài chi tiết về đặc điểm gia đình mà Letika đã dò la được - rõ ràng bằng cách gợi chuyện quanh bàn nhậu. Thế rồi bản báo cáo kết thúc hơi bất ngờ bằng những chữ sau: "Về việc chi tiêu

tôi có bỏ ra ít nhiều của mình."

Thực ra bản báo cáo chỉ nói lại những điều chúng ta đã được biết ở chương I. Gray đặt mảnh giấy lên bàn, huýt sáo gọi người lính gác, lệnh cho anh ta đi gọi ông Panten, nhưng thay vì viên trợ tá, người xuất hiện là thủy thủ trưởng Atwood đang thả ống tay áo xuống.

- Chúng ta đã buông neo ở cạnh con đập - anh ta nói. - Ông Panten lệnh cho tôi đến hỏi xem ngài định thế nào. Ông ấy đang bận, bị một đám người mang kèn, trống và các thứ đàn vĩ cầm túm quanh. Ngài gọi họ lên tàu phải không ạ? Ông Panten đề nghị ngài ra đó, nói rằng ông chẳng hiểu mô tê gì cả.

- Đúng đấy anh Atwood - Gray nói - đúng là tôi gọi các nhạc công đến đấy. Hãy ra bảo họ tạm thời vào đợi trong khoang thủy thủ. Sau đó ta sẽ tìm cách bố trí chỗ cho họ. Atwood này, nói với họ và thuyền đội rằng mười lăm phút nữa tôi sẽ ra boong nhé. Cứ tập hợp lại đi. Anh và ông Panten, tất nhiên cũng sẽ cùng nghe.

Atwood nhướng lông mày trái lên, như cò súng, đứng tựa sườn vào cánh cửa và đi ra.

Mười phút ấy Gray ngồi im lìm hai tay che mặt; chàng chẳng chuẩn bị cũng chẳng trù tính điều gì, nhưng lại muốn ngồi im lìm trong suy tư. Cùng lúc đó cả tàu bồn chồn ngóng đợi chàng với sự hiếu kì đoán định đủ kiểu. Chàng bước ra và nhận thấy trên mọi khuôn mặt và sự chờ đợi những điều hoang đường nhất. Vì bản thân coi việc này là hoàn toàn tự nhiên, bình thường nên sự căng thẳng của đám người xa lạ khiến chàng cảm thấy hơi bực mình.

- Chẳng có gì đặc biệt cả đâu - Gray nói, ngồi lên bậc thang cầu tàu. - Chúng ta dừng ở cửa sông cho đến khi thay xong toàn bộ thừng chão. Các bạn đã thấy số lụa hồng được mang đến rồi đấy. Từ chỗ lụa này, dưới sự chỉ đạo của ông thợ cả làm buồm Blent, ta sẽ trang bị toàn bộ buồm mới cho tàu "Điều bí mật". Sau đó ta sẽ lên đường, nhưng đi đâu thì tôi chưa nói được. Dù thế nào cũng không cách xa đây là bao. Tôi đến với vợ mình. Nàng còn chưa là vợ tôi, nhưng sẽ là như vậy. Tôi cần những cánh buồm đỏ thắm để nàng nhận ra chúng ta từ xa giống như lời ước định. Tất cả là như vậy. Các bạn thấy đấy chẳng có gì là huyền bí cả đâu và ta dừng lại ở đây nhé!

- Phải đấy - Atwood nói, nhận thấy qua những gương mặt mỉm cười của đám thủy thủ, rằng họ đang bối rối một cách dễ chịu và chưa biết nói gì. - Sự thể hóa ra là như vậy đó, thưa thuyền

trưởng... Chẳng phải việc của chúng tôi bàn luận về chuyện đó. Mọi cái sẽ theo ý ngài. Tôi xin chúc mừng ngài

- Cảm ơn!

Gray siết chặt tay viên thủy thủ trưởng, còn anh ta với một cố gắng phi thường đáp lại cái bắt tay ấy khiến chàng thuyền trưởng phải nhượng bộ. Sau đó mọi người đều tiến lại nhìn nhau với những ánh mắt rụt rè, ấm áp, lầm bầm những câu chúc mừng. Chẳng ai reo hò, cũng không gây ồn ào - đám thủy thủ cảm thấy có gì đó không đơn giản trong những lời nhát gừng đứt đoạn của chàng thuyền trưởng. Ông Panten thở phào nhẹ nhõm và tươi tỉnh hẳn lên, tựa như gánh nặng trong lòng ông đã tan biến mất. Chỉ riêng một thợ mộc trên tàu có vẻ gì như không hài lòng, uể oải bắt tay Gray, gã sa sầm hỏi:

- Làm sao ngài lại nảy ra được ý đó, thưa thuyền Trưởng?

- Như nhát rìu của anh vậy - Gray nói. - Zimmer đưa người của bác ra đi.

Người chơi vĩ cầm vỗ vào lưng từng nhạc công đồng nghiệp, kéo bảy người ăn mặc cực kì lôi thôi nhếch nhác ra khỏi đám đông.

- Đấy - Zimmer nói - đây là cây kèn trombone, nó chẳng chơi đâu mà nã như đại bác ấy. Hai chàng không râu này là những tay kèn tây; họ mà đã cất tiếng là tất cả đều muốn chiến đấu ngay tức thì. Sau đến tay clarinet, kèn đẩy và tay vĩ cầm thứ hai. Tất cả bọn họ - những bậc thầy cự phách - vây quanh người dẫn đường nhanh nhẹn có nghĩa là tôi đây. Còn đây là ông chủ chính của đám nghệ sĩ vui vẻ chúng tôi Fritz, tay đánh trống như mọi người biết đấy, thường mang bộ dạng vỡ mộng, nhưng tay này chơi rất nghệ với niềm đam mê hẳn hoi. Có phải mọi cái đều hoàn hảo không, thuyền trưởng Gray?

- Tuyệt - Gray nói - tất cả các bạn sẽ có chỗ ở dưới hầm tàu, nơi chuyến này sẽ tải đủ loại "scherzo"; "adagio" và "fortissimo"[9]. Đề nghị cùng giải tán nhé. Ông Panten, cuốn neo cho tàu chạy thôi. Hai tiếng nữa tôi sẽ thay ông.

---

[9] *Tên các chương đoạn trong nhạc giao hưởng.*

---

Chàng không cảm nhận thấy hai tiếng đồng hồ ấy trôi qua, bởi chúng hòa vào thứ âm nhạc nội tâm đã chưa khi nào rời xa tâm trí

của chàng, như mạch đập chưa từng rời xa huyết quản. Chàng nghĩ chỉ về một điều, ham muốn, ngóng vọng chỉ về cùng một điều mà thôi. Là con người hành động trong ý thức, chàng đã tưởng tượng trước được bước tiến của các sự kiện, và chỉ tiếc không thể điều khiển chúng đơn giản và nhanh chóng như đẩy những quân cờ. Diện mạo trầm tĩnh của chàng không gợn lên bất cứ cái cảm giác căng thẳng nào - thứ cảm giác mà tiếng réo của nó, giống như tiếng réo của một quả chuông lớn treo ngang đỉnh đầu đang giáng những tiếng vang căng thẳng, váng óc của nó xuống chàng. Điều này khiến chàng cuối cùng phải bắt đầu đếm trong óc: "Một…hai…ba mươi" và vv…Cho đến khi đếm tới "một nghìn" biện pháp này đã có tác dụng, cuối cùng chàng đã có thể tỉnh táo xem xét lại những gì mình đang định làm. Ở đây cái khiến chàng có đôi chút ngỡ ngàng là chàng chưa thể hình dung được con người nội tâm của Assol ra sao, bởi chàng chưa từng chuyện trò cùng cô. Chàng đã đọc thấy ở đâu đó rằng có thể hiểu được một con người, dù chỉ mơ hồ nếu tưởng tượng lại con người ấy hình dung ra những thể hiện nơi nét mặt của người đó. Cặp mắt của Gray đã ánh lên vẻ khác lạ, còn nét môi ẩn sau hàng ria mép thoáng cười nhẹ và dịu dàng khi chàng nhớ lại mọi chuyện. Chàng phá lên cười và đi lên thay cho ông Panten.

Trời đã tối. Ông Panten dựng cổ áo blu-dông lên, đi lại trong buồng hoa tiêu, nói với người cầm lái:

- Sang trái mười lăm rumbơ[10], sang trái. Dừng lại: Thêm mười lăm nữa.

---

*[10] Đơn vị đo tọa độ đường biển*

---

Con tàu "Điều bí mật" chạy thuận gió, căng một nửa cánh buồm.

- Ngài biết không - ông Panten nói với Gray - tôi thấy hài lòng đấy.

- Về cái gì kia?

- Về chính điều như ngài thôi. Tôi hiểu tất. Ở chính đây trên cầu tàu này. - Ông nháy mắt tinh quái, ánh tẩu thuốc đang cháy soi rõ

- Nào, nào - Gray nói chợt đoán ra mọi điều - ông hiểu được gì nào?

- Biện pháp hữu hiệu nhất để tiến hành buôn lậu - ông Panten thì thào. - Ai cũng có quyền căng loại buồm mình muốn. Đầu óc ngài thật kì tài, ngài Gray!

- Panten tội nghiệp! - Chàng thuyền trưởng nói, không biết nên cáu hay nên cười. - Sự dự đoán của ông thật là hóm hỉnh, nhưng chẳng có cơ sở gì hết. Đi ngủ đi. Tôi thề với ông rằng ông nhầm đấy. Tôi sẽ chỉ làm những điều mà tôi đã nói thôi.

Chàng cho ông ta đi ngủ kiểm tra lại hướng lộ trình của con tàu và ngồi xuống. Lúc này chúng ta hãy để chàng ở lại đó, bởi chàng đang cần yên tĩnh một mình.

# VI
# ASSOL CÒN LẠI MỘT MÌNH

Ông Longren qua đêm ở trên biển ông không ngủ không đánh cá mà giương buồm cho thuyền đi trong vô định lắng nghe con nước vỗ ì oạp, nhìn vào màn đêm lộng gió và suy ngẫm. Trong những giờ khắc nặng nề của cuộc đời, không có gì có thể làm hồi lại sức mạnh tinh thần của ông đến thế như những cuộc lang thang vô định trong cô đơn này. Tĩnh lặng, chỉ có sự tĩnh lặng và vắng bóng con người - đó chính là những thứ ông cần nhất để tất cả những tiếng lòng yếu ớt và rối loạn nhất được vang lên mạch lạc và có ý nghĩa. Đêm nay ông nghĩ về tương lai, về sự nghèo khổ và về Assol. Khó vô cùng đối với ông phải rời xa cô bé, dù chỉ trong một thời gian ngắn, ngoài ra ông sợ phải làm sống lại nỗi đau đã lắng dịu. Có thể trở lại làm việc trên tàu, ông sẽ lại bắt đầu tưởng tượng rằng ở nơi đó - ở Kaperna - người bạn đời chưa bao giờ chết ấy vẫn đang mãi đợi mong mình. Và khi trở về ông sẽ lại tiến đến gần ngôi nhà trong niềm đau khổ của sự chờ đợi chết người. Mary sẽ chẳng bao giờ còn bước ra từ ngưỡng cửa. Nhưng ông cần có tiền để nuôi Assol, vì thế ông quyết định sẽ hành xử theo tình cảnh.

Khi ông Longren về tới nhà, cô bé còn chưa quay về. Những chuyến dạo chơi buổi sáng của cô không làm ông bận lòng; nhưng lần này ông có vẻ hơi căng thẳng vì chờ đợi. Đi lại giữa các góc nhà ông lập tức nhìn ngay thấy Assol từ ngoài cổng; lặng lẽ bước vút vào, cô lặng lẽ dừng lại trước mắt ông, khiến ông phát hoảng lên bởi ánh mắt biểu lộ một niềm xúc động mãnh liệt của cô. Dường như, cô đang lộ ra bộ mặt thứ hai của mình - gương mặt đích thực của con người cô thường chỉ thoáng hiện ra. Cô bé lặng thinh nhìn vào mặt ông Longren một cách kì quặc khiến ông phải hỏi ngay:

- Con ốm đấy à?

Cô bé không trả lời ngay. Đến tận khi ý nghĩa của câu hỏi đã chạm được tới tâm trí cô, cô mới sực tỉnh đụng đậy cánh tay cười phá lên êm ái trong niềm hân hoan thầm kín. Cô cần phải nói một điều gì đấy, nhưng cũng như mọi lần, không cần phải ngẫm ngợi nhiều rằng đó chính là điều gì. Cô đáp lại cha mình:

- Không ạ, con khỏe mà...Sao cha lại nhìn thế? Con đang vui đây này. Đúng là con đang vui, bởi hôm nay trời đẹp quá đi. Thế cha nghĩ ra cái gì vậy? Nhìn cha con biết là cha vừa nghĩ ra điều đó.

Cha có nghĩ gì - ông Longren bảo, kéo cô bé ngồi lên gối mình - thì cha biết là con cũng sẽ hiểu ngay cho cha thôi. Chẳng còn gì để sống. Cha sẽ lại đi những chuyến tàu dài ngày. Cha sẽ đi làm trên tàu chở thư từ Kasset tới Liss.

- Vâng - cô gái đáp một cách xa xôi, cố hòa mình vào mối bận tâm và công việc của người cha, nhưng kinh hoàng nhận thấy rằng không thể cưỡng được niềm vui đang tràn dâng. - Vậy thì chán quá. Con sẽ buồn lắm. Quay về nhanh vào cha nhé. - Vừa nói cô vừa nở một nụ cười không thể cưỡng nổi. - Đúng thế cha yêu quý, về nhanh lên nhé con đợi cha đấy.

- Assol! - Ông Longren nói, lấy lòng bàn tay nâng mặt cô bé quay về phía mình. - Nói đi con, có chuyện gì vậy?

Cô cảm thấy phải xua tan nỗi lo ngại của cha nên cố ghìm nén niềm hoan hỉ, lấy lại vẻ nghiêm trang chăm chú, chỉ có cặp mắt vẫn lóe lên ánh sáng của một cuộc đời mới.

- Cha kì quá - cô nói. - Thật sự không có gì mà. Con vừa đi nhặt hạt dẻ về.

Ông Longren hẳn sẽ chẳng tin điều này nếu như ông không bận bịu với những lo nghĩ của mình. Cuộc trò chuyện của hai cha con trở nên có tính công chuyện và đi sâu vào chi tiết. Người thủy thủ bảo con gái chuẩn bị đồ đạc cho ông, kể ra những thứ cần thiết phải mang theo dặn dò cô bé đôi điều.

- Mười ngày nữa cha sẽ về, còn con bỏ khẩu súng của cha ra và ngồi nhà đấy. Ai mà tính chuyện bắt nạt con, con cứ bảo: Ông Longren sắp về rồi đấy, đừng bận tâm và cũng đừng lo về cha: Chẳng có gì xấu có thể xảy ra hết.

Sau đó ông ăn sáng, hôn con gái và hất bao đồ lên vai ông đi về phía con đường ra thành phố. Assol nhìn theo bóng cha cho đến khi ông khuất hẳn sau cánh cổng, rồi cô trở vào trong nhà. Còn

khối việc nhà phải làm nhưng cô gái quên bẵng tất cả. Cô nhìn quanh một cách thích thú pha chút ngỡ ngàng, như thể mình là người lạ với ngôi nhà này, ngôi nhà đã từng hòa vào tâm trí cô từ thời thơ ấu, như thể cô luôn mang nó trong lòng. Nhưng lúc này đây, nó hiện lên như một chốn thân thuộc được cô trở về thăm lại sau bao nhiêu năm sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Cô cảm thấy ngay có chuyện gì đó không bình thường. Trong cảm giác này của cô, một cái gì đó không ổn. Cô ngồi xuống bên bàn, nơi ông Longren vẫn làm các thứ đồ chơi, và cố dán cái tay lái vào mạn lái; ngắm những thứ đồ chơi này, cô bất giác thấy chúng lớn bổng lên như đồ thật. Tất cả những gì xảy đến lúc sáng lại làm dấy lên trong cô những đợt sóng run rẩy, hồi hộp; và chiếc nhẫn vàng lớn dần lên như vầng mặt trời bay qua biển và rơi xuống ngay dưới chân cô.

Không thể ngồi thêm, cô ra khỏi nhà và đi về phía thành Liss. Cô hoàn toàn chẳng có việc gì phải tới đó, cô chẳng hiểu mình đi làm gì nhưng không thể không đi. Dọc đường cô gặp người khách bộ hành hỏi đường đi tới đâu đó. Cô cặn kẽ chỉ cho ông ta nhưng sau đó lập tức quên sạch.

Cô đi qua một chặng đường dài lúc nào không hay, như thể cô mang theo một chú chim nhỏ và nó đã thu hút hết sự quan tâm chú ý dịu dàng của cô. Trong thành phố, cô ít nhiều bị phân tán bởi tiếng động ầm ập của nó, nhưng nó không còn sức mạnh kiềm chế cô như trước - khi cô hoảng loạn, khiếp hãi và biến cô thành một con bé nhát gan câm lặng. Cô đã đương đầu được với nó. Cô chậm rãi đi trên đại lộ hình vòng cung xuyên qua bóng lá xanh rì của đám cây cối, nhìn những người qua đường một cách nhẹ nhõm và tin cậy, bước những bước đều đặn đầy tự tin. Đám người rồi việc ngồi ngắm phố không chỉ một lần nhìn thấy một cô gái lạ, có ánh mắt kì quặc đi giữa đám đông xôn xao với một điệu bộ rất đỗi trầm tư. Trên quảng trường cô gái đưa tay hứng những tia nước từ vòi phun, ngón tay nghịch trong màn hơi của đám bụi nước. Rồi cô ngồi xuống nghỉ, sau đó quay trở lại con đường rừng. Trên đường về tâm hồn tươi rói, cô trở lại trạng thái bình lặng và trong trẻo giống như con suối buổi chiều tà, cuối cùng đã thay mặt gương ngày rực rỡ bằng lớp màn đêm phẳng dịu. Về gần đến làng, cô nhìn thấy bác bán than, người có lần tưởng rằng giỏ than của mình biết đâm chồi nảy hoa; bác ta đang đứng sau xe than cùng hai người lạ, lầm lũi, đen sì trong lớp bồ hóng và bụi than. Assol mừng rỡ.

- Chào bác, bác Phillip - cô nói. - Bác làm gì ở đây vậy?

- Chẳng làm gì hết, con ruồi của tôi ạ. Bánh xe bị long, bác phải sửa lại, bây giờ bác đang nghỉ hút thuốc và chuyện gẫu cùng mấy anh bạn đây. Cháu đi đâu về thế?

Assol không trả lời.

- Bác biết không, bác Phillip - cô cất tiếng - cháu rất quý bác nên cháu chỉ tiết lộ với mỗi mình bác thôi. Cháu sắp đi rồi. Có lẽ đi luôn bác ạ. Bác đừng nói với ai nhé!

- Vậy là cháu sắp đi ư? Đi đâu mới được chứ? - Bác bán than ngạc nhiên há mồm vẻ dò hỏi, khiến bộ râu của bác càng dài thêm.

- Cháu chẳng biết nữa - cô bé chậm rãi nhìn bãi cỏ dưới bóng cây du nơi chiếc xe đang đỗ, nhìn màu cỏ mởn xanh trong ánh chiều phớt hồng, nhìn những người bán than im lìm, đen đúa, suy nghĩ giây lát rồi cô nói tiếp. - Cháu cũng chẳng rõ về chuyện đó nữa. Cháu chưa biết chắc ngày tháng, cũng chưa biết rồi đây mình sẽ đi đâu.Vì thế để phòng xa, tạm biệt bác trước nhé. Bác vẫn cho cháu ngồi nhờ xe mà.

Cô nắm lấy bàn tay to tướng, đen đủi, run run kéo lại phía mình. Khuôn mặt người bán than dãn ra một nụ cười bất động. Cô gái gật đầu, quay người và đi xa dần. Cô biến mất nhanh đến nỗi bác không kịp ngoảnh đầu lại.

- Kì diệu, - bác bán than nói, - thật khó mà hiểu được con bé này. Hôm nay nó làm sao ấy… Hôm nay và cả những hôm khác nữa.

- Đúng thế - người thứ hai đồng tình - chẳng hiểu là báo tin hay thuyết phục. Mà thôi chẳng phải chuyện của bọn ta.

Chẳng phải chuyện của bọn ta - người thứ ba cùng phụ họa và thở dài.

Sau đó cả ba người ngồi lên chiếc xe và bánh xe bắt đầu chuyển động kẽo kẹt trên con đường đá rồi mất hút vào đám bụi đường.

# VII
# TÀU "ĐIỀU BÍ MẬT" ĐỎ THẮM

Mờ sáng tinh sương. Cánh rừng bao la chìm trong màn hơi nhẹ, đúc nên những hình dáng kì dị. Một người thợ săn lạ vừa rời đống lửa trại đi dọc theo bờ sông. Qua đám cây cối đã thấy sáng trắng lên những khoảng không trống trải, nhưng người thợ săn cần mẫn không đi về phía ấy, xem xét vết chân còn mới tinh của con gấu, ông ta tiến về phía những quả đồi.

Một chuỗi âm thanh bất ngờ ập xuống các rặng cây như một cuộc đuổi bắt náo động; đó là cây kèn clarinet lên tiếng. Người nhạc công bước ra khỏi ca-bin và chơi một trích đoạn ngắn, những khúc láy tràn ngập nỗi buồn. Âm thanh run rẩy như giọng ca ẩn chứa nỗi đau, cố ngân cao lên, vui lên trong những khúc láy rồi vụt đứt quãng giữa chừng. Tiếng dội xa xăm mơ hồ lặp lại khúc ca ấy.

Người thợ săn phát hiện ra những cành cây gãy và tiến dần về phía bờ nước; bóng hình một con tàu khổng lồ đang từ từ quay mũi về phía cửa sông ẩn hiện. Những cánh buồm đang cuốn của nó sáng bừng lên dưới những viền dây hoa treo lơ lửng, buông thõng, phủ lên các cột buồm những tấm che mềm mại có những nếp gấp lớn. Nghe có tiếng người, tiếng chân đi lại. Gió từ bờ hây hẩy, uể oải dạt nhẹ những cánh buồm. Cuối cùng mặt trời tỏa ánh ấm áp làm bốc lên một màn hơi nhẹ, sương mù tan dần và sa xuống các trục buồm trong hình dạng ngàn vạn đóa hoa hồng thắm đỏ. Những bóng hồng trườn trên bóng trắng của các cột buồm, của đám thừng chão, đồ nghề, tất cả chìm trong một màu trắng xóa, ngoại trừ những cánh buồm đang căng ra, đang chuyển động một cách nhịp nhàng uyển chuyển là mang màu sắc của một niềm vui sâu thẳm.

Người thợ săn đứng trên bờ quan sát, cứ dụi mắt mãi cho tới khi

xác định cái mình đang nhìn quả thực đúng là như vậy. Con tàu khuất dần sau khúc ngoặt, nhưng ông ta vẫn còn đứng và nhìn theo mãi; rồi lặng lẽ nhún vai, ông lại tiếp tục lần theo dấu vết con gấu của mình.

Khi con tàu "Điều bí mật" đi dọc theo triền sông, Gray đứng bên tay lái, không chịu giao phó cho thủy thủ bởi chàng sợ bị mắc cạn. Ông Panten ngồi ngay bên cạnh, vận chiếc quần nỉ mới toanh, đội mũ lưỡi trai mới bóng loáng, mặt mũi cạo nhẵn nhụi và hơi vênh lên. Ông vẫn không thể chấp nhận mối liên quan giữa việc trang hoàng con tàu thành màu đỏ thắm với mục đích của Gray như chàng đã nói.

- Giờ đây - Gray cất lời - khi những cánh buồm của tôi đang đỏ rực lên, gió thì tuyệt vời, còn trái tim tôi đang tràn trề hạnh phúc, tôi sẽ cố trình bày để ông hiểu những suy nghĩ của tôi như tôi đã hứa với ông ở Liss. Xin ông nhớ cho rằng, tôi không hề cho rằng ông ngốc nghếch hay bướng bỉnh, không đâu ông là một thủy thủ gương mẫu, điều đó rất đáng kể. Nhưng ông, cũng như phần lớn những người khác, nghe tiếng nói của những lẽ phải giản đơn qua lớp kính dày sụ của đời thường. Chúng gào thét lên nhưng các người đâu có nghe thấy. Tôi chỉ làm cái điều vẫn hằng có như ý niệm từ cổ xưa về điều hão huyền tuyệt vời - cái điều thực ra dễ dàng trở thành sự thực như một cuộc dạo chơi ra ngoại ô. Sắp tới đây, các vị sẽ được gặp gỡ cô gái, người không thể và không cần đi lấy chồng theo một cách khác, cái cách tôi sẽ thực hiện trước mắt các người.

Muốn truyền đạt nhanh chóng cho người thủy thủ cái điều chúng ta đã hiểu quá rõ, chàng kết thúc sự giải thích của mình như sau:

- Ông sẽ thấy ở đây số phận, ý chí và bản sắc của các tính cách đan quyện chặt chẽ với nhau như thế nào. Tôi đến với người phụ nữ đã chờ đợi và chỉ có thể chờ đợi một mình tôi; tôi cũng chẳng cần một ai khác, ngoài nàng. Có thể, chính nhờ có nàng mà tôi hiểu ra được một lẽ phải giản dị. Đó là tạo ra điều kì diệu bằng chính đôi tay của mình. Đối với con người, điều chủ yếu là khi dễ dàng kiếm được thì cũng dễ dàng đem cho; nhưng khi tâm hồn người khác đã được gieo hạt mầm của cây đắm say phép màu nhiệm, thì hãy tặng phép màu nhiệm cho người đó nếu như bạn có thể.

Và rồi người đó sẽ có một linh hồn mới, và cả bạn cũng sẽ có nó. Khi người cai ngục tự mình thả tù nhân, khi nhà tỉ phú trao tặng viên thư lại biệt thự, người đẹp, tiền của và khi người hiệp sĩ, dù chỉ một lần, ghìm ngựa chờ một tay ngựa bất hạnh khác; khi đó

tất cả sẽ đều nhận ra: Thật dễ chịu xiết bao, thật tuyệt vời không thể tả xiết! Nhưng còn có những cái không kém gì một phép nhiệm màu - đó là nụ cười, sự vui vẻ, lòng vị tha và... Những lời nói ra đúng lúc. Có được những điều đó - là ta có được tất cả. Với tôi, thì sự khởi đầu của chúng tôi - của tôi và Assol - còn sẽ đọng lại vĩnh viễn trong tâm tưởng mọi người trong sắc thắm đỏ của những cánh buồm - biểu tượng cho chiều sâu thẳm của con tim hiểu rõ thế nào là tình yêu. Ông có hiểu tôi không?

- Có, thưa thuyền trưởng - ông Panten ậm ừ, lau bộ ria bằng một chiếc mùi xoa sạch bong, gấp nếp cẩn thận. - Tôi hiểu cả. Ngài làm tôi xúc động. Tôi xuống dưới kia đây và sẽ xin lỗi Nick, bởi hôm qua tôi đã mắng anh ta một mẻ vì chuyện cái xô nhiên liệu. Và tôi sẽ cho anh ta hút thuốc - phần của mình anh ta chơi bài mất sạch rồi.

Trước khi Gray - có chút ngạc nhiên bởi hiệu quả quá nhanh từ những lời nói của mình - kịp nói gì, ông Panten đã chạy rầm rầm xuống thang tàu và khẽ thở dài ở đâu đó rất xa. Gray ngước mắt nhìn lên cao, phía trên đầu chàng, những cánh buồm đỏ thắm phần phật trong thinh không; mặt trời tỏa những quầng đỏ thắm xuống các cột buồm. Tàu "Điều bí mật" rời bờ bơi ra biển. Chẳng gợn một chút băn khoăn trong tâm hồn đang ngân nga - chẳng có những cú đập ngầm của lo âu, chẳng có tiếng ồn của những bận tâm nhỏ nhặt - bình thản như một cánh buồm, chàng Gray băng về phía mục tiêu tuyệt vời, đầy ắp những ý tưởng vượt lên trên cả ngôn từ.

Đến trưa, phía chân trời hiện ra cột khói của một chiến hạm. Chiến hạm đổi hướng, và từ khoảng cách nửa hải lí, pháo hiệu vọt lên: "Cho thuyền buồm nổi tại chỗ."

- Các anh em - Gray nói với các thủy thủ - họ không bắn chúng ta đâu đừng có sợ! Chẳng qua họ không tin ở mắt mình đấy thôi.

Chàng ra lệnh cho thuyền nổi tại chỗ. Ông Panten hét lên như có hỏa hoạn, điều khiển con tàu "Điều bí mật" ra khỏi chiều gió. Con tàu dừng lại, một chiếc xuồng hơi chở các thủy binh và một viên trung úy mang găng tay trắng bốp từ phía chiến hạm lao về phía con tàu, viên trung úy nhảy lên boong tàu, ngỡ ngàng nhìn quanh rồi cùng Gray đi vào ca-bin. Một giờ sau ông ta mới ra khỏi đó, lạ lùng phẩy tay và mỉm cười như thể vừa được thăng cấp, rồi quay về chiếc chiến hạm màu xanh của ông ta. Lần này rõ ràng Gray đã thành công hơn so với ông Panten thuần phác, bởi chiếc chiến hạm từ từ rời xa về phía chân trời trong một loạt pháo hiệu chào

mừng rầm rộ, luồng khói cuồn cuộn của nó rót vào không trung những cột sóng khổng lồ rồi tản ra thành những mảnh lả tả trên mặt biển phẳng lặng. Suốt cả ngày hôm ấy, một bầu không khí ngây ngất kiểu nửa lễ hội ngự trị trên chiến hạm; tâm trạng đang không phải thi hành công vụ; chuệch choạc - mang màu sắc của tình yêu, điều mà khắp nơi ai cũng nói đến - từ trong phòng khách xuống đến khoang máy ở hầm tàu; còn gã lính gác ở bộ phận thủy lôi tóm hỏi gã thủy thủ đi qua:

- Tom, cậu cưới vợ thế nào?

- Tớ tóm váy cô ả khi nàng tính nhảy qua cửa sổ chuồn mất - Tom đáp và kiêu kì nhấm ria mép.

"Điều bí mật" bơi một hồi trong biển rộng không nhìn thấy bờ, đến trưa, một dải bờ hiện lên ở phía xa xa. Chiếu ống kính viễn vọng, Gray dừng lại ở Kaperna. Nếu không vướng những dãy nhà lô nhô, chàng đã có thể nhìn thấy Assol ngồi sau cửa sổ ngôi nhà, bên một cuốn sách. Cô đang đọc, một chú bọ dừa xanh nhạt đang bò trên trang sách, chú ta dừng lại và nhấc hai chân trước lên, ngang nhiên như vật nuôi trong nhà. Chú ta ra điều bực tức vì đã hai lần bị thổi bay ra bậu cửa sổ - nơi chú lại ló ra đầy vẻ tự nhiên và tin cậy như thể muốn nói ra một điều gì. Lần này chú bò sát đến cánh tay của cô gái đang giữ mép các trang sách; ở đây chú gặp phải chữ "hãy nhìn", lưỡng lự dừng lại vẻ chờ đón sẽ bị đuổi đi một lần nữa. Assol đã nhìn thấy chú: "Lại con bọ dừa này...Đồ ngốc!..."- Và tính quyết thổi bay chú ta ra đám cỏ, nhưng một cái liếc mắt vô tình qua các mái nhà đã cho cô thấy trên dải biển xanh lộ ra sau khoảng phố trống, một con tàu trắng với những cánh buồm đỏ thắm.

Cô chồm dậy reo lên và sững người, rồi nhảy vọt lên, đầu óc quay cuồng cùng trái tim vụt sa xuống, những giọt nước mắt phấn khích không nén nổi tuôn lã chã. Trong lúc đó, tàu "Điều bí mật" vòng tránh mũi đất nhỏ, tiến thẳng vào bờ, vào góc cảng bên trái. Tiếng nhạc nhè nhẹ từ boong tàu trắng xóa, dưới ánh tơ lụa đỏ rực như lửa lan tỏa đến tận đáy nước xanh thăm thẳm. Tiếng nhạc với những khúc láy nhịp nhàng truyền đi những lời hát quen thuộc với mọi người: "Hãy rót ra, rót ra cho đầy cốc - và ta cùng nâng chén, bạn ơi, vì tình yêu ..." Có một niềm xao xuyến trào dâng dào dạt truyền đi trong lời ca bình dị ấy. Bị cuốn vào sự kiện ấy, Assol lao ra bãi biển không còn nhớ mình đã rời khỏi nhà ra sao; chạy đến khúc ngoặt đầu tiên, cô dừng lại như không còn chút gân cốt; chân cô muốn khuỵu xuống, cô thở dồn như muốn đứt hơi, đầu óc lâng lâng như đi trên mây. Hoảng sợ phát điên rằng mình sẽ quỵ

xuống mất, cô giậm chân và cố bước tiếp. Đôi lúc, một mái nhà hay một bờ giậu che khuất những cánh buồm đỏ khỏi tầm mắt, khi ấy cô hoảng hốt lo rằng rồi đây chúng có thể biến đi chăng - như những bóng ma. Cô cuống quýt vượt qua những chướng ngại vật tội nợ, và chỉ khi nhìn thấy lại được con tàu cô mới dừng lại và thở phào nhẹ nhõm.

Cũng lúc này, một cơn náo loạn lan truyền trong tất thảy dân tình ở Kaperna, không kém gì tiếng vang của một trận động đất kinh thiên động địa. Chưa bao giờ có một con tàu to lớn nhường ấy ghé đậu quãng bờ này. Con tàu mang chính những cánh buồm vẫn bị họ truyền tụng nhau như một điều chế nhạo; giờ đây chúng cháy rực lên rõ ràng như một điều xác thực hiển hiện, bác bỏ mọi lề thói, mọi thứ đầu óc vẫn được cho là tỉnh táo. Đàn ông, đàn bà, trẻ con cứ thế thi nhau vội vã ùa ra bãi biển, dân tình ý ới trong các sân, xô đẩy nhau, la hét, ngã sấp ngã ngửa; chẳng bao lâu sau, một đám người rất đông tụ tập bên mé nước, còn Assol đang lao vút vào đám đông ấy.

Lúc cô gái chưa tới nơi, tên cô được truyền đi với một nỗi lo âu bực tức và sợ hãi ác ý. Đàn ông bàn luận nhiều hơn tất cả. Đám đàn bà thờ thẫn nấc lên những tiếng đứt nghẹn, phì phì như rắn phun, những tiếng một khi đã cất lên thì trong đầu cũng bắt đầu hình thành nọc độc. Assol vừa xuất hiện, tất cả bỗng im bặt, tất cả hoảng hốt tránh xa khỏi cô gái, cô còn lại một mình trên bờ cát oi nồng trống trải, luống cuống, thẹn thùng, ngây ngất, khuôn mặt đỏ hồng không kém gì thứ phép nhiệm màu của cô, chìa tay bất lực về phía con tàu cao lớn.

Một con thuyền chở những tay chèo rám nắng tách khỏi con tàu; đứng giữa chính họ là cái người mà lúc này đây cô tưởng như vẫn còn nhớ lờ mờ từ thủa thơ ấu. Chàng nhìn cô mỉm cười ấm áp và giục giã. Nhưng hàng ngàn nỗi khiếp hoảng nực cười đang áp đảo cô; sợ khủng khiếp tất cả - những nhầm lẫn, ngộ nhận, những trở lực huyền bí, ác hại - cô lội ùa đến thắt lưng vào những con sóng ấm áp, sóng sánh, kêu to lên: “Em ở đây, em ở đây! Là em đây!”

Khi đó, Zimmers vung cây vĩ mã - cũng chính giai điệu ấy âm vang dội xuống đám đông căng thẳng, lần này đã hợp lại thành một dàn hợp xướng trọn vẹn và trọng thể. Bởi niềm phấn hứng xao xuyến, bởi sự xao động của sóng và mây, ánh chói lóa của nước và trời mờ xa, cô gái hầu như không còn phân biệt nổi cái gì đang chuyển động: Cô, con tàu hay con thuyền, hay tất cả đều chuyển động, quay cuồng và sa sụp xuống.

Những mái chèo khua bắn tung nước ngay bên cô, cô ngẩng lên. Gray đã sừng sững ở trước cô, cánh tay cô đã quàng chặt lấy chàng. Assol nheo mắt, rồi mở choàng ra, mạnh bạo mỉm cười ngước nhìn gương mặt rạng rỡ ấy và nghẹn ngào nói:

- Đúng hệt như vậy!

- Và em cũng thế, cô bé của tôi! - Nâng bàn tay đeo nhẫn còn ướt lên, Gray nói tiếp: - Tôi đã đến. Em có nhận ra không?

Cô gái gật đầu, càng níu chặt lấy chàng, run rẩy khép mi mắt, thả mình trong niềm hạnh phúc êm dịu, với một tâm hồn mới tinh khôi. Khi Assol quyết định mở mắt ra, hình bóng rung rinh của con thuyền, mặt nước sáng lóa, boong tàu "Điều bí mật" chao đảo đang tiến lại gần. Tất cả như một cơn mơ, nơi mà ánh sáng cùng sóng nước tròng trành, quay tít, giống như trò chơi của những tia nắng mặt trời dệt thành một bức tường ánh sáng. Cô không còn biết mình bước lên thang tàu khi nào trong vòng tay mạnh mẽ của chàng Gray. Sàn tàu phủ thảm, thảm treo khắp tàu, những cánh buồm rực lên một màu đỏ thắm như nơi vườn Thiên đàng. Rồi ngay sau đó, Assol thấy mình đứng trong buồng tàu - một căn phòng đẹp tuyệt không gì sánh nổi.

Khi đó, từ trên boong tàu, lại ngân vang tiếng nhạc, âm thanh trang trọng của nó làm xao xuyến, làm đắm đuối con tim. Assol lại khép chặt mắt, sợ rằng tất cả sẽ chợt biến mất nếu cô cứ tiếp tục nhìn thêm. Gray cầm lấy tay cô; giờ đây, khi biết chắc rằng có thể an bình bước đi dù tới nơi đâu, cô giấu bộ mặt ướt đẫm nước mắt vào khuôn ngực người bạn đang bước tới như một phép nhiệm màu. Trang trọng, nhưng hân hoan trong nụ cười, và bản thân không khỏi bàng hoàng trước giờ khắc hiếm hoi, khó tả mà không phải ai cũng có được này, Gray nâng khuôn mặt đã từ lâu, từ lâu chàng mơ tưởng và cặp mắt cô gái cuối cùng đã bừng mở. Trong đó chan chứa những nét cao quý nhất của con người.

- Chàng sẽ mang cha Longren đi theo chứ? - Cô gái hỏi.

- Đúng. - Sau tiếng "Đúng" rắn rỏi đó, chàng hôn cô thắm thiết, khiến cô bật cười.

Lúc này, chúng ta hãy tạm rời xa họ vì biết rằng họ đang rất cần ở bên nhau một mình. Có rất nhiều từ trong nhiều thứ tiếng, nhiều thổ ngữ khác nhau trên thế giới này, nhưng tất cả những từ đó, thậm chí ở những chốn rất xa xăm, cũng không diễn tả nổi những gì họ nói cùng nhau trong ngày hôm ấy.

Cùng lúc, trên boong tàu, bên khoang buồm, một thùng tônô bị mối xông nham nhở, đáy bật tung phơi ra thứ rượu mừng trăm năm sậm đặc đang mời chào cả thuyền đội thủy thủ. Atwood đứng, ông Panten thì ngồi chễm chệ như một bé sơ sinh. Gray bước lên, ra dấu cho dàn nhạc và trong hòa âm của dàn nhạc hơi tài ba, chàng mở đầu, nâng chiếc cốc có cạnh chứa thứ rượu vang thần thánh nọ.

- Nào... - Chàng cất tiếng sau khi cạn chén và quăng chiếc cốc đi. - Bây giờ xin mời tất cả hãy cạn chén, cạn chén. Ai không nâng cốc sẽ là kẻ thù của tôi.

Chàng không cần phải nhắc lại. Cùng lúc con tàu "Điều bí mật" căng buồm hết cỡ, chạy hết tốc lực rời xa mãi mãi vùng Kaperna đang khiếp hoảng, mọi người chen lấn quanh chiếc thùng tônô, một khung cảnh thường thấy trong các dịp lễ hội trọng đại.

- Thứ vang này được đấy chứ? - Gray hỏi Letika.

- Thưa thuyền trưởng - gã thủy thủ lựa lời đáp. - Chẳng rõ nó có được hay không, nhưng cảm nghĩ của mình tôi còn phải suy nghĩ đã. Bọng ong với vườn tược.

- Gì cơ?

- Tôi muốn bảo rằng mồm tôi sực nức mùi bọng ong và vườn tược. Chúc ngài hạnh phúc, thuyền trưởng. Và cũng chúc hạnh phúc cả cô ấy, cô gái mà tôi gọi là "hàng chở thượng hạng", phần thưởng quý nhất của "Điều bí mật".

Khi ngày hôm sau bừng sáng, con tàu đã ở rất xa Kaperna. Một phần thuyền đội khi tỉnh giấc vẫn còn nằm thượt trong khoang tàu, chuếnh choáng bởi thứ rượu của Gray. Chỉ có viên thủy thủ cầm lái là còn tỉnh táo, cùng gã lính gác và Zimmer vừa tan rượu, đang ngồi trầm tư bên mạn lái với cây violoncelle đặt dưới cằm cùng bản phím. Bác ta đang ngồi đó, khe khẽ đưa cây vĩ mã, khiến cây đàn tuôn ra dòng âm thanh cất lên những lời tiên giới, nhiệm màu và chìm đắm trong suy tư về hạnh phúc.

# PART ENGLISH

# I

# THE PROPHESY

Longren, a sailor of the Orion, a rugged, three- hundred ton brig on which he had served for ten years and to which he was attached more strongly than some sons are to their mothers, was finally forced to give up the sea.

This is how it came about. During one of his infrequent visits home he did not, as he always had, see his wife Mary from afar, standing on the doorstep, throwing up her hands and then running breathlessly towards him. Instead, he found a distraught neighbour woman by the crib, a new piece of furniture in his small house.

“I tended her for three months, neighbour,” the woman said. “Here’s your daughter.”

Longren’s heart was numb with grief as he bent down and saw an eight-monthold mited peering intently at his long beard. Then he sat down, stared at the floor and began to twirl his moustache. It was wet as from the rain.

“When did Mary die?” He asked.

The woman recounted the sad tale, interrupting herself to coo fondly at the child and assure him that Mary was now in Heaven.

When Longren learned the details, Heaven seemed to him not much brighter than the woodshed, and he felt that the light of a plain lamp, were the three of them together now, would have been a joy unsurpassed to the woman who had gone on to the unknown Beyond.

About three months previously the young mother's finances had come to an abrupt end. At least half of the money Longren had left her was spent on doctors after her difficult confinement and on caring for the newborn infant; finally, the loss of a small but vital sum had forced Mary to appeal to Menners for a loan. Menners kept a tavern and shop and was considered a wealthy man.

Mary went to see him at six o'clock in the evening. It was close to seven when the neighbour woman met her on the road to Liss. Mary had been weeping and was very upset. She said she was going to town to pawn her wedding ring. Then she added that Menners had agreed to lend her some money but had demanded her love in return. Mary had rejected him.

"There's not a crumb in the house," she had said to the neighbour. "I'll go into town. We'll manage somehow until my husband returns."

It was a cold, windy evening. In vain did the neighbour try to talk the young woman out of going to Liss when night was approaching. "You'll get wet, Mary. It's beginning to rain, and the wind looks as if it will bring on a storm."

It was at least a three hours' brisk walk from the seaside village to town, but Mary did not heed her neighbour's advice. "I won't be an eyesore to you any more," she said. "As it is, there's hardly a family I haven't borrowed bread, tea or flour from. I'll pawn my ring, and that will take care of everything."

She went into town, returned and the following day took to her bed with a fever and chills; the rain and the evening frost had brought on double pneumonia, as the doctor from town, called in by the kindhearted neighbour, had said. A week later there was an empty place in Longren's double bed, and the neighbour woman moved into his house to care for his daughter. She was a widow and all alone in the world, so this was not a difficult task. "Besides," she added, "The baby fills my days."

Longren went off to town, quit his job, said goodbye to his comrades and returned home to raise little Assol. The widow stayed on in the sailor's house as a foster mother to the child until she had learned to walk well, but as soon as Assol stopped falling when she raised her foot to cross the threshold, Longren declared that from then on he intended to care for the child himself and,

thanking the woman for her help and kindness, embarked on a lonely widower's life, focusing all his thoughts, hopes, love and memories on the little girl. Ten years of roaming the seas had not brought him much of a fortune. He began to work. Soon the shops in town were offering his toys for sale, finely-crafted small model boats, launches, one and two-deck sailing vessels, cruisers and steamboats; in a word, all that he knew so well and that, owing to the nature of the toys, partially made up for the hustle and bustle of the ports and the adventures of a life at sea. In this way Longren earned enough to keep them comfortable. He was not a sociable man, but now, after his wife's death, he became something of a recluse. He was sometimes seen in a tavern of a holiday, but he would never join anyone and would down a glass of vodka at the bar and leave with a brief: "yes", "no", "hello", "goodbye", "getting along", in reply to all his neighbours' questions and greetings. He could not stand visitors and would get rid of them without resorting to force, yet firmly, by hints and excuses which left the former no choice but to invent a reason that prevented them from remaining further. He, in turn, visited no one; thus, a wall of cold estrangement rose up between him and his fellow-villagers, and if Longren's work, the toys he made, had depended in any way on village affairs, he would have felt most keenly the consequences of this relationship. He bought all his wares and provisions in town, and Menners could not even boast of a box of matches he had sold to Longren. Longren did all his own housework and patiently learned the difficult art, so unusual for a man, of rearing a girl.

Assol was now five, and her father was beginning to smile ever more gently as he looked upon her sensitive, kind little face when she sat in his lap and puzzled over the mystery of his buttoned waistcoat or sang sailors' chants, those wild, wind-blown rhymes. When sung by a child, with a lisp here and there, the chants made one think of a dancing bear with a pale blue ribbon around its neck. At about this time something occurred that, casting its shadow upon the father, shrouded the daughter as well.

On day Menners' twelve-year-old son Hin, noticing that his father's boat was being buffeted against the piles under the pier and that its sides were becoming battered, went off to tell his father of this. The storm had but recently begun; Menners had forgotten to pull his boat up on the sand. He hurried to the beach where he saw Longren standing at the end of the pier with his back to him, smoking. There was not another soul in sight. Menners walked halfway along the pier, climbed down into the

wildly splashing water and untied his boat;

Then, standing upright in it he began moving towards the shore, pulling himself along from one pile to the next. He had forgotten his oars, and as he stumbled and missed his hold on the next pile, a strong gust of wind pulled the prow of his boat away from the pier and towards the ocean. Now Menners could not have reached the nearest pile even if he had stretched out to his full length. The wind and the waves, rocking the boat, were carrying it off into the distance and doom. Menners realized his predicament and wanted to dive into the water and swim ashore, but this decision was too late in coming, for the boat was now spinning about near the end of the pier where the considerable depth and raging waves promised imminent death. There were only about twenty metres between Longren and Menners, who was being swept off into the stormy distance, and a rescue was still possible, for a coiled rope with a weighted end hung on the pier beside Longren. The rope was there for any boat that might land during a storm and was thrown to the boat from the pier.

“Longren!” Menners cried in terror. “Don’t just stand there! Can’t you see I’m being carried away? Throw me the line!”

Longren said nothing as he gazed calmly upon the frantic man, although he puffed harder on his pipe and then, to have a better view of what was happening, removed it from his mouth.

“Longren!” Menners pleaded. “I know you can hear me. I’ll be drowned! Save me!”

But Longren said not a word; it seemed as though he had not heard the frantic wail. He did not even shift his weight until the boat had been carried so far out to sea that Menners’ word-cries were barely audible. Menners sobbed in terror, he begged the sailor to run to the fishermen for help; he promised him a reward, he threatened and cursed him, but all Longren did was walk to the very edge of the pier so as not to loose the leaping, spinning boat from view too soon.

“Longren, save me!” The words came to him as they would to someone inside a house from someone on the roof.

Then, filling his lungs with air and taking a deep breath so that not a single word would be carried away by the wind, Longren shouted:

“That’s how she pleaded with you! Think of it, Menners, while you’re still alive, and don’t forget!”

Then the cries stopped, and Longren went home. Assol awakened to see her rather sitting lost in thought before the lamp that was now burning low. Hearing the child’s voice calling to him, he went over to her, kissed her affectionately and fixed the tumbled blanket.

“Go to sleep, dear. It’s still a long way till morning,” he said.

“What are you doing?”

“I’ve made a black toy, Assol. Now go to sleep.”

The next day the village buzzed with the news of Menners’ disappearance. Five days later he was brought back, dying and full of malice. His story soon reached every village in the vicinity. Menners had been in the open sea until evening; he had been battered against the sides and bottom of the boat during his terrible battle with the crashing waves that constantly threatened to toss the raving shopkeeper into the sea and was picked up by the Lucretia, plying towards Kasset. Exposure and the nightmare he had experienced put an end to Menners’ days. He did not live a full forty-eight hours, calling down upon Longren every calamity possible on earth and in his imagination. Menners’ story of the sailor watching his doom, having refused him help, the more convincing since the dying man could barely breathe and kept moaning, astounded the people of Kaperna. To say nothing of the fact that hardly a one of them would remember an insult even greater than the one inflicted upon Longren or to grieve as he was to grieve for Mary till the end of his days--they were repulsed, puzzled and stunned by Longren’s silence. Longren had stood there in silence until those last words he had shouted to Menners; he had stood there without moving, sternly and silently, as a judge, expressing his utter contempt of Menners-- there was something greater than hatred in his silence and they all sensed this. If he had shouted, expressed his gloating through gesture or bustling action, or had in any other way shown his triumph at the sight of Menners’ despair, the fishermen would have understood him, but he had acted differently than they would have -- he had acted impressively and strangely and had thus placed himself above them -- in a word, he had done that which is not forgiven. No longer did anyone salute him in the street or offer him his hand, or cast a friendly glance of recognition and greeting his

way. From now and to the end he was to remain aloof from the affairs of the village; boys catching sight of him in the street would shout after him: "Longren drowned Menners!" He paid no attention to this. Nor did it seem that he noticed the fact that in the tavern or on the beach among the boats the fishermen would stop talking in his presence and would move away as from someone who had the plague. The Menners' affair had served to strengthen their formerly partial alienation. Becoming complete, it created an unshakeable mutual hatred, the shadow of which fell upon Assol as well.

The little girl grew up without friends. The two or three dozen children of her age in the village, which was saturated like a sponge is with water with the crude law of family rule, the basis of which is the unquestioned authority of the parents, imitative like all children in the world, excluded little Assol once and for all from the circle of their protection and interest. Naturally, this came about gradually, through the admonitions and scolding of the adults, and assumed the nature of a terrible taboo which, increased by idle talk and rumour, burgeon in the children's minds to become a fear of the sailor's house.

Besides, the secluded life Longren led now gave vent to the hysterical tongues of gossip; it was implied that the sailor had murdered someone somewhere and that, they said, was why he was no longer signed up on any ship, and he was so sullen and unsociable because he was "tormented by a criminal conscience". When playing, the children would chase Assol away if she came near, they would sling mud at her and taunt her by saying that her father ate human flesh and was now a counterfeiter. One after another her naive attempts at making friends ended in bitter tears, bruises, scratches and other manifestations of public opinion; she finally stopped feeling affronted, but would still sometimes ask her father:

"Why don't they like us? Tell me."

"Ah, Assol, they don't know how to like or love. One must be able to love, and that is something they cannot do."

"What do you mean by 'be able to'?"

"This!"

At which he would swing the child up and fondly kiss her sad

eyes which she would shut tight with sweet pleasure.

Assol's favourite pastime was to climb up on her father's lap of an evening or on a holiday, when he had set aside his pots of glue, his tools and unfinished work and, having taken off his apron, sat down to rest, pipe clenched between his teeth. Twisting and turning within the protective circle of her father's arm, she would finger the various parts of the toys, questioning him as to the purpose of each. Thus would begin a peculiar, fantastic lecture on life and people -- a lecture in which, due to Longren's former way of life, all sorts of chance occurrences and chance in general, strange, amazing and unusual events, were given a major role. As Longren told his daughter the names of the various ropes, sails and rigging, he would gradually become carried away, progressing from simple explanations to various episodes in which now a windlass, now a rudder and now a mast, or this or the other type of craft and such like had played a part, and from these isolated illustrations he would go on to sweeping descriptions of nautical wanderings, interweaving superstition with reality and reality with images created by his imagination. Herein appeared the tiger cat, that herald of shipwreck, the talking flying fish which one had to obey on pain of losing one's course, and the Flying Dutchman and his wild crew, signs, ghosts, mermaids and pirates -- in a word, all the fables that help a sailor while away the time during a calm spell or in some favourite tavern. Longren also spoke of shipwrecked crews, of men who had become savages and had forgotten how to talk, of mysterious buried treasure, of convict mutinies, and of much else which the little girl listened to more raptly than did, perhaps, Columbus' first audience to his tale of a new continent. "Tell me more," Assol pleaded when Longren, lost in thought, would fall silent, and she would fall asleep on his breast with a head full of wonderful dreams. The appearance of the clerk from the toy shop in town, which was glad to buy whatever Longren had made, was a great and always a materially important treat to her. In order to get into the father's good graces and strike a good bargain, the clerk would bring along a couple of apples, a bun and a handful of nuts for the girl. Longren usually asked for the true price of a toy, for he detested bargaining, but the clerk would lower the price. "Why," Longren would say, "it's taken me a week to make this boat. (The boat was five inches long.) See how strong and trim it is, and mark the draught. Why, it'll hold fifteen men in a storm."

In the end, the little girl's soft murmurings and fussing with her apple would weaken Longren's determination and desire to argue;

he would give in, and the clerk, having filled his basket with wellmade, excellent toys, would leave, laughing up his sleeve.

Longren did all the work about the house himself: he chopped wood, carried water, made the stove, cooked, washed clothes and ironed and, besides, found time to earn their keep. When Assol was eight years old her father taught her to read and write. He began taking her to town now and then, and after a while even sent her alone if he had to borrow some money from the shop or had some new toys to deliver. This did not happen often, although Liss was only four miles from Kaperna, but the road lay through the forest, and there is much in a forest that can frighten a child beside the actual physical danger which, it is true, one would hardly find in such close proximity to a town, but should still keep in mind. That was why Longren would let her go to town alone only on fine days, in the morning, when the woods along the road were filled with showers of sunshine, flowers and stillness, so that Assol's impressionability was not threatened by any phantoms conjured up by her imagination.

One day, in the middle of such a journey to town, the child sat down by the roadside to have a bun she had brought along for her lunch. As she munched on the bun she picked up each toy in turn; two or three were new to her: Longren had made them during the night. One of the new toys was a miniature racing yacht; the little white craft had crimson sails made of scraps of silk which Longren used to cover the cabin walls in toys intended for wealthy customers. Here, however, having completed the yacht, he had not found any suitable cloth for the sails and had used what had come to hand -- some scraps of crimson silk.

Assol was delighted. The flaming, cheerful colour burned so brightly in her hand she fancied she was holding fire. A stream straddled by a little bridge of nailed poles crossed the road; to the right and left the stream flowed off into the forest. "If I put it in the water for just a little while it won't get wet," Assol was thinking, "and then I can wipe it dry." She went off downstream into the forest a ways, and carefully placed the boat that had caught her fancy into the stream at the water's edge; the clear water immediately reflected the crimson of the sails; the light streaming through the cloth lay as a shimmering pink glow upon the white stones of the bottom. "Where'd you come from, Captain?" Assol inquired in a most serious voice of an imaginary character and, answering her own question, replied, "I've come from.... From ... From China." "And what have you brought?"

“That’s something I shan’t tell you.” “Oh, so you won’t, Captain? Well then, back into the basket you go.” Just as the captain was about to repent and say he had only been teasing, and would gladly show her an elephant, the mild backlash of a wave that had washed against the bank turned the yacht’s bow into the stream and, like a real vessel, it left the bank at full speed and sailed off with the current. The scale of her surroundings changed instantly: The stream now seemed like a great river to the child, and the yacht a large, distant vessel towards which, nearly falling into the water, she stretched forth her hands in dumb terror. “The captain got frightened,” she decided and ran after the disappearing toy, hoping that it would be washed up on the bank farther on. As she hastened along, dragging the light but cumbersome basket, Assol kept repeating, “Goodness! How could it have happened? What an accident....” Trying not to lose sight of the beautiful triangle of the sails that was drifting off so gracefully, she stumbled, fell, and ran on again.

Never before had Assol ventured so far into the woods. Being completely absorbed by an impatient desire to catch up with the toy, she paid no attention to her surroundings; there were more than enough obstacles on the bank to claim her attention as she scurried along. Mossy trunks of fallen trees, pits, tall- standing ferns, briar roses, jasmine and hazel bushes blocked her every step; in overcoming them she gradually tired, stopping ever more often to catch her breath or brush a wisp of clinging cobweb from her face. When, in the wider stretches, there appeared thickets of sedge and reeds, Assol nearly lost sight of the crimson-gleaming sails, but hurrying round a bend she would catch sight of them again, running with the wind so majestically and steadfastly. Once she looked back, and the great mass of the forest with its many hues, changing from the hazy columns of light in the leaves to the dark slashes of dense gloom, astounded her. For a moment she became frightened, but then recalled the toy and, letting out several deep “phew’s”, ran on as fast as she could.

Nearly an hour passed in this futile and frantic chase, and then Assol was surprised and relieved to see the trees part widely up ahead, letting in a blue expanse of sea, clouds and the edge of a sandy yellow bluff onto which she came running, nearly dropping from exhaustion. This was the mouth of the little river; spreading here, not broadly, and shallowly, so that the streaming blue of the rocks on the bottom could be seen, it disappeared into the oncoming waves of the sea. Standing at the edge of the low, root-gnarled bluff, Assol saw a man sitting on a large, flat stone by the

stream with his back to her, holding the runaway yacht and turning it in his hands with the curiosity of an elephant that had caught a butterfly. Somewhat calmed by the sight of the rescued toy, Assol slid down the slope, came up beside the stranger and studied him closely while waiting for him to raise his head. However, the stranger was so absorbed in examining the forest's surprise that the child had a chance to inspect him from head to toe, deciding that never before had she ever seen anyone like him.

The man was in fact Egle, the well-known collector of songs, legends and fairytales, who was on a walking tour. His grey locks fell in waves from under his straw hat; his grey blouse tucked into his blue trousers and his high boots made him look like a hunter; his white collar, tie, silver-studded belt, walking stick and leather pouch with the shiny, nickel-plated buckle showed him to be a city-dweller. His face, if one can call a face a nose, lips and eyes that peep out of a bushy, spiked beard and luxuriant, fiercely twirled moustache, would have seemed flabbily translucent, if not for the eyes that were as grey as sand and as shiny as pure steel, with a gaze that was bold and powerful.

"Now give it back," the little girl said timidly. "You've played with it long enough. How did you catch it?"

Egle looked up and dropped the yacht, for Assol's excited voice had broken the stillness so unexpectedly. For a moment the old man gazed at her, smiling and slowly running his beard through his large, curled hand. An oft-washed little cotton dress just barely covered the girl's skinny, sunburned knees. Her thick dark hair tied up in a lace kerchief had got undone and fell to her shoulders. Every one of Assol's features was finely- chiseled and as delicate as a swallow's flight. There was a sad, questioning look in her dark eyes which seemed older than her face; its irregular oval was touched with the lovely sunburn peculiar to a healthy whiteness of the skin. Her small parted lips were turned up in a gentle smile.

"I swear by the Brothers Grimm, Aesop and Andersen," Egle said, looking from the girl to the yacht, "That there's something very special here! Listen, you, flower! This is yours, isn't it?"

"Yes. I ran all the way down along the stream after it; I thought I'd die. Did it come here?"

"Right to my feet. The shipwreck has made it possible for me,

acting as an offshore pirate, to present you with this prize. The yacht, abandoned by its crew, was tossed up on the beach by a three-inch wave - landing between my left heel and the tip of my stick." He thumped his stick. "What's your name, child?"

"Assol," the girl replied, tucking the toy Egle had handed her into the basket.

"That's fine." The old man continued his obscure speech, never taking his eyes, in the depths of which a kindly, friendly chuckle glinted, from her. Actually, I shouldn't have asked you your name. I'm glad it's such an unusual one, so sibilant and musical, like the whistle of an arrow or the whispering of a seashell; what would I have done if your name had been one of those pleasant but terribly common names which are so alien to glorious Uncertainty? Still less do I care to know who you are, who your parents are, or what sort of life you lead. Why break the spell? I was sitting here on this stone comparing Finnish and Japanese story plots... When suddenly the stream washed up this yacht, and then you appeared. Just as you are. I'm a poet at heart, my dear, even though I've never written anything. What's in your basket?

"Boats," Assol said, shaking the basket, "and a steamship, and three little houses with flags. Soldiers live in them."

"Excellent. You've been sent to sell them. And on the way you stopped to play. You let the yacht sail about a bit, but it ran off instead. Am I right?"

"Were you watching?" Assol asked doubtfully as she tried to recall whether she had not told him about it herself.

"Did somebody tell you? Or did you guess?"

"I knew it."

"How?"

"Because I'm the greatest of all magicians."

Assol was embarrassed; the tension she felt at these words of Egle's overstepped fear. The deserted beach, the stillness, the tiring adventure of the yacht, the strange speech of the old man with the glittering eyes, the magnificence of his beard and hair now seemed to the child as a brew of the supernatural and reality.

If Egle had grimaced or shouted now, the child would have raced off, weeping and faint from fear. However, upon noticing how wide her eyes had grown, Egle made a sharp turn.

"You've no reason to be afraid of me," he said in a serious voice. "On the contrary, I want to have a heart- to-heart talk with you."

Now at last did he see what it was in her face that had struck him so. "An unwitting expectation of the beautiful, of a blissful fate," he decided. "Ah, why wasn't I born a writer? What a wonderful theme for a story."

"Now then," Egle continued, trying to round off his original thesis (a penchant for myth-making--the result of his everyday work--was greater than the fear of tossing seeds of great dreams upon unknown soil), "now then, Assol, listen carefully. I've just been in the village you are probably coming from; in a word, in Kaperna. I like fairytales and songs, and I spent the whole day in that village hoping to hear something no one had heard before. But no one in these parts tells fairy-tales. No one here sings songs. And if they do tell stories and sing songs, you know, they are tales about conniving peasants and soldiers, with the eternal praise of roguery, they are as filthy as unwashed feet and as crude as a rumbling stomach, these short, four-line ditties sung to a terrible tune... Wait, I've got carried away. I'll start again."

He was silent for a while and then continued thus:

I don't know how many years will pass, but a fairy- tale will blossom in Kaperna and will remain in the minds of the people for long. You'll be grown-up then, Assol. One morning a crimson sail will gleam in the sun on the far horizon. The shimmering pile of crimson sails on a white ship will head straight towards you, cutting through the waves. This wonderful ship will sail in silently; there will be no shouting or salvo; a great crowd will gather on the beach. Everyone will be amazed and astounded; and you'll be there, too. The ship will sail majestically up to the very shore to the strains of beautiful music; a swift boat decked out in rugs, flowers and gold will be lowered from the ship. "Why have you come? Whom are you searching for?" The people on the beach will say. Then you'll see a brave and handsome prince; he'll be standing there and stretching forth his hands towards you. "Hello, Assol!" He'll say. Far, far away from here I saw you in a dream and have come to take you away to my kingdom forever. You will live with me there in a deep rose valley. You shall have

everything your heart desires; we shall be so happy together your soul will never know the meaning of tears or sadness. “He’ll take you into his boat, bring you to the ship, and you’ll sail away forever to a glorious land where the sun comes up and where the stars will descend from the sky to greet you upon your arrival.”

“And will it all be for me?” The girl asked softly.

Her grave eyes became merry and shone trustingly. Obviously, no dangerous magician would ever speak thus; she came closer.

“Maybe it’s already come… That ship?”

“Not so fast,” Egle objected. “First, as I’ve said, you have to grow up. Then… What’s the use of talking? It will be, and that’s all there is to it. What will you do then?”

“Me?” She looked into the basket but apparently did not find anything there worthy of being a suitable reward. “I’d love him,” she said quickly and then added rather hesitantly, “if he won’t fight.”

“No, he won’t,” the magician said, winking at her mysteriously. “He won’t. I can vouch for it. Go to, child, and don’t forget what I’ve told you between two sips of flavoured vodka and my musings over the songs of convicts. Go. And may there be peace for your fluffy head!”

Longren was working in his small garden, hilling the potato plants. Raising his head, he saw Assol, who was running towards him with a joyous, impatient look on her face.

“Listen…” She said, trying to control her rapid breathing and clutching her father’s apron with both hands. “Listen to what I’m going to tell you…. On the beach there, far away, there’s a magician….”

She began her tale by telling him of the magician and his wonderful prophesy. Her excitement made it hard for her to recount the events coherently. She then proceeded to describe the magician and, in reverse order, her chase after the runaway yacht.

Longren listened to her story without once interrupting and without a smile, and when she ended it his imagination quickly conjured up a picture of the stranger, an old man holding a flask of flavoured vodka in one hand and the toy in the other. He turned

away, but recalling that at momentous times of a child's life one had to be serious and amazed, nodded solemnly and uttered:

"I see.... It looks like he really is a magician. I'd like to have a look at him.... But when you go again, don't turn off the road: It's easy to get lost in the woods."

He laid aside his hoe, sat down by the low wattle fence and took the child onto his lap. She was terribly tired and tried to add a few more details, but the heat, excitement and exhaustion made her drowsy. Her lids drooped, her head leaned against her father's hard shoulder, and in another instant she would have been carried off to the land of nod, when abruptly, perturbed by sudden doubt, Assol sat up straight with her eyes still shut and, thrusting her little fists at Longren's waistcoat, exclaimed:

"Do you think the magical ship will really come for me?"

"It'll come," the sailor replied calmly. "If you've been told it will, it means it will."

"She'll forget all about it by the time she grows up," he said to himself, "And, meanwhile... One should not take such a toy from you. You will see so many sails in the future, and they will not be crimson, but filthy and treacherous: From afar they'll seem gleaming and white, but from close-up they'll be ragged and brazen. A traveller chose to jest with my girl. So what? It was a kindly jest! It was a good jest! My, how tired you are,-- half a day spent in the woods, in the heart of the forest. As for the crimson sails, think of them as I do: You will have your crimson sails."

Assol slept. Longren took out his pipe with his free hand, lit it, and the wind carried the smoke off through the fence into a bush that grew outside the garden. Sitting by the bush with his back to the fence and chewing on a slice of meat pie was a young beggar. The overheard conversation between the father and daughter had put him in a cheerful mood, and the smell of good tobacco had awakened the sponger in him.

"Give a poor man a smoke, sir," he said, speaking through the fence. "Compared to yours, my tobacco is pure poison."

"I'd certainly give you some," Longren replied in an undertone, "But my pouch is in my other pocket. And I don't want to waken my daughter."

“What a disaster, indeed! She’ll wake up and go right back to sleep again, but you’ll have given a wayfarer a smoke.”

“It’s not as if you were all out of tobacco,” Longren retorted, “And the child’s exhausted. Come by later, if you wish.”

The beggar spat in disgust, hung his sack on his stick and sneered:

“Naturally, she’s a princess. Filling her head with all sorts of fairy-tale ships! You really are a queer fish, and you a man of property!”

“Listen,” Longren whispered, “I think I will waken her, but it’ll only be because I’ll be basting your face in. Now get going!”

Half an hour later the beggar was seated in a tavern in the company of a dozen fishermen. Sitting behind them, now tugging at a husband’s sleeve, now stretching a hand over a shoulder to reach for a glass of vodka--for themselves, naturally--were some buxom women with shaggy brows. The muscles of their arms were as big as paving stones. The beggar, fuming from the affront, was relating his tale:

“... And he wouldn’t give me a smoke. ‘Now when you get to be of age,’ he says, ‘a special red ship come for you. That’s on account of how you’re fated to marry a prince. And,’ he says, ‘you mind what that magician said.’ But I say, ‘go on, wake her up, so’s you can reach over and get your pouch.’ And, you know, he chased me halfway down the road.”

“What? Who? What’s he talking about?” The women’s curious voices demanded.

The fishermen turned their heads slightly to tell them what it was all about, smiling wryly as they did:

“Longren and his daughter have become wild as animals, and maybe they’re even touched in the head, that’s what the man here’s saying. A sorcerer came to see them, he says. And now they’re waiting--ladies, see you don’t miss your chance! -- For a prince from some foreign land, and he’ll be sailing under crimson sails to boot!”

Three days later, as Assol was returning home from the toy shop in town, she first heard the taunts:

“Hey, you gallows-bird! Assol! Look over here! See the crimson

sails coming in!"

The child started and involuntarily shielded her eyes as she gazed off towards the sea. Then she turned back to where the shouting had come from; twenty feet away she saw a group of children; they were making faces and sticking their tongues out at her. The little girl sighed and hurried off home.

# II

# GRAY

If Caesar considered that it was better to be the first in a village than the second in Rome, Arthur Gray did not have to envy Caesar as far as his sagacious wish was concerned. He was born a captain, desired to be one, and became one.

The great manors in which Gray was born was sombre inside and magnificent without. The manor looked on flower gardens and a part of the park. The very best imaginable tulips -- silver-blue, lavender and black with a brush of pink -- snaked through the garden like strings of carelessly-strewn beads. The old trees in the park slumbered in the sifting gloom above the sedge of a meandering stream. The castle fence, for the manor was actually a castle, was made of spiral cast-iron posts connected by iron grill-work. Each post was crowned by a cast-iron lily blossom; on festive occasions the cups were filled with oil and burned brightly into the night as a far-stretching, fiery line.

Gray's parents were arrogant slaves of their social position, wealth and the laws of that society, referring to which they could say "we". The part of their souls that was centred on the gallery of their ancestors is not really worth describing, while the other part--an imaginary continuation of the gallery--began with little Gray, who was preordained to live out his life and die in such a manner as to have his portrait hung on the wall without detriment to the family honour.

A small error had crept into the plan, however: Arthur Gray was born with a lively spirit, and was in no way disposed to continue the line of the family tracing.

This liveliness, this complete unorthodox in the boy became most

evident in his eighth year; a knightly type affected by strange impressions, a seeker and miracle worker, that is, a person who had chosen from amongst the countless roles in life the most dangerous and touching one--the role of providence, became apparent in Gray from the time he pushed a chair up against the wall to reach a painting of the Crucifixion and removed the nails from Christ's bloody hands, that is, he simply covered them over with blue paint he had stolen from a house painter. Thus altered, he found the painting to be more bearable. Carried away by this strange occupation, he had begun covering over Christ's feet as well, but was surprised by his father. The old man jerked the boy off the chair by his ears and asked:

"Why have you ruined the painting?"

"I haven't ruined it."

"It is the work of a famous painter."

"I don't care. I can't allow nails to be sticking out of someone's hands, making them bleed. I don't want it to be."

Hiding his smile in his moustache, Lionel Gray recognized himself in his son's reply and did not punish him.

Gray diligently went about studying the castle, and his discoveries were amazing. Thus, in the attic he came upon a knight's steel armour-junk, books bound in iron and leather, crumbling vestments and flocks of pigeons. In the cellar, where the wine was kept, he gleaned interesting information about Laffitte, Madeira and sherry. Here in the murky light of the lancets windows that were squeezed in between the slanting triangles of the stone vaults there were large and small casks; the largest, in the shape of a flat circle, took up all of the shorter wall of the cellar; the hundred-year- old black oak of the cask gleamed like highly-polished wood. Paunchy green and dark-blue bottles rested in wicker baskets among the casks. Grey fungi on spindly stalks grew on the stone sand on the earthen floor; everywhere--there was mould, moss dampness and a sour, stuffy smell. A great cobweb glittered like gold in a far corner when, towards evening, the sun's last ray searched it out. Two casks of the finest Alicant that existed in the days of Cromwell were sunk into the ground in one spot, and the cellar-keeper, pointing out a vacant corner to Gray, did not miss the chance to recount the story of the famous grave in which lay a dead man more live than a pack of fox

terriers. As he began his tale, the story-teller would never forget to check on the spigot of the large cask and would walk away from it apparently with an easier heart, since unwonted tears of too-strong joy glistened in his suddenly merry eyes.

"Now then," Poldichoque would say to Gray, sitting down on an empty crate and putting a pinch of snuff up his sharp nose, "do you see that spot? The kind of wine that's buried there would make many a drunkard agree to having his tongue cut off if he'd be given just a little glass of it. Each cask holds a hundred litres of a substance that makes your soul explode and your body turn into a blobs of dough. It's darker than a cherry, and it won't pour out of a bottle. It's as thick as heavy cream. It's locked away in casks of black oak that are as strong as iron. They have double rows of copper hops. And the lettering on the hops is in Latin and says, 'A Gray will drink me when he'll be in Heaven.' There were so many opinions as to what it means that your greatgrandfather, Simeon Gray, had a country estate built and named it 'Heaven' and thought in that way he could reconcile the mysterious inscription and reality by means of some harmless with. And what do you know? He died of a heart attack as soon as the first hoops were knocked off. That's how excited the old gourmet was. Ever since then nobody's as much as touched the cask. They say the precious wine will bring misfortune. Indeed, not even the Egyptian sphinx asked such riddles. True, it did ask a sage: 'Will I devour you like I devour everyone else? Tell me the truth, and you'll live', but only after giving it some concerted thought...."

"I think the spigot's leaking again," Poldichoque would say, interrupting himself, and would head at a slant towards the corner from whence, having tightened the spigot, he would return with a bland, beaming face.

"Yes. After giving it some thought and, most important, taking his time about it, the sage might have said to the sphinx: 'Let's go and have a drink, my good fellow, and you'll forget all about such nonsense.' 'A Gray will drink me when he's in Heaven!' How's one to understand that? Does it mean he'll drink it after he's dead? That's very strange. Which means he's a saint, which means he doesn't drink either wine or spirits. Let's say that 'Heaven' means happiness. But if the question is posed like that, any joy will lose half of its shiny leathers when the happy fellow has to ask himself sincerely: Is this Heaven? That's the rub. In order to drink from this cask with an easy heart and laugh, my boy, really laugh, one has to have one foot on the ground and the other in the sky.

There's also a third theory: That one day a Gray will get heavenly drunk and will brazenly empty the little cask. However, this, my boy, would not be carrying out the prophesy, it would be a tavern row."

Having checked once again on the working order of the spigot in the big cask, Poldichoque ended his story looking glum and intent:

"Your ancestor, John Gray, brought these casks over from Lisbon on the Beagle in 1793; he paid two thousand gold piasters for the wine. The gunsmith Benjamin Ellian from Pondisherry did the inscription on the casks. The casks are sunk six feet underground and covered with the ashes of grape vines. No one ever drank this wine, tasted it, or ever will."

"I'll drink it," Gray said one day, stamping his foot.

"What a brave young man!" Poldichoque said. "And will you drink it in Heaven?"

"Of course! Here's Heaven! It's here, see?" Gray laughed softly and opened his small fist. His delicate but well-formed palm was lit up by the sun, and then the boy curled his fingers into a fist again. "Here it is! It's here, and now it's gone again!"

As he spoke he kept clenching and un-clenching his fist. At last, pleased with his joke, he ran out, ahead of Poldichoque, onto the dark stairway leading to the ground floor corridor.

Gray was absolutely forbidden to enter the kitchen, but once, having discovered this wonderful world of flaming hearths and soot, this hissing and bubbling of boiling liquids, chopping of knives and mouth- watering smells, the boy became a diligent visitor to the great chamber. The chefs moved in stony silence like some high priests; their white hats etched against the soot-blackened walls lent an air of solemn ritual to their movements; the fat, jovial dishwashers at their barrels of water scrubbed the tableware, making the chinas and silver ring; boys came in, bent under the weight of baskets of fish, oysters, lobsters and fruit. Laid out on a long table were rainbow hued pheasants, grey ducks and brightly-feathered chickens; farther on was the carcass of a suckling pig with a tiny tail and eyes shut like a baby' is; then there were turnips, cabbages, nuts, raisins and sun-burnished peaches.

Gray always quail slightly in the kitchen: He felt that some strange force was in charge here, and that its power was the mainspring of life in the castle; the shouts sounded like orders and invocations; the movements of the kitchen staff after years of practice had acquired that precise, measured rhythm that seems like inspiration.

Gray was not yet tall enough to peep into the largest cauldron which bubbled like Mt. Vesuvius, but he felt a special respect for it; he watched in awe as two serving women handled it; at such times steaming froth would splash out onto the top of the stove, and the steam that rose from the hissing stove lid would billow out into the kitchen. On one occasion so much liquid splashed out it scalded one of the kitchen maid's hands. The skin immediately turned red from the rush of blood, and Betsy (for that was her name) wept as she rubbed oil into the burned skin. Tears coursed down her round, frightened face uncontrollably.

Gray was petrified. As the other women fussed about Betsy, he was suddenly gripped by the pain of another person's suffering which he could not himself experience.

"Does it hurt very much?" He asked.

"Try it, and you'll see," Betsy replied, covering her hand with her apron.

The boy frowned and climbed up onto a stool, dipped a long-handled spoon into the hot liquid (in this case it was lamb soup) and splashed some onto his wrist. The sensation was not faint, but the faintness resulting from the sharp pain made him sway. He was as pale as flour when he went up to Betsy, hiding his scalded hand in his pants pocket.

"I think it hurts you awfully," he murmured, saying nothing of his own experiment. "Come to the doctor, Betsy. Come on!"

He tugged at her skirt insistently, though all the while the believers in home remedies were giving the girl all sorts of advice for treating the burn. However, she was in very great pain, and so she followed Gray. The doctor relieved her pain by applying some medication. Not before Betsy was gone did Gray show him his own hand.

This insignificant episode made twenty-year-old Betsy and ten-year-old Gray bosom friends. She would fill his pockets with

sweets and apples, and he would tell her fairy-tales and other stories he had read in his books. One day he discovered that Betsy could not marry Jim, the groom, because they had no money to set themselves up in a home of their own. Gray used his fireplace tongs to crack his china piggy-bank and shook out the contents, which amounted to nearly a hundred pounds. He rose early, and when the dower-less girl went off to the kitchen, sneaked into her room and placed his gift in her chest, laying a note on top: "This is yours, Betsy. (Signed) Robin Hood." The commotion this caused in the kitchen was so great that Gray had to confess to the deed. He did not take the money back and did not want to have another word said about it.

His mother was one of those people whom life pours into a ready mould. She lived in the dream- world of prosperity that provided for every wish of an ordinary soul; therefore, she had no other occupation save to order around her dressmakers, doctor and butler. However, her passionate and ail-but religious attachment for her strange child was, one might assume, the only vent for those of her inclinations, chloroform by her upbringing and fate, which were no longer fully alive, but simmered faintly, leaving the will idle. The high-born Dame resembled a peacock hen that had hatched a swan's egg. She was quivering aware of the magnificent uniqueness of her son; sadness, love and constraint filled her being when she pressed the boy to her breast, and her heart spoke unlike her tongue, which habitually reflected the conventional types of relationships and ideas. Thus does a cloud effect, concocted so weirdly by the sun's rays, penetrate the symmetrical interior of a public building, divesting it of its banal merits; the eye sees but does not recognize the chamber; the mysterious nuances of light amongst paltriness create a dazzling harmony.

The high-born dames, whose face and figure, it seemed, could respond but in icy silence to the fiery voices of life and whose delicate beauty repelled rather than attracted, since one sensed her haughty effort of will, devoid of feminine attraction -- this same Lillian Gray, when alone with the boy, was transformed into an ordinary mother speaking in a loving, gentle voice those endearments which refuse to be committed to paper; their power lies in the emotions, not in their meaning. She was positively unable to refuse her son anything. She forgave him everything: His visits to the kitchen, his abhorrence of his lessons, his disobedience and his many eccentricities.

If he did not want the trees to be trimmed they were left untouched; if he asked that someone be pardoned or rewarded -- the person in question knew that it would be so; he could ride any horse he wished, bring any dog he wished into the castle, go through the books in the library, run around barefoot and eat whatever he pleased. His father tried to put a stop to this and finally yielded -- not to the principle, but to his wife's wishes. He merely had all the servants' children moved out of the castle, fearing that by associating with low society the boy's whims would become inclinations that would be difficult to eradicate. In general, he was completely taken up with endless family lawsuits whose origins went back to the era of the founding of the first paper mills and whose end perhaps lay in the death of the last caviller. Besides, there were affairs of state, the running of his own estates, dictating his memoirs, fox-hunts, newspapers to be read and an extended correspondence to keep him at a certain distance inwardly from the rest of the family; he saw his son so infrequently that he would sometimes forget how old the boy was.

Thus, Gray lived in a world of his own. He played all by himself--usually in the back yards of the castle which had once, in times of yore, been of strategic use. These vast, empty lots with the remains of deep moats and moss-covered stone cellars were overgrown with weeds, nettles, briars, blackthorn and shy bright wildflowers. Gray would spend hours here, exploring mole burrows, battling weeds, stalking butterflies and building fortresses of broken bricks, which he then shelled with sticks and stones.

He was going on twelve when all the implications of his soul, all the separate traits of his spirit and shades of secret impulses were brought together in a single powerful surge and, having in this way acquired a harmonious expression, became an indomitable desire. Until then he seemed to have found but disparate parts of his garden--a sunny spot, shadow, a flower, a great dark trunk--in the many other gardens and suddenly saw them clearly, all -- in magnificent, astonishing accord.

This happened in the library.

The tall door topped by a murky fanlight was usually locked, but the latch fit the mortise loosely and when pressed hard, the door would give, buckle and open. When the spirit of adventure urged Gray to make his way into the library he was amazed at the dusty

light, whose effect and peculiarity were created by the coloured design of the leaded fanlight. The stillness of desertion lay upon everything here as on water in a pond. Here and there dark rows of bookcases adjoined the windows, blocking them halfway; there were aisles between the bookcases which were piled high with volumes. Here was an open album from which the centre pages had slipped out; over there were some scrolls tied with gold cord, stacks of sombre- looking books, thick layers of manuscripts, a mound of miniature volumes which cracked like bark if they were opened; here were charts and tables, rows of new editions, maps; a great variety of bindings, coarse, fine, black, mottled, blue, grey, thick, thin, rough and smooth. The bookcases were packed with books. They seemed like walls which had encompassed life itself within their bulk. The glass of the bookcases reflected other bookcases covered with colourless, shimmering spots. On a round table was a huge globe encased by a brass spherical cross formed by the equator and a meridian. Turning to the exit, Gray saw a huge painting above the door whose images immediately filled the rigid silence of the library. The painting was of a clipper rising upon the crest of a tremendous wave. Foam coursed down its side. It was depicted at the very last moment of its upward flight. The ship was sailing straight at the viewer. The rearing bowsprit obscured the base of the masts. The crest of the great wave, rent by the keel, resembled the wings of a huge bird. Foam streaked off into the air. The sails, but vaguely discernible behind the forecastle deck and above the bowsprit, swollen by the raging force of the storm, were bearing back in their enormity, in order to, having gained the crest, righten themselves and then, tilting over the void, speed the vessel on towards new billows. Low, ragged clouds swirled over the ocean. The dim light struggled vainly against the approaching darkness of night. However, the most striking aspect of the painting was the figure of a man standing on the forecastle deck with his back to the viewer. It fully conveyed the situation and even the nature of the moment. The man's pose (he had spread his legs far apart and flung out his arms) did not actually indicate what he was doing, but led one to assume attention strained to the extreme and directed towards something on deck invisible to the viewer. The hem of his coat was whipped back by the wind; his white pigtail and black sword were swept straight out into the air; the richness of his dress indicated him to be the captain; his dancing stance -- the sweep of the wave; there was no hat; he was, apparently, completely absorbed by the dangerous moment and was shouting- -but what? Did he see a man falling overboard, was he issuing an order

to tack about or, shouting above the wind, was he calling to the boatswain? The shadows of these thoughts, not the thoughts themselves, took shape in Gray's heart as he gazed at the painting. He suddenly felt that someone had approached him from the left and now stood beside him, unknown and unseen; he had only to turn his head to make the weird sensation disappear without a trace. Gray knew this. However, he did not snuff out his imagination, but harkened to it. A soundless voice shouted several curt phrases, as incomprehensible as if spoken in Malay; there followed the crash of extended avalanches; echoes and a grim wind filled the library. Gray heard all this within himself. He looked around; the stillness that was instantly re-established dispelled the ringing cobweb of his fantasy; his bond with the storm was broken.

Gray returned several times to look at the painting. It became to him that necessary word in the conversation between the soul and life without which it is difficult to understand one's self. The great sea was gradually finding a place within the small boy. He became accustomed to it as he went through the books in the library, seeking out and avidly reading those behind whose golden door the blue glitter of the ocean could be seen. There, sowing spray behind the stern, the ships plied on. Some lost their sails and masts and, becoming engulfed by the waves, settled into the deep, where in the darkness gleam the phosphorescent eyes of fishes. Others, seized by the breakers, were battered against the reefs; the subsiding swell shook the hull dangerously; the deserted ship with its torn rigging was in protracted agony until a new storm shattered it to bits. Still others took on cargo uneventfully in one port and unloaded it in another; the crew, gathered around a tavern table, would sing the praises of a life at sea and down their drinks lovingly. There were also pirate ships that flew the Jolly Roger, manned by terrible, cutlass-swinging crews; there were phantom ships radiant in a deathly glow of blue illumination; there were naval ships with soldiers, cannons and brass bands; there were the ships of scientific expeditions, studying volcanoes, flora and fauna; there were ships enveloped in grim mystery and mutiny; there were ships of discovery and ships of adventure.

In this world, most naturally, the figure of the captain towered above all else. He was the fate, the soul and the brain of the ship. His character determined the work and the leisure of the crew. He selected his crew himself and it met his inclinations in many ways. He knew the habits and family life of each man. He

possessed, in the eyes of his subordinates, magical knowledge, which enabled him to confidently plot a course from, say, Lisbon to Shanghai across the vast expanses. He repelled a storm by the counteraction of a system of complex efforts, squelch panic with curt orders; he sailed and stopped where he would; he was in command of the sailing and loading, repairs and leisure; it was difficult to imagine a greater and more sensible authority in a vital enterprise full of constant movement. This power, in its exclusiveness, and absoluteness, was equal to the power of Orpheus.

This notion of a captain, this image and this actual reality of his position occupied, by right of events of the spirit, the place of honour in Gray's splendid imagination. No other profession save this could so successfully fuse into a single whole all the treasures of life, while preserving inviolable the most delicate design of each separate joy. Danger, risk, the forces of nature, the light of a distant land, the wondrous unknown, effervescent love, blossoming in rendezvous and parting; the fascinating turmoil of encounters, faces, events; the endless variety of life, while up above in the sky was now the Southern Cross, now the Big Dipper, and all the continents were in one's keen eyes, though your cabin was replete with your everpresent homeland, with its books, pictures, letters and dried flowers entwined by a silken strand of hair in a suede locket on your manly chest.

In the autumn of his fifteenth year Arthur Gray ran away from home and passed through the golden gates of the sea. Soon after the schooner Anselm left Dubelt and set sail for Marseilles, with a ship's boy aboard who had small hands and the face of a girl dressed in boy's clothing. The ship's boy was Gray, the owner of an elegant travelling-bag, patent leather boots as fine as kid gloves and batiste linen adorned with a crown crest. In the course of a year, while the Anselm sailed from France to America and Spain, Gray squandered a part of his possessions on pastry-cakes, thus paying tribute to the past, and the rest, for the present and future, he lost at cards. He wanted to be a red-blooded sailor. He choked as he downed his liquor, and when bathing, his heart would falter as he dived from a height of twelve feet. He gradually lost everything except that which was most important--his strange, soaring spirit; he lost his frailty, becoming broad of bone and strong of muscle, his paleness gave way to a deep tan, he relinquished his refined carelessness of movement for the sure drive of a working hand, and there was a sparkle in his intelligent eyes as in a person's who gazes into a fire. And his speech, having

lost its uneven, haughtily shy fluidity, became brief and precise, as the thrust of a seagull at the quivering silver of a fish.

The captain of the Anselm was a kind man, but a stern seafarer who had taken the boy on out of maliciousness. He saw in Gray's desperate desire but an eccentric whim and gloated in advance, imagining that in two months' time Gray would say, avoiding his eyes: "Captain Hop, I've skinned my elbows climbing the rigging; my back and sides ache, my fingers don't bend, my head is splitting and my legs are shaky- All these wet ropes weighing eighty pounds to balance in my hands; all these manropes, guy ropes, windlasses, cables, topmasts and cross-trees are killing my delicate body. I want to go home to my mamma." After listening mentally to this speech, Captain Hop would deliver, also mentally, the following speech: "You can go wherever you want to, ducky. If any tar's got stuck on your fine feathers you can wash it off at home -- with Rose-Mimosa Cologne." This cologne that Captain Hop had invented pleased him most of all and, concluding his imaginary rebuke, he repeated aloud: "Yes. Run along to Rose-Mimosa."

As time went by this impressive dialogue came to the captain's mind less and less frequently, since Gray was advancing towards his goal with clenched teeth and a pale face. He bore the strenuous toil with a determined effort of will, feeling that it was becoming ever easier as the stern ship broke into his body and ineptitude was replaced by habit. On occasion the loop of the anchor chain would knock him off his feet, slamming him against the deck, or a rope that was not wound around the bitts would be torn out of his hands, taking the skin off his palms, or the wind would slap the wet corner of a sail with an iron ring sewn into it against his face; in a word, all his work was torture which demanded the utmost attention, yet, no matter how hard he breathed as he slowly straightened his back, a scornful smile never left his face. In silence did he endure all the scoffing, taunts and inevitable cursing until he became "one of the boys" in his new surroundings, but from then on he always countered an insult with his fists.

Once, when Captain Hop saw him skilfully tying a sail toll a yard, he said to himself: "Victory is on your side, you scoundrel." When Gray climbed down to the deck Hop summoned him to his cabin and, opening a dog-eared book, said:

"Listen closely. Stop smoking! We'll start fitting the pup out to be

a captain."

And he began to read or, rather, to enunciate and shout the ancient words of the sea. This was Gray's first lesson. In the course of a year he got to know about navigation, shipbuilding, maritime law, sailing directions and bookkeeping. Captain Hop proffered him his hand and referred to the two of them as "we".

His mother's letter, full of tears and dread, caught up with Gray in Vancouver. He replied: "I know. But if you could only see as I do: look at things through my eyes. If you could only hear as I do: put a seashell to your ear--it carries the sound of an eternal wave; if you could only love as I do--everything, I would have found in your letter, besides love and a cheque, a smile." And he went on sailing until the Anselm arrived with a cargo for Dubelt from whence, while the ship was docked, the twentyyear-old Gray set off to visit the castle.

Everything was as it had always been; as inviolable in detail and in general impression as five years before, although the crowns of the young elms were larger; the pattern they made on the facade of the building had moved and expanded.

The servants who came running were overjoyed, startled and froze as respectfully as if they had but yesterday greeted this Gray. He was told where his mother was; he entered the high chamber and, drawing the door shut softly, stopped soundlessly, gazing at the woman, now turned grey, in the black dress. She was standing before a crucifix; her fervent whisper was as audible as the pounding of a heart. "And bless those at sea, the wayfarers, the sick, the suffering and the imprisoned," Gray heard the words as he breathed rapidly. There followed: "And my boy...." Then he said: "Here...." But he could say no more. His mother turned. She had become thinner; a new expression lit up the haughtiness of her chiseled face, like the return of youth. She hurried towards her son; a burst of throaty laughter, a restrained exclamation and tears of her eyes--this was all. But in that moment she lived -- more fully and happier than in the whole of her previous life.

"I recognized you instantly, my darling, my baby!"

And Gray indeed ceased being grown-up. He listened to her tale of his father's death and then told her about himself. She heeded him without reproach or protestation, but to herself--in everything he contended was the essence of his life,-- she saw but

toys her boy was playing with. These playthings were the continents, oceans and ships.

Gray spent seven days in the castle; on the eighth day, having taken along a large sum of money, he returned to Dubelt and said to Captain Hop:

“I thank you. You’ve been a good friend. Farewell now, my mentor.” He sealed the word with a handshake as fierce as an iron vice. “From now on I’ll be sailing alone, on a ship of my own.”

The blood rushed to Hop’s head, he spat, yanked his hand away and stalked off, but Gray overtook him and put his arm around his shoulders. And so they went to a tavern all together, twenty-four of them, counting the crew, and drank, and shouted, and sang, and ate, and downed everything there was in the bar and in the kitchen.

But a short while later the evening star flashed above the black line of a new mast in the Port of Dubelt. It was the Secret, a two-hundred-and-sixty-ton, three-masted galliot Gray had purchased. Arthur Gray sailed it for four more years as the owner and captain until chance brought him to Liss. However, he had remembered for always that short burst of throaty laughter that had greeted him at home, and so twice a year he visited the castle, leaving the silver-haired woman with an uncertain conviction that such a big boy might perhaps be able to handle his toys after all.

# III

# DAWN

The stream of foam cast off by the stern of Gray's Secret crossed the ocean as a white streak and faded in the glow of the evening lights of Liss. The ship dropped anchor near the lighthouse. For the next ten days the Secret unloaded tussore silk, coffee and tea; the crew spent the eleventh day ashore, relaxing in alcoholic fumes; on the twelfth day, for no good reason, Gray was blackly despondent and could not understand this despondency. He had barely come awake in the morning when he felt that this day had begun in a black shroud. He dressed glumly, ate breakfast half- heartedly, forgot to read the newspaper and smoked for a long while, plunged into an inexpressible mood of futile tension; among the vaguely emerging words unacknowledged desires roamed, destroying each other through equal effort. Then he got down to work.

Accompanied by the boatswain, Gray inspected the ship and ordered the guy ropes tightened, the tiller rope loosened, the hawse cleaned, the tack changed, the deck tarred, the compass wiped and the hold opened, aired and swept. However, this did not dispel his dark mood. Filled with an uneasy awareness of the gloom of the day, he spent it irritably and sadly: It was as if someone had called to him, but he had forgotten who it was and whence.

Towards evening he settled back in his cabin, picked up a book and argued with the author at length, making marginal notes of a paradoxical nature. For a while he was amused by this game, this conversation with a dead man holding sway from the grave. Then, lighting his pipe, he became immersed in the blue smoke, living among the spectral arabesque that appeared in its shifting planes.

Tobacco is very potent; as oil poured onto the surging rent between the waves allays their frenzy, so does tobacco soothe irritation and dull the emotions by several degrees; they become calmer and more musical. Therefore, after three pipes, Gray's depression finally lost its aggressive nature and was transformed into thoughtful distraction. This state lasted for about another hour; when the fog lifted from his soul, Gray came to with a start, hungered for exercise and went up on deck. It was night; alongside, in the slumbering black water, there dozed the stars and the lights of the mast lanterns. The air, as warm as a cheek, brought in the smell of the sea. Gray raised his head and squinted at the gold coal of a star; instantly, through the dizzying distance, the fiery needle of a remote planet penetrated his pupils. The muted noise of the town at evening reached his ears from the depths of the bay; sometimes a phrase from the shore was wafted in across the sensitive surface of the water; it would sound clearly, as if spoken on deck and then be snuffed out by the creaking of the rigging; a match flared on the forecastle deck, lighting up a hand, a pair of round eyes and a moustache. Gray whistled; the lighted pipe moved and floated towards him; soon, in the dark, the captain made out the hands and face of the man on watch.

"Tell Letika he's coming with me," Gray said. "Tell him to take along the fishing tackle."

He went down into the rowboat where he waited for Letika for about ten minutes; a nimble, shifty- eyed youth banged the oars against the side as he handed them down to Gray; then he climbed down himself, fitted them into the oarlocks and stuck a bag of provisions into the stern of the rowboat. Gray sat at the tiller.

"Where to, Captain?" Letika asked, rowing in a circle with the right oar alone.

The captain was silent. The sailor knew that one could not intrude upon this silence and, therefore, falling silent as well, he began rowing swiftly.

Gray set their course out to sea and then steered them along the left bank. He did not care where they were going. The tiller gurgled; the oars creaked and splashed; all else was sea and silence.

In the course of a day a person heeds to so many thoughts,

impressions, speeches and words that together they would fill many a heavy tome. The face of a day takes on a definite expression, but today Gray searched this face in vain. Its obscure features glowed with one of those emotions of which there are many, but which have not been given a name. No matter what they are called, they will forever remain beyond the scope of words and even concepts, so like the effect of an aroma. Gray was now at the mercy of just such an emotion; true, he might have said: "I am waiting. I see. I shall soon know,"--but even these words were equal to no more than are the separate drawings in relation to an architectural conception. Yet, there was the power of radiant excitement in these ideas.

The bank appeared to the left like a wavy thickening of darkness. Sparks from the chimneys danced above the red glass of the windows; this was Kaperna. Gray could hear shouting, wrangling and barking. The lights of the village resembled a firebox door that has burned through in tiny spots to let you see the flaming coal inside. To the right was the ocean, as real as the presence of a sleeping person. Having passed Kaperna, Gray steered towards the shore. The water lapped against it softly here; lighting his lantern, he saw the pits in the bluff and its upper, overhanging ledges; he liked the spot.

"We'll fish here," Gray said, tapping the oarsman on the shoulder.

The sailor harumphed vaguely.

"This is the first time I've ever sailed with such a captain," he muttered. "He's a sensible captain, but no ordinary kind. A difficult captain. But I like him all the same."

He stuck the oar into the silt and tied the boat to it and they both scrambled up the stones that rolled out from under their knees and elbows. There was a thicket at the top of the bluff. The sound of an axe splitting a dry trunk followed; having felled the tree, Letika made a campfire on the bluff. Shadows moved, and the flames that were reflected in the water; in the receding gloom the grass and branches stood out; the air, mingled with smoke, shimmered and glowed above the fire.

Gray sat by the campfire.

"Here," he said, proffering a bottle, "drink to all teetotallers, my friend Letika. And, by the way, the vodka you brought along is

flavoured with ginger, not quinine."

"I'm sorry, Captain," the sailor replied, catching his breath. "If you don't mind, I'll eat it down with this...." At which he bit off half a roast chicken and, extracting a wing from his mouth, continued: "I know you like quinine. But it was dark, and I was in a hurry. Ginger, you see, embitters a man. I always drink ginger vodka when I have to go."

As the captain ate and drank, the sailor kept stealing glances at him and, finally, unable to contain himself any longer, he said.

"Is it true, Captain, what they say? That you come from a noble family?"

"That's of no importance, Letika. Take your tackle and fish a while if you want to."

"What about you?"

"Me? I don't know. Maybe. But ... later."

Letika unwound his line, chanting in rhyme, something he was a past master at, to the delight of the crew.

"From a string and piece of wood I made a very fine, long whip. Then I found a hook to fit it, and I whistled sharp and quick." He poked about in a tin of worms. "This old worm lived in a burrow and was happy as could be, but I've got him hooked real good now, and the perch will all thank me." Finally, he walked off, singing: "Moonlight shines, the vodka's perfect, fishes, harken, I draw near. Herrings, faint, and sturgeon skitter, Letika is fishing here!"

Gray lay down by the fire, gazing at the water and the reflection of the flames. He was thinking, but effortlessly; in this condition one's mind, while observing one's surroundings absently, comprehends them but dimly; it rushes on like a stallion in a jostling herd, crushing and shoving aside, and halting; emptiness, confusion and delay attend it in turn. It wanders within the souls of things; from bright agitation it hurries to secret intimations; passing from earth to sky, conversing on the subject of life with imaginary personages, snuffing out and embellishing one's memories. In this cloudy movement all is live and palpable, and all is as loosely hung together as a hallucination. And one's relaxing consciousness often smiles, seeing, for instance, one's

thoughts on life suddenly accosted by a most inopportune visitor: Perhaps a twig broken two years before. Thus was Gray thinking by the fire, but he was “somewhere else”--not there.

The elbow he was leaning on, while supporting his head on his hand, became damp and numb. The stars shone faintly; the gloom was intensified by a tenseness preceding dawn. The captain was dozing off, but did not realize it. He felt like having a drink, and he put his hand out towards the sack, untying it in his sleep. Then he stopped dreaming; the next two hours were to him no longer than the seconds during which he had laid his head upon his arms. Meanwhile, Letika had appeared by the campfire twice, he had smoked and, out of curiosity, had looked into the mouths of the fish he had caught, wondering what might be there. But, quite naturally, nothing was.

Upon awakening, Gray forgot for a moment how he happened to be where he was. He gazed in astonishment at the cheerful shine of the morning, the bluff adorned by bright branches and the blazing blue distance. The leaves of a hazel bush hung over the horizon and also over his feet. At the bottom of the bluff--Gray felt it was right at his back--the tide lapped softly. Falling from a leaf, a dewdrop spread over his sleepy face in a cold splatter. He rose. Light had triumphed everywhere. The cooling brands of the campfire clutched at life with a tendril of smoke. Its aroma imparted a wild headiness to the pleasure of breathing the air of the green woods.

Letika was nowhere in sight; he was oblivious to all; he sweated as he fished with the zeal of a true gambler. Gray left the woods for the bush-dotted slope. The grass smoked and flamed; the moist flowers resembled children who had been forcibly scrubbed with cold water. The green world breathed with myriad tiny mouths, blocking Gray’s way through its exultant cluster. The captain finally got to a clearing overgrown with grass and flowers, and here he saw a sleeping girl.

He cautiously moved aside a branch and stopped, feeling that he had made a dangerous discovery. But five steps away lay a tired Assol, curled up with one leg tucked under her and the other stretched out, and her head resting on her comfortably crossed arms. Her hair was mussed; a button had come undone at her collar, revealing a white hollow; her tumbled skirt had bared her knees; her lashes slept upon her cheek in the shadow of her delicately curved temple, half-covered by a dark lock; the pinky of

her right hand, which was under her head, curled over the back of her head. Gray squatted and looked into the girl's face from below, never suspecting that he resembled the Faun in Arnold Bocklin's painting.

Perhaps, under other circumstances, he would have noticed the girl with his eyes alone, but now he saw her differently. Everything stirred, everything smiled within him. Naturally, he did not know her or her name, or, moreover, why she had fallen asleep on the shore; but he was very pleased by this. He liked pictures that were accompanied neither by an explanatory text nor by a caption. The impression such a picture makes is far more powerful; its content, unencumbered by words, becomes boundless, affirming all conjectures and thoughts. The shadow cast by the leaves was approaching the trunks, but Gray still squatted there in that uncomfortable position. Everything about the girl was asleep: her dark hair slept, her dress slept, as did the pleats of her skirt; even the grass near her body, it seemed, was dozing out of sympathy. When the impression became complete, Gray entered its warm, engulfing waves and sailed off on it. Letika had been shouting for some time: "Captain! Where are you?" But the captain heard him not.

When he finally rose, a predilection for the unusual caught him unawares with the determination and inspiration of an angered woman. Giving way to it pensively, he removed the treasured old ring from his finger, thinking, and not without reason, that perhaps, in this way, he was suggesting something essential to life, similar to orthography. He slipped the ring gently onto the pinky that showed white under the back of her head. The pinky twitched in annoyance and curled up. Glancing once again at this resting face, Gray turned to see the sailor's sharply-raised brows. Letika was gaping as he watched the captain's movements with the kind of astonishment Jonah must have felt as he gazed down the maw of his furnished whale.

"Ah, it's you, Letika! Look at her. Isn't she beautiful?"

"A wondrous painting!" The sailor shouted in a whisper, for he liked bookish expressions. "There's something prepossessing in the presentation of the circumstances. I caught four morays and another one, as round as a bladder."

"Shh, Letika. Let's get out of here." They retreated into the bushes.

They should have turned back to the rowboat now, but Gray procrastinat, looking off into the distance at the low bank, where the morning smoke from the chimneys of Kaperna streamed over the greenery and the sand. In the smoke he once again saw the girl Then he turned determinedly and went down the slope; the sailor did not question him about what had happened, but walked on behind; he sensed that once again a compulsory silence ensued.

When they reached the first houses Gray suddenly said, “Can your practised eye tell us where the tavern is, Letika?”

“It must be that black roof,” Letika mused, “But then, again, maybe it isn’t.”

“What’s so special about that roof?”

“I really don’t know, Captain. Nothing more than the voice of my heart.” They approached the house; it was indeed Menners’ tavern. Through the open window they could see a bottle on the table; beside it someone’s dirty hand was milking a steel-grey moustache.

Although it was still early in the day there were three men in the common room. The coalman, the owner of the drunken grey moustache already noted, was sitting by the window; two fishermen were lodged around some scrambled eggs and beer at a table set between the bar and an inner door. Menners, a tall young man with a dull, freckled face and that peculiar expression of bold cunning in his near-sighted eyes that is a distinctive feature of tradesmen in general, was wiping plates behind the counter. The window frame was imprinted in the sunshine on the dirty floor.

No sooner had Gray stepped into the strip of smoky light than Menners, bowing respectfully, came out from behind his enclosure. He had immediately sensed a real captain in Gray--a type of client rarely to be seen there.

Gray ordered rum. Covering the table with a cloth become yellowed in the bustle of daily life, Menners brought over a bottle, but first licked the corner of the label that had come unstuck. Then he went back behind the counter to look intently now at Gray, now at the plate from which he was picking off a dry particle of food.

While Letika, having raised his glass between his hands, was

whispering to it softly and glancing out the window, Gray summoned Hin Menners. Hin perched on the edge of a chair with a self-satisfied air, flattered at having been addressed, and especially flattered because this had been done by a simple crook of Gray's finger.

"I assume you know all the local inhabitants," Gray said in an even voice. "I would like to know the name of a girl in a kerchief, in a dress with pink flowers, auburn-haired, of medium height, between seventeen and twenty years of age. I came upon her not far from here. What is her name?"

He spoke with a firm simplicity of strength that made it impossible to evade his tone. Hin Menners squirmed inwardly and even smirked slightly, but outwardly he obeyed the nature of the address. However, he hesitated before replying--but only from a futile desire to guess what was up

"Hm!" He said, raising his eyes to the ceiling. "It must be Sailing-ship Assol. She's a halfwit."

"Indeed?" Gray said indifferently, taking a big sip. "Why is she like that?"

"If you really want to know, I'll tell you."

And Hin told Gray of the time, seven years before, when, on the seashore, the girl had spoken to a man who collected folk songs. Naturally, this story, in the years since the beggar had first affirmed its existence in the tavern, had taken the shape of a crude and ugly rumour, but the essence remained unchanged. "And that's what she's been called ever since,"

Menners said. "She's called Sailing-ship Assol."

Gray glanced automatically at Letika, who was still behaving quietly and modestly, then his eyes turned to the dusty road outside the tavern, and he felt as if he had been struck--a double blow to his heart and head. Coming down the road towards him was the very same Sailing-ship Assol whom Menners had just described from a clinical point of view. Her striking features, which resembled the mystery of unforgettable, stirring, yet simple words, appeared to him now in the light of her gaze. The sailor and Menners both had their backs to the window and, in order that they not turn accidentally, Gray found the courage to shift his gaze to Hin's ginger eyes. After he had seen Assol's eyes,

all the prejudice of Menners' story was dispelled. Meanwhile, Hin continued unsuspectingly:

"I can also add that her father is a real bastard. He drowned my pater like he was a cat or something, God forgive me. He...."

He was interrupted by an unexpected, wild howl coming from behind. The coalman, rolling his eyes fiercely and having cast off his drunken stupor, suddenly began bawling a song, but with such force that it made everyone jump:

Basket-maker, basket-maker,

Skin us for your baskets!

"You're roaring drunk again, you damn whaleboat!" Menners shouted. "Get out!"

But take care that you don't fall Right into our caskets!

The coalman bawled and then, as if nothing were amiss, he dunked his moustache into a slopping glass.

Hin Menners shrugged indignantly.

"He's the scum of the earth," he said with the sinister dignity of the miser. "It happens every time!"

"Is there anything else you can tell me?"Gray asked.

"Me? I just told you her father's a bastard. On account of him, sir, I was orphaned, and while still a boy was forced to earn my bread by the sweat-of my brow."

"You're lying!" The coalman said unexpectedly. "You're lying so foully and unnaturally that it's sobered me up."

Before Hin had a chance to open his mouth, the coalman addressed Gray:

"He's lying. His father was a liar, too; as was his mother. It runs in the family. Rest assured, she's as sane as you and me. I've spoken to her. She rode in my cart eighty-four times or a bit less. If a girl's walking home from town and I've sold all my coal, I'll always give her a lift. She might as well ride. I'm saying that she has a sane head on her shoulders. You can see that now. Naturally, she'd never talk to you, Hin Menners. But me, sir, in my free coal trade, I

despise gossip and rumours. She talks like a grown-up, but her way of talking is strange. If you listen closely--it seems like just the same as you and me would say, and it is, but yet, it isn't. For instance, we got to talking about her trade. 'I'll tell you something,' she said, and her holding onto my shoulder like a fly to a bell-tower, 'my work isn't dull, but I keep wanting to think up something special. I want to find a way to make a boat that'll sail by itself, with oarsmen that'll really row; then, they'll dock at the shore, tie up and sit down on the beach to have a bite, just exactly as if they were alive.' I started laughing, see, 'cause I found it funny. So I said, Well, Assol, it's all because of the kind of work you do, that's why you think like this, but look around; the way other people work, you'd think they were fighting.' 'No,' she says, 'I know what I know. When a fisherman's fishing he keeps thinking he'll catch a big fish, bigger than anyone ever caught.' 'What about me?' 'You?' She laughed. 'I'll bet that when you fill your basket with coal you think it'll burst into bloom.' That's the words she used! That very moment, I confess, I don't know what made me do it, I looked into the empty basket, and I really thought I was seeing buds coming out of the basket twigs; the buds burst and leaves splashed all over the basket and were gone. I even sobered UP a bit! But Hin Menners will lie in his teeth and never bat an eye--I know him!"

Finding the conversation to have taken an obviously insulting turn, Menners looked at the coalman scathingly and disappeared behind the counter, from where he asked bitterly:

"Do you want to order anything else?"

"No," said Gray, pulling out his purse. "We're getting up and leaving. Letika, you stay here. Come back this evening and don't say a word. Having discovered all you can, report to me. Understand?"

"My dear Captain," Letika said with a familiarity brought on by the rum, "only a deaf-mute would not have understood this."

"Fine. And don't forget that not in a single instance of the many that may occur can you speak of me, or even mention my name. Goodbye!"

Gray left. From then on he was possessed by a consciousness of astonishing discoveries, like a spark in Berthold's powder mortar,--one of those spiritual avalanches from under which fire

escapes, blazing. He was possessed by a desire for immediate action. He came to his senses and was able to think clearly only when he got into the rowboat. Laughing, he held out his hand, palm up, to the scorching sun, as he had done once as a boy in the wine cellar; then he shoved off and began rowing swiftly towards the harbour.

# IV

# ON THE EVE

On the eve of that day and seven years after Egle, the collector of folk songs, had told the little girl on the beach a fairy-tale about a ship with crimson sails, Assol returned home from her weekly visit to the toy shop feeling distressed and looking sad. She had brought back the toys that she had taken to be sold. She was so upset she could not speak at first, but after looking at Longren's anxious face and seeing that he expected news that was much worse than what had actually happened, she began to speak, running her finger over the windowpane by which she stood, gazing out at the sea absently. The owner of the toy shop had begun this time by opening his ledger and showing her how much they owed him. She felt faint at the sight of the impressive, three-digit figure.

"This is how much you've received since December," the shopkeeper said, "And now we'll see how much has been sold." And he set his finger against another figure, but this one was a two-digit one. "It's a pity and a shame to look."

"I could see by looking at his face that he was rude and angry. I'd have gladly run away, but, honestly, I was so ashamed I had no strength to. And he went on to say: 'There's no profit in it for me any more, my dear girl. Imported goods are in demand now. All the shops are full of them, and nobody buys these kind.' That's what he said. He went on talking, but I've mixed up and forgotten what he said. He probably felt sorry for me, because he suggested I try the Children's Bazaar and Alladin's Lamp."

Having unburdened herself of that which was most important, the girl turned her head and looked at the old man timidly. Longren sat hunched over, his fingers locked between his knees

on which his elbows rested. Sensing her eyes on him, he raised his head and sighed.

Overcoming her depression, she ran up to him, settled down beside him and, slipping her small hand under the leather sleeve of his jacket, laughing and looking up into her father's face from below, she continued with feigned liveliness:

"Never mind, it's not important. You listen, now. Anyway, I left. Well, I came to the big, awfully frightening store; it was terribly crowded. People shoved me, but I made my way through and went over to a black-haired man in spectacles. I don't remember a word of what I said to him; finally, he snickered, poked about in my basket, looked at some of the toys, then wrapped them up in the kerchief again and handed them back."

Longren listened to her angrily. He seemed to be seeing his overawed daughter in the richly- dressed crowd at the counter piled high with fine goods. The neat man in the spectacles was explaining condescendingly that he would go bankrupt if he decided to offer Longren's simple toys for sale. He had casually and expertly set up folding houses and railroad bridges on the counter before her; tiny, perfectly-made automobiles, electric sets, airplanes and motors. All of this smelled of paint and school. According to him, children nowadays only played games that imitated the occupations of their elders. Then Assol had gone to Alladin's Lamp and to two other shops, but all in vain.

As she finished her tale she laid out their supper; having eaten and downed a mug of strong coffee, Longren said:

"Since we're out of luck, we'll have to start looking for something else. Perhaps I'll sign on a ship again-the Fitzroy or the Palermo. Of course, they're right," he continued thoughtfully, thinking of the toys. "Children don't play nowadays, they study. They keep on studying and studying, and will never begin to live. This is so, but it's a shame, it really is a shame. Will you be able to manage without me for one voyage? I can't imagine leaving you alone."

"I could sign up with you, too. Say, as a barmaid."

"No!" Longren sealed the word with a smack of his palm on the shuddering table. "You won't sign up as long as I'm alive. However, there's time to think of something."

He settled into a sullen silence. Assol sat down beside him on the

edge of the stool; out of the corner of his eye, without turning his head, he could see that she was doing her best to console him and nearly smiled. No, if he smiled it would frighten her off and embarrass her. Mumbling to herself, she smoothed his tumbled grey hair, kissed his moustache and, covering her father's bristly ears with her small, tapering fingers, said,

"There, now you can't hear me say that I love you."

Longren had sat still while she had been making him pretty, as tense as a person afraid to inhale smoke, but hearing what she said, he laughed uproariously.

"You dear," he said simply and, after patting her cheek, went down to the beach to have a look at his rowboat.

For a while Assol stood pensively in the middle of the room, hesitating between a desire to give herself up to wistful melancholy and the necessity of seeing to the chores; then, having washed the dishes, she took store of the remains of their provisions. She neither weighed nor measured, but saw that they would not have enough flour to last out the week, that the bottom of the sugar tin was now visible; the packets of coffee and tea were nearly empty and there was no butter; the only thing on which her eye rested ruefully, as it was the sole exception, was a sack of potatoes. Then she scrubbed the floor and sat down to stitch a ruffle on a skirt made over from something else, but recalling instantly that the scraps of material were tucked behind the mirror, she went over to it and took out the little bundle; then she glanced at her reflection. Beyond the walnut frame in the clear void of the reflected room was a small, slim girl dressed in cheap, white, pink-flowered muslin. A grey silk kerchief covered her shoulders. The still childish, lightly-tanned face was lively and expressive; her beautiful eyes, somewhat serious for her age, looked out with the timid intentness peculiar to sensitive souls. Her irregular face was endearing in its delicate purity of line; each curve, each elevation might have been found in many a woman's face, but taken all together the style was extremely original -- originally sweet; we shall stop here. The rest cannot be expressed in words, save for one word: "enchantment".

The reflected girl smiled as impulsively as Assol. The smile turned out rather sad; noticing this, she became disturbed, as if she were looking at a stranger.

She pressed her cheek against the glass, closed her eyes and stroked the mirror softly over her reflection. A swarm of hazy, tender thoughts flashed through her; she straightened up, laughed and sat down to sew. While she is sewing, let us have a closer look at her--a look into her. She was made of too girls, two Assols mixed up in happy, wonderful confusion. One was the daughter of a sailor, a craftsman, a toy-maker, the other was a living poem, with all the marvels of its harmonies and images, with a mysterious alignment of words, in the interaction of light and shadow, cast by one upon the other. She knew life within the limits of her own experience, but besides the generalities, she saw the reflected meaning of a different order. Thus, looking into objects, we observe them not with a linear perception, but through impression--which is definitely human and -- as is all that is human -- distinct. Something similar to that which (if we have succeeded) we have portrayed by this example, she saw above and beyond the visible. Without these modest victories all that was simply understandable was alien to her. She loved to read, but in each book she read mostly between the lines, as she lived. Unconsciously, through inspiration, she made countless ethereally-subtle discoveries at every step, inexpressible, but as important as cleanliness and warmth. Sometimes--and this continued for a number of days -- she even became transformed; the physical opposition of life fell away, like the stillness in the sweep of a bow across the strings; and all that she saw, that was vital to her, that surrounded her, became a lace of mystery in the image of the mundane. Many a time, apprehensive and afraid, did she go to the beach at night where, waiting for dawn to break, she looked off most intently, searching for the ship with the Crimson Sails. These minutes were pure joy to her; it is difficult for us to give ourselves up thus to a fairy-tale; it would be no less difficult for her to escape from its power and enchantment.

On some other occasion, thinking back over all this, she would sincerely wonder at herself, not being able to believe that she had believed, forgiving the sea with a smile and sadly coming back to reality; as she now gathered the ruffle she thought about her past life. There had been much that was dull and simple. The two of them being lonely together had at times weighed heavily on her, but there had formed within her by then that fold of inner shyness, that suffering wrinkle which prevents one from bringing or receiving cheer. Others mocked her, saying: “She’s touched in the head”, “Out of her mind” -- she had become accustomed to this pain, too. The girl had even suffered insults, after which her

breast would ache as from a blow. She was not a popular girl in Kaperna, although many suspected that there was more to her than to others--but in a different tongue. The men of Kaperna adored stout, heavylimbed women with oily skin on their large calves arid powerful arms; they courted them here by slapping them on the back and jostling them as they would in a crowded market place. The style of such emotion resembled the unsophisticated simplicity of a roar. Assol was as well suited to this determined milieu as the society of a ghost would be to extremely high-strung people, had it even possessed all the charm of Assunta or Aspasia; anything resembling love here was out of the question. Thus, meeting the steady blast of a soldier's bugle, the sweet sadness of a violin is powerless to bring the stern regiment out from under the influence of its straight planes.

The girl stood with her back to all that has been said in these lines. While she was humming a song of life, her small hands were working swiftly and adroitly; biting off a thread, she looked off, but this did not stop her from turning the hem evenly or stitching it with the accuracy of a sewing machine. Although Longren did not return, she was not worried about her father. Of late, he had often set out fishing in his boat at night or simply for some air. Fear did not gnaw at her: She knew that no ill would befall him. In this respect Assol was still the little girl that had prayed in her own way, lisping fondly, "Good morning, God!" In the morning and: "Goodbye, God!" In the evening.

In her opinion such a first-hand acquaintance with God was quite sufficient for Him to ward off any disaster. She imagined herself in His place: God was forever occupied with the affairs of millions of people and, therefore, she believed that one should regard the ordinary shadows of life with the polite patience of a guest who, discovering the house full of people, waits for the bustling host, finding food and shelter as best he can.

Having done with her sewing, Assol folded her work on the corner table, undressed and went to bed. The lamp had been turned off. She soon noticed that she was not sleepy; her mind was as clear as it was in the middle of the day, and even the darkness seemed artificial; her body, as her mind, felt carefree and dayish. Her heart beat as rapidly as a pocket watch; it seemed to be beating between the pillow and her ear.

Assol was annoyed; she twisted and turned, now flinging off the blanket, now rolling up in it, pulling it over her head. At last she

was able to bring on the familiar scene that helped her to fall asleep: She imagined herself tossing pebbles into clear water and watching the faint circles grow wider and wider. Sleep seemed to have been awaiting this handout; it came, whispered with Mary, who stood at the head of the bed and, obeying her smile, said "Shhh" to everything all around. Assol was asleep instantly. She dreamed her favourite dream: Of blossoming trees, a yearning, enchantment, songs and strange scenes, of which, upon awakening, she could recall only the glitter of the blue water rising from her feet to her heart with a chill of delight. After dreaming of all this, she remained in that improbable world for a while longer and then awakened fully and sat up.

She was not at all sleepy, quite as if she had not fallen asleep at all. A feeling of novelty, of joy and a desire for action welled up in her. She looked around with the eyes of one examining a new room. Dawn seeped in--not with the complete lucidity of illumination, but with that faint effort through which one can comprehend one's surroundings. The bottom of the window was black; the top had become light. Without, by the edge of the window frame, the morning star twinkled. Knowing that she would not fall asleep again, Assol dressed, went over to the window and, raising the hook, opened it. An attentive, clear silence reigned outside; it seemed to have only now descended. In the blue twilight the bushes shimmered; farther on the trees slept; the air was heavy and smelled of the earth. Leaning her hand on the top of the frame, the girl looked out and smiled. Suddenly, something akin to a distant call stirred her both from within and without, and she seemed to awaken once again from obvious reality to that which was clearer still and still more doubtless. From that moment on she was caught up by an exultant richness of consciousness. Thus, comprehending them, we listen to words spoken by others, but if one were to repeat that which was said, we would come to understand them once again with a different, a new meaning. She, too, now experienced this. Picking up an old but, when she wore it, ever fresh and new silk kerchief, she grasped it under her chin with one hand, locked the door and darted out onto the road barefoot. Although all was deserted and still, she imagined she resounded like an orchestra and could actually be heard. Everything pleased her, everything gladdened her eye. The warm dust tickled her bare feet; the air was clear and a joy to breathe. The rooftops and clouds were etched in black against the clearing twilight of the sky; the fences, briar roses, gardens, orchards and the faintly seen road all dozed. In

everything there was noticeable a different order than during the day-- the same, yet, in a conformity that had formerly evaded one. Everything slept with open eyes, furtively examining the passing girl. She quickened her step as she got farther away, in a hurry to leave the village behind. There were meadows beyond Kaperna; beyond the meadows hazel bushes, poplars and chestnut trees dotted the slopes of the hills along the shore. At the spot where the road ended and continued as an overgrown path, a silky little black dog with a white chest and eyes tensed to speak circled gently by Assol's feet. The dog, recognizing Assol, walked along beside her, squealing from time to time and wriggling its body coquettishly, silently agreeing with the girl about something as clear as "you" and "me". Assol, glancing into its communicative eyes, was convinced that the dog could have spoken if it had not had a secret reason for not doing so. Glimpsing its companion's smile, the dog crinkled its nose cheerfully, wagged its tail and trotted on ahead, but suddenly sat down indifferently, scratched its ear which had been bitten by its eternal enemy, and ran off. Assol entered the tall meadow grass that splashed dew upon her; holding her hand out, palm-down, above its spikelets, she walked on, smiling at the streaming touch. Peering into the very special faces of the flowers, the confusion of stems, she could make out allusions--poses, efforts, movements, features and expressions that were nearly human; she would not now have been surprised at a procession of field mice, a gophers' ball or the rough antics of a hedgehog, scaring a sleeping gnome with its huffing. Indeed, a grey ball of a hedgehog rolled across her path. "Humph-humph," it snorted angrily, like a cabbie at a pedestrian. Assol spoke with those whom she saw and understood. "Hello, poor thing," she said to a purple, worm-eaten iris. "You'd better stay home for a while,"--this was said to a bush stranded in the middle of the path and, therefore, lacking leaves torn off by the clothes of passers-by. A large beetle was clutching a bluebell, pulling the flower down and slipping, but scrabbling up it stubbornly. "Shake off the fat passenger," Assol advised it. True enough, the beetle lost its grip and flew off noisily. Thus, with pounding heart, trembling and flushed, she approached the slope of a hill and was concealed from the openness of the meadow in the thicket where she was surrounded by true friends who -- and she knew this--spoke in deep bass voices. These were the large old trees that grew amongst the honeysuckle and hazel bushes. Their drooping branches brushed the top leaves of the bushes. White flower cones rose among the solemn gravity of the large chestnut leaves, their aroma blended with the scent of the dew and the sap. The

path, criss-crossed by the slippery bulges of roots, now dipped, now clambered up the slope. Assol felt at home here; she greeted the trees as if they were people, that is, by pressing their broad leaves. She walked on, whispering to herself or aloud: “Here you are, here’s another you. How many of you there are, my friends! I’m in a hurry, boys, let me pass! I recognize you all, I remember you and respect you.” Her “boys” patted her grandly as best they could -- with their leaves -- and creaked with an air of kindredness in reply. Feet muddied, she made her way out to the bluff above the sea and stood at the very edge, breathing hard after her fast walk. A deep, unconquerable faith rejoiced and bubbled exultantly inside of her. Her gaze cast it beyond the horizon, from whence it returned in the faint surge of the incoming waves, proud in its clean flight. Meanwhile, the sea, stitched with a golden thread along the horizon, was still asleep; save at the foot of the bluff did the water rise and fall. The steel grey of the sleeping ocean at the shore became blue and then black farther off. Beyond the golden thread the sky, flaring up, glowed in a great fan of light; the white clouds were now touched with pink. Delicate, heavenly tints shimmered within them. A quivering snow-whiteness spread across the distant blackness; the foam sparkled and the blood-red splash, flaring up along the golden thread, sent crimson ripples across the ocean to Assol’s feet. She sat down and hugged her knees. She leaned towards the sea and gazed off at the horizon with eyes that had grown large and in which nothing grown-up remained at all--with the eyes of a child. Everything she had awaited so long and so fervently was taking place there, at the end of the world. In that land of distant abysses she imagined an undersea hill; streaming thongs of seaweed snaked upward from its slopes; amongst the round leaves pierced by a stem at the edge strange flowers shone. The upper leaves glistened on the surface of the ocean; he who knew not what Assol knew would see only a shimmering and glitter. A ship rose from the seaweed; it surfaced and stopped in the very middle of the sunrise. From this great distance it was as clearly visible as the clouds. Radiating joy, it flamed like wine, a rose, blood, lips, red velvet and scarlet fire. The ship was heading straight towards Assol. Two wings of spray were cast up by the powerful thrust of its keel; rising, the girl pressed her hands to her breast, but the magic play of light became ripples: The sun rose, and a bright fullness of morning tore the covers from everything that still languished and stretched on the sleepy earth. The girl sighed and looked around. The music had ended, but Assol was still under the spell of its ringing chorus. This

impression gradually weakened, then became a memory and, finally, simply weariness. She lay down in the grass, yawned and, closing her eyes blissfully, fell asleep -- a sleep as deep and sound as a young nut, without cares or dreams. She was awakened by a fly crawling along her bare sole. Assol wriggled her foot impatiently and awoke; sitting up, she pinned back her dishevelled hair and, therefore, Gray's ring made itself known, but believing it to be simply a blade of grass that had become caught between her fingers, she held them out. However, since the hindrance did not disappear, she raised her hand to her eyes impatiently and instantly jumped to her feet with the force of a shooting fountain. Gray's radiant ring sparkled on her finger as on someone else's, for at this moment she could not claim it to be her own, she did not feel the finger to belong to her. "Whose joke is this? Whose joke is this?" She cried. "Am I still sleeping? Maybe I found it and forgot about it?" She gripped her right hand, on which the ring was placed, with her left, looked around in wonder, searching out the sea and the green thickets with her gaze; but no one moved, no one was hiding in the bushes, and there was no sign in the vastly illumined blue sea. A flush consumed Assol, and the voices of her heart murmured the prophetic "yes". There was no explanation for what had happened, but she found it without words of thoughts in her strange feeling, and the ring now became dear to her. She trembled as she pulled it off her finger and held it in her cupped hand like water as she examined it--with her soul, her heart, the boundless joy and clear superstition of youth--then, tucking it into her bodice, Assol buried her face in her hands from under which a smile strained to burst forth and, lowering her head, she slowly followed the road back home. Thus -- by chance, as people say who can read and write, -- Gray and Assol found each other on a summer's morning so full of inevitability.

# V

# PREPARING FOR BATTLE

After Gray returned to the deck of the Secret he stood there motionlessly for some minutes, running his hand over his head from back to front, which indicated a state of utter confusion. Absent-mindedness -- a veiled movement of the emotions-- was reflected in the senseless smile of the sleep-walker on his face. His mate, Panten, was at that moment coming along the quarter-deck, carrying a dish of fried fish; sighting Gray, he noted the captain's strange state. "You're not hurt, are you, sir?" he inquired cautiously. "Where were you? What did you see? Actually, though, that's none of my business. An agent has offered us a profitable cargo with a bonus. But what's the matter with you, sir?" "Thank you," Gray said with a sigh, as if he had been untied. "That was just what I needed, the sound of your simple, intelligent voice. It's like a dash of cold water. Tell the crew we're weighing anchor today, Panten, and moving into the mouth of the Liliana, about ten miles from here. The river bed is dotted with shoals. Come for the chart. We won't need a pilot. That's all for now.... Oh, yes, I need that profitable cargo like I need last year's snow. You can tell the agent that's what I said. I'm going to town now, and I'll be there till evening." "But what happened?" "Nothing at all, Panten. I want you to bear in mind my desire to avoid all questions. When the time comes, I'll tell you what it's all about. Tell the crew that we'll put up for repairs and that the local drydock is occupied." "Yes, sir," Panten replied dazedly to Gray's retreating back. "Aye, aye, sir." Although the captain's orders were quite sensible, the mate was goggled-eyed and raced off to his own cabin, carrying the dish of fish and mumbling: "You're puzzled, Panten. Is he thinking of trying his hand at smuggling? Will we be flying the Jolly Roger now?" At this Panten became confused by the wildest guesses. While he nervously wolfed

down the fish, Gray went to his cabin, took out a sum of money and, crossing the bay, appeared in the shopping section of Liss. Now, however, he acted determinedly and calmly, knowing down to the last detail all that he would do on this wondrous journey. Each motion -- thought, movement--warmed him as with the refined joy of creative work. His plan was formed instantly and vividly. His understanding of life had undergone that last attack of the chisel after which marble is serene in its magnificent glowing. Gray visited three shops, placing especial stress on the accuracy of his choice, since he was quite sure of the exact shade and colour he wanted. In the first two shops he was shown silk of gaudy hues, intended to please an unsophisticated vanity; in the third he found samples of imaginative tints. The shopkeeper bustled about cheerfully, spreading out fabrics from his old stock, but Gray was as serious as an anatomist. He patiently unfolded parcels and bolts, laid them aside, moved them together, unrolled and brought up to the light so many crimson strips that the counter, piled high with them, seemed about to burst into flame. A scarlet wave fell upon the tip of Gray's boot; a pink reflection shone on his hands and face. As he rummaged among the slight resistance of the silk he noted the colours: cerise, pink and old rose; the richly simmering cherry, orange and gloomy iron reds; here there were shades of all density and strength, as different in their imaginary kinship as are the words: "Charming", "wonderful", "magnificent", "exquisite"; in the folds there lurked allusions inaccessible to the language of the eyesight, but a true crimson tone evaded our captain for quite some time. The fabrics the shopkeeper brought out were good, but they did not evoke a clear, firm "yes". At last, one colour attracted the disarmed attention of the buyer; he sat down in an armchair by the window, pulled a long strip from the rustling bolt, dropped it on his knees and, sitting back with his pipe clenched between his teeth, became contemplatively still. This colour, as absolutely pure as a crimson ray of morning, full of noble joy and regality, was just exactly the proud colour Gray was searching for. It did not contain the mixed shades of fire, poppy petals, the play of lilac or purple tints; nor was there any blueness or shadow -- nothing to raise any doubt. It glowed like a smile with the charm of spiritual reflection. Gray became so lost in thought that he forgot about the shopkeeper who stood at his elbow with the alertness of a hunting dog pointing. Tiring of waiting, the merchant called attention to himself by the crack of a piece of cloth being ripped. "That's enough samples," Gray said, rising. "I'm taking this silk." "The whole bolt?" The merchant asked, politely doubting. But

Gray stared at his forehead in silence, which prodded the shopkeeper to assume an undue familiarity. “How many metres, then?” Gray nodded, as if telling the man to wait, and, with a pencil, figured the amount he needed on a slip of paper. “Two thousand metres.” He inspected the shelves dubiously. “Not more than two thousand metres.” “Two?” Said the shopkeeper, jumping like a jack-in-the-box. “Thousand? Metres? Please sit down, Captain. Would you like to see our latest samples, Captain? As you wish. May I offer you a match, and some excellent tobacco? Two thousand ... Two thousand at....” He named a price which had as much to do with the real price as a vow does with a simple “yes”, but Gray was satisfied, because he did not wish to bargain over anything. “A magnificent, excellent silk,” the shopkeeper was saying, “unexcelled in quality. You won’t find this anyplace else but here.” When the man had finally run out of laudation, Gray arranged to have the silk delivered, paid his bill, including this service, and left. He was seen to the door by the shopkeeper with as much pomp as if he were a Chinese emperor. Meanwhile, somewhere nearby, a street musician, having tuned his cello, drew his bow gently across it, making it speak out sadly and wonderfully; his comrade, the flutist, showered the singing of the strings with a trilling of throaty whistling; the simple song with which they filled the sun-sleepy yard reached Gray’s ears, and he knew instantly what he had to do. Actually, all these days he had existed at that propitious height of spiritual vision from which he could clearly note every hint and prompt offered by reality. Upon hearing the sounds, drowned out by passing carriages, he entered into the very heart of the most important impressions and thoughts brought forth, in keeping with his nature, by this music, and could foresee why and how that which he had thought of would turn out well. Passing the lane, Gray entered the gate of the house from where the music was coming. By this time the musicians were getting ready to move on; the tall flutist, with an air of dignity brought low, waved his hat gratefully at those windows from which coins were tossed. The cello was locked under its owner’s arm again; he was mopping his wet brow and waiting for the flutist. “Why, it’s you, Zimmer!” Gray said to him, recognizing the violinist who entertained the seamen in the evenings with his magnificent playing at the Money on the Barrel Inn. “Why have you forsaken your violin?” “Dear Captain,” Zimmer objected smugly, “I play anything that makes sounds and rattles. In my youth I was a musical clown. I have now developed a passion for art, and I realize with a heavy heart that I’ve squandered away a real talent. That is why, from a feeling of late-

come greed, I love two at once: the cello and the violin. I play the cello in the daytime and the violin in the evening, so that I seem to be weeping, to be sobbing over a lost talent. Will you offer me some wine? Hm? The cello is my Carmen, but the violin....” “Is Assol,” Gray said. Zimmer misunderstood. “Yes,” he nodded, “a solo played on cymbals or brass pipes is something else again. However, what do I care? Let the clowns of art grimace and twitch -- I know that fairies dwell within the violin and the cello.” “And what dwells in my tur-i-loo?” The flutist asked as he walked up. He was a tall fellow with a sheep’s blue eyes and a curly blond beard. “Tell me that now.” “It all depends on how much you’ve had to drink since morning. Sometimes it’s a bird, and sometimes it’s liquor fumes. Captain, may I present my partner Duss? I told him about the way you throw your money around when you’re drinking, and he’s fallen in love with you, sight unseen.” “Yes,” Duss said, “I love a grand gesture and generosity. But I’m a sly fellow, so don’t trust my vile flattery.” “Well, now,” Gray said and smiled, “I’m pressed for time, and the matter is urgent. I can offer you a chance to earn some good money. Put together an orchestra, but not one that’s made up of fops with funeral parlour faces who’ve forgotten in theirmusical pedantry or,--worse still--in their gastronomical soundings, all about the soul of music and are slowly spreading a pall over the stage with their intricate noises,-- no. Get together your friends who can make the simple hearts of cooks and butlers weep, get together your wandering tribe. The sea and love do not stand for pedants. I’d love to have a drink with you and polish off more than one bottle, but I must go. I’ve got a lot to attend to. Take this and drink to the letter A. If you accept my proposition, come to the Secret this evening. It’s moored near the first dam.” “Right!”

Zimmer cried, knowing that Gray paid like a king. “Bow, Duss, say ‘yes’ and twirl your hat from joy! Captain Gray has decided to get married!” “Yes,” Gray replied simply. “I’ll tell you the details on board the Secret. As for you....” “Here’s to A!” Duss nudged Zimmer and winked at Gray. “But... There are so many letters in the alphabet! Won’t you give us something for Z, too?” Gray gave them some more money. The musicians departed. He then went to a commission agent and placed a secret order for a rush job, to be completed in six day’s time, and costing an impressive amount. As Gray returned to his ship the agent was boarding a steamboat. Towards evening the silk was delivered; Letika had not yet returned, nor had the musicians arrived; Gray went off to talk to Panten. It should be noted that in the course of several years Gray

had been sailing with the same crew. At first, the captain had puzzled the sailors by the eccentric nature of his voyages and stops--which sometimes lasted for months--in the most trade-lacking, unpopulated places, but in time they were inspired by Gray's "grayism". Often he would sail with ballast alone, having refused to take on a profitable cargo for the sole reason that he did not like the freight offered. No one could ever talk him into taking on a load of soap, nails, machine parts or some such that would lie silently in the hold, evoking lifeless images of dull necessity. But he was always ready to take on fruit, china, animals, spices, tea, tobacco, coffee, silk and rare varieties of wood: ebony, sandalwood and teak. All this was in keeping with the aristocratism . of his imagination, creating a picturesque atmosphere; small wonder then that the crew of the Secret, having been nurtured thus in the spirit of originality, should look down somewhat upon all other ships, engulfed as they were in the smoke of plain, ordinary profit. Still and all, this time Gray noted their questioning looks: even the dumbest sailor knew that there was no need to put up for repairs in a forest river. Panten had naturally passed Gray's orders on to them. When Gray entered his mate was finishing his sixth cigar and pacing up and down the cabin, dizzy from so much smoke and stumbling over chairs. Evening was approaching; a golden shaft of light protruded through the open porthole, and in it the polished visor of the captain's cap flashed. "Everything's shipshape," Panten said sullenly. "We can weigh anchor now if you wish." "You should know me by now," Gray said kindly. "There's no mystery about what I'm doing. As soon as we drop anchor in the Liliana I'll tell you all about it, and you won't have to waste so many matches on cheap cigars. Go on and weigh anchor." Panten smiled uncomfortably and scratched an eyebrow. "Yes, I know. Not that I... All right." After he was gone Gray sat very still for a while, looking out of the door that was slightly ajar, and then went to his own cabin. There he first sat, then lay down and then, listening to the clatter of the windlass pulling up the loud chain, was about to go up to the forecastle deck but fell to pondering and returned to the table where his finger drew a quick, straight line across the oilcloth. A fist struck against the door brought him out of his maniacal trance; he turned the key, letting in Letika. The sailor, panting loudly, stood there looking like a messenger who has averted an execution at the very last moment. "Let's go, Letika, I said to myself from where I stood on the pier," he said, speaking rapidly, "when I saw the boys here dancing around the windlass and spitting on their hands. I have an eagle-eye. And I flew. I was breathing down the

boatman's back so hard he broke out in a nervous sweat. Did you want to leave me behind, Captain?" "Letika," Gray said, peering at his bloodshot eyes, "I expected you back no later than this morning. Did you pour cold water on the back of your head?" "Yes. Not as much as went down the hatch, but I did. I've done everything." "Let's have it." "There's no sense talking, Captain. It's all written down here. Read it. I did my best. I'm leaving." "Where to?" "I can see by the look on your face that I didn't pour enough cold water on my head." He turned and exited with the strange movements of a blind man. Gray unfolded the slip of paper; the pencil must have been surprised as it produced the scrawl that resembled a crooked fence. This is what Letika had written: "Following orders. I went down the street after 5 p.m. A house with a grey roof and two windows on either side; it has a vegetable garden. The person in question came out twice: once for water and once for kindling for the stove. After dark was able to look into the window, but saw nothing on account of the curtain." There followed several notations of a domestic nature which Letika had apparently gleaned in conversation over a bottle, since the memorandum ended rather abruptly with the words: "Had to add a bit of my own to square the bill." However, the gist of the report stated but that which we know of from the first chapter. Gray put the paper in his desk, whistled for the watch and sent the man for Panten, but the boatswain Atwood showed up instead, hastily pulling down his rolledup sleeves. "We've tied up at the dam. Panten sent me down to see what the orders are. He's busy fighting off some men with horns, drums and other violins. Did you tell them to come aboard? Panten asked you to come up. He says his head's spinning." "Yes, Atwood. I invited the musicians aboard. Tell them to go to the crew's quarters meanwhile. We'll see to them later. Tell them and the crew I'll be up on deck in fifteen minutes, I want everyone in attendance. I presume you and Panten will also listen to what I have to say." Atwood cocked his left brow. He stood by the door for a few moments and then sidled out. Gray spent the next ten minutes with his face buried in his hands; he was not preparing himself for anything, nor was he calculating. He simply wished to be silent for a while. In the meantime, everyone awaited him anxiously and with a curiosity full of surmise. He emerged and saw in their faces an expectation of improbable things, but since he considered that which was taking place to be quite natural, the tenseness of these other people's souls was reflected in his own as a slight annoyance. "It's nothing out of the ordinary," said Gray, sitting down on the bridge ladder. "We'll lie to in the river till we

change the rigging. You've all seen the red silk that's been delivered. The sail maker Blent will be in charge of making new sails from it for the Secret. We'll then set sail, but I can't say where to. At any rate, it won't be far from here. I am going for my wife. She's not my wife yet, but she will be. I must have red sails on my ship so that, according to the agreement, she can spot us from afar. That is all. As you see, there's nothing mysterious in all this. And we'll say no more about it." "Indeed," said Atwood, sensing from the crew's smiling faces that they were pleasantly surprised but did not venture to speak. "So that's it, Captain.... It's not for us to judge. We can only obey. Everything'll be as you wish. May I offer my congratulations." "Thank you!" Gray gripped the boatswain's hand, but the latter through superhuman effort, returned the handshake so firmly the captain yielded. Then the crew came up, mumbling words of congratulations with one man's warm smile replacing another's. No one shouted, no one cheered -- for the men had sensed something very special in the captain's short speech. Panten heaved a sigh of relief and brightened visibly -- the weight that had lay on his heart melted away. The ship's carpenter was the only one who seemed displeased. He shook Gray's hand listlessly and said morosely: "How'd you ever think of it, Captain?" "It was like a blow of your axe. Zimmer! Let's see your boys." The violinist, slapping the musicians on the back, pushed seven sloppily dressed men out of the crowd. "Here," Zimmer said. "This is the trombone. He doesn't play, he blasts. These two beardless boys are trumpeters; when they start playing, everybody feels like going off to war. Then there's the clarinet, the cornet and the second fiddle. All of them are past masters at accompanying the lively prima, meaning me. And here's the headmaster of our merry band -- Fritz, the drummer. You know, drummers usually look disappointed, but this one plays with dignity and fervour. There's something openhearted and as straight as his drumsticks about his playing. Will there be anything else, Captain Gray?"

"Magnificent. A place has been set aside for you in the hold, which this time, apparently, will be filled with all sorts of scherzos, adagios and fortissimos. To your places, men. Cast off and head out, Panten! I'll relieve you in two hours." He did not notice the passing of these two hours, as they slipped by to the accompaniment of the same inner music that never abandoned his consciousness, as the pulse does not abandon the arteries. He had but one thought, one wish, one goal. Being a man of action, in his mind's eye he anticipated the events, regretting only that they

could not be manipulated as quickly and easily as chequers on a board. Nothing about his calm exterior bespoke the inner tension whose booming, like the clanging of a great bell overhead, reverberated through his body as a deafening, nervous moan. It finally caused him to begin counting to himself: "One... two... thirty..."--and so on, until he said: "One thousand." This mental exercise had its effect; he was finally able to take a detached view of the project. He was somewhat surprised at not being able to imagine what Assol was like as a person, for he had never even spoken to her. He had once read that one could, though incompletely, understand a person if, imaging one's self to be that person, one imitated the expression of his face. Gray's eyes had already begun to assume a strange expression that was alien to them, and his lips under his moustache were curling up into a faint, timid smile, when he suddenly came to his senses, burst out laughing and went up to relieve Panten. It was dark. Panten had raised the collar of his jacket and was pacing back and forth by the compass, saying to the helmsman: "Port, one quarter point. Port. Stop. A quarter point more." The Secret was sailing free at half tack. "You know," Panten said to Gray, "I'm pleased." "What by?" "The same thing you are. Now I know. It came to me right here on the bridge." He winked slyly as the fire of his pipe lighted his smile. "You don't say?" Gray replied, suddenly understanding what he was getting at. "And what do you know?"

"It's the best way to smuggle it in. Anybody can have whatever kind of sails he wants to. You're a genius, Gray!" "Poor old Panten!" The captain said, not knowing whether to be angry or to laugh. "Your guess is a clever one, but it lacks any basis in fact. Go to bed. You have my word for it that you're wrong. I'm doing exactly as I said." He sent him down to sleep, checked their course and sat down. We shall leave him now, for he needs to be by himself.

# VI

# ASSOL REMAINS ALONE

Longren spent the night at sea; he neither slept nor fished, but sailed along without any definite course, listening to the lapping of the water, gazing into the blackness, holding his face up to the wind and thinking. At the most difficult times of his life nothing so restored his soul as these lonely wanderings. Stillness, stillness and solitude were what he needed in order to make the faintest, most obscure voices of his inner world sound clearly. This night his thoughts were of the future, of poverty and of Assol. It was unbearably difficult for him to leave her, if only for a short while; besides, he was afraid of resurrecting the abated pain. Perhaps, after signing up on a ship, he would again imagine that waiting for him in Kaperna was his beloved who had never died--and, returning, he would approach the house with the grief of lifeless expectation. Mary would never again come through the door. But he wanted to provide for Assol and, therefore, decided to do what his concern for her demanded he do. When Longren returned the girl was not yet at home. Her early walks did not worry her father; this time, however, there was a trace of anxiety in his expectation. Pacing up and down, he turned to suddenly see Assol; having entered swiftly and soundlessly, she came up to him without a word and nearly frightened him by the brightness of her expression, which mirrored her excitement. It seemed that her second being had come to light--true being to which a person's eyes alone usually attest. She was silent and looked into Longren's face so strangely that he quickly inquired: "Are you ill?" She did not immediately reply. When the meaning of his words finally reached her inner ear Assol started, as a twig touched by a hand, and laughed a long, even peal of quietly triumphant laughter. She had to say something but, as always, she did not have to think of what it would be. She said: "No. I'm well.... Why are you looking at

me like that? I'm happy. Really, I am, but it's because it's such a lovely day. What have you thought of? I can see by your look that you've thought of something." "Whatever I may have thought of," Longren said, taking her on his lap, "I know you'll understand why I'm doing it. We've nothing to live on. I won't go on a long voyage again, but I'll sign on the mailboat that plies between Kasset and Liss." "Yes," she said from afar, making an effort to share his cares and worries, but aghast at being unable to stop feeling so gay. "That's awful. I'll be very lonely. Come back soon." Saying this, she blossomed out in an irrepressible smile. "And hurry, dear. I'll be waiting for you." "Assol!" Longren said, cupping her face and turning it towards himself. "Tell me what's happened." She felt she had to dispel his fears and, overcoming her jubilation, became gravely attentive, all save her eyes, which still sparkled with a new life. "You're funny. Nothing at all. I was gathering nuts." Longren would not have really believed this had he not been so taken up by his own thoughts. Their conversation then became matter-of-fact and detailed. The sailor told his daughter to pack his bag, enumerated all he would need and had some instructions for her: "I'll be back in about ten days. You pawn my gun and stay at home. If anyone annoys you, say: 'Longren will be back soon.' Don't think or worry about me: Nothing will happen to me." He then had his dinner, kissed her soundly and, slinging the bag over his shoulder, went out to the road that led to town. Assol looked after him until he turned the bend and then went back into the house. She had many chores to do, but forgot all about them. She looked around with the interest of slight surprise, as if she were already a stranger to this house, so much a part of her for as far back as she could recall that it seemed she had always carried its image within her, and which now appeared like one's native parts do when revisited after a lapse of time and from a different kind of life. But she felt there was something unbecoming in this rebuff of hers, something wrong. She sat down at the table at which Longren made his toys and tried to glue a rudder to a stern; as she looked at these objects she unwittingly imagined them in their true sizes, and real. All that had happened that morning once again rose up within her in trembling excitement, and a golden ring as large as the sun fell to her feet from across the sea. She could not remain indoors, left the house and set out for Liss, She had no errand there at all, and did not know why she was going, yet could not but go. She met a man on the way who asked for directions; she explained all in detail to him, and the incident was immediately forgotten. The long road slipped by as if she had been carrying a bird that had completely

absorbed her tender attention. Approaching the town, she was distracted somewhat by the noise given off by its great circle, but it had no power over her as before, when, frightening and cowing her, it had made her a silent coward. She stood up to it. She passed along the circle of the boulevard leisurely, crossing the blue shadows of the trees, glancing up at the faces of passers- by trustingly and unselfconsciously, walking slowly and confidently. The observant had occasion during the day to note the stranger here, an unusual-looking girl who had passed through the motley crowd, lost in thought. In the square she held her hand out to the stream of water in the fountain, fingering the sparkling spray; then she sat down, rested a while and returned to the forest road. She traversed it in refreshed spirits, in a mood as peaceful and clear as a stream in evening that had finally exchanged the flashing mirrors of the day for the calm glow of the shadows. Approaching the village, she saw the selfsame coalman who had imagined his basket sprouting blossoms; he was standing beside his cart with two strange, sullen men who were covered with soot and dirt. Assol was very pleased. “Hello, Phillip. What are you doing here?” “Nothing, Midge. A wheel got loose. I fixed it, and now I’m having a smoke and talking to my friends. Where were you?” Assol did not reply. “You know, Phillip, I like you very much, and that’s why you’re the only one I’m telling this to. I’ll be leaving soon. I’ll probably be going away for good. Don’t tell anyone, though.” “You mean you want to go away? Where to?” The coalman was so surprised he gaped, which made his beard still longer than it was. “I don’t know.” Slowly, she took in the clearing, the elm under which the cart stood, the grass that was so green in the pink twilight, the silent, grimy coalmen and added after a pause: “I don’t know. I don’t know the day or the hour, or even where it’ll be. I can’t tell you any more. That’s why I want to say goodbye, just in case. You’ve often given me a lift.” She took his huge, soot-blackened hand and more or less managed to give it a shake. The worker’s face cracked in a stiff smile. The girl nodded, turned and walked off. She disappeared even before Phillip and his friends had a chance to turn their heads. “Ain’t it a wonder?” The coalman said. “How’s a body to understand that?

There’s something about her today... funny, like, I mean.” “You’re right,” the second man agreed. “You can’t tell whether she was just saying that or trying to make us believe her. It’s none of our business.” “It’s none of our business,” said the third and sighed. Then the three of them got into the cart and, as the wheels clattered over the rocky road, disappeared in a cloud of dust.

# VII

# THE CRIMSON SECRET

It was a white hour of morning; a faint mist crowded with strange phantoms filled the great forest. An unnamed hunter, having just left his campfire, was making his way parallel to the river; the light of its airy emptiness glimmered through the trees, but the cautious hunter did not approach the river as he examined the fresh tracks of a bear that was heading for the mountains. A sudden sound rushed through the trees with the unexpectedness of an alarming chase; it was the clarinet bursting into song. The musician, having come up on deck, played a passage full of sad and mournful repetition. The sound trembled like a voice concealing grief; it rose, smiled in a sad trill and ended abruptly. A distant echo hummed the same melody faintly. The hunter, marking the tracks with a broken twig, made his way to the water. The fog had not yet lifted; it obscured the silhouette of a large ship turning slowly out of the river. Its furled sails came to life, hanging down in festoons, coming unfurled and covering the masts with the helpless shields of their huge folds; he could hear voices and the sound of steps. The off-shore wind, attempting to blow, picked at the sails lazily; finally, the sun's warmth had the desired effect; the pressure of the wind increased, lifted the fog and streamed along the yards into the light crimson shapes so full of roses. Rosy shadows slipped along the white of the masts and rigging, and everything was white except the unfurled, full-blown sails which were the colour of true joy-The hunter, staring from the bank, rubbed his eyes hard until he was finally convinced that what he was seeing was indeed so and not otherwise. The ship disappeared around a bend, but he still stood there, staring; then, shrugging, he went after his bear. While the Secret sailed along the river, Gray stood at the helm, not trusting it to the helmsman, for he was afraid of shoals. Panten sat beside

him, freshly- shaven and sulking resignedly, and wearing a new worsted suit and a shiny new cap. As before, he saw no connection between the crimson magnificence and Gray's intentions. "Now," said Gray, "when my sails are glowing, the wind is fair and my heart is overflowing with joy that is greater than what an elephant experiences at the sight of a small bun, I shall try to attune you to my thoughts as I promised back in Liss. Please bear in mind that I don't consider you dull- witted or stubborn, no; you are an exemplary seaman and this means a lot. But you, as the great majority of others, hear the voices of all the simple truths through the thick glass of life; they shout, but you will not hear them. What I'm doing exists as an old-fashioned belief in the beautiful and unattainable, and what, actually, is as attainable and possible as a picnic. You will soon see a girl who cannot, who must not marry otherwise than in the manner I am following and which you are witnessing." He related in short that which we know so well, concluding thus: "You see how closely entwined here are fate, will and human nature; I'm going to the one who is waiting and can wait for me alone, while I do not want any other but her, perhaps just because, thanks to her, I've come to understand a simple truth, namely: You must make so-called miracles come true yourself. When a person places the most importance on getting a treasured copper it's not hard to give him that copper, but when the soul cherishes the seed of an ardent plant--a miracle, make this miracle come true for it if you can. "This person's soul will change and yours will, too. When the chief warden releases a prisoner of his own free will, when a billionaire gives his scribe a villa, a chorus girl and a safe, and when a jockey holds back his horse just once to let an unlucky horse pass him,-- then everyone will understand how pleasant this is, how inexpressibly wonderful. But there are miracles of no less magnitude: A smile, merriment, forgiveness and... The right word spoken opportunely. If one possesses this--one possesses all. As for me, our beginning--Assol's and mine--will forever remain to us in a crimson glow of sails, created by the depths of a heart that knows what love is. Have you understood me?" "Yes, Captain." Panten cleared his throat and wiped his moustache with a neatlyfolded, clean handkerchief. "I understand everything. You've touched my heart. I'll go below and tell Nicks I'm sorry I cursed him for sinking a pail yesterday. And I'll give him some tobacco--he lost his at cards yesterday." Before Gray, who was somewhat surprised at the quick practical effect his words had had, was able to reply, Panten had clattered down the ladder and heaved a sigh in the distance. Gray looked up over his shoulder;

the crimson sails billowed silently above him; the sun in their seams shone as a purple mist. The Secret was heading out to sea, moving away from the shore. There was no doubt in Gray's ringing soul -- no dull pounding of anxiety, no bustle of small worries; as calmly as a sail was he straining towards a heavenly goal, his mind full of those thoughts which forestall words. The puffs of smoke of a naval cruiser appeared on the horizon. The cruiser changed its course and, from a distance of half a mile, raised the signal that stood for "lie to". "They won't shell us, boys," Gray said. "Don't worry! They simply can't believe their eyes." He gave the order to lie to. Panten, shouting as if there were a fire, brought the Secret out of the wind; the ship stopped, while a steam launch manned by a crew and lieutenant in white gloves sped towards them from the cruiser; the lieutenant, stepping aboard the ship, looked around in amazement and followed Gray to his cabin, from which he emerged an hour later, smiling as if he had just been promoted and, with an awkward wave of his hand, headed back to his blue cruiser. This time Gray had apparently been more successful than he had with the unsophisticated Panten, since the cruiser, pausing shortly, blasted the horizon with a mighty salvo whose swift bursts of smoke, ripping through the air in great, flashing balls, furled away over the still waters. All day long there was an air of half-festive bewilderment on board the cruiser; the mood was definitely not official, it was one of awe -- under the sign of love, of which there was talk everywhere,-- from the officers' mess to the engine room; the watch on duty in the torpedo section asked a passing sailor: "How'd you get married, Tom?" "I caught her by the skirt when she tried to escape through the window," Tom said and twirled his moustache proudly. For some time after the Secret plied the empty sea, out of sight of the shore; towards noon they sighted the distant shore. Gray lifted his telescope and trained it on Kaperna. If not for a row of roofs, he would have spotted Assol sitting over a book by the window in one of the houses. She was reading; a small greenish beetle was crawling along the page, stopping and rising up on its front legs, looking very independent and tame. It had already been blown peevishly onto the window-sill twice, from whence it had reappeared as trustingly and unafraid as if it had had something to say. This time it managed to get nearly as far as the girl's hand which was holding the corner of the page; here it got stuck on the word "look", hesitated as if awaiting a new squall and, indeed, barely escaped trouble, since Assol had already exclaimed:

“Oh! That... silly bug!”--And was about to blow the visitor right into the grass when a chance shifting of her eyes from one rooftop to another revealed to her in the blue strip of sea at the end of the street a white ship with crimson sails. She started visibly, leaned back and froze; then she jumped up, her heart sinking dizzily, and burst into uncontrollable tears of inspired shock. Meanwhile, the Secret was rounding a small cape, its port side towards the shore; soft music wafted over the light-blue hollow, coming from the white deck beneath the crimson silk; the music of a lilting melody expressed not too successfully by the well-known words: “Fill, fill up your glasses -- and let us drink to love....” In its simplicity, exulting, excitement unfurled and rumbled. Unmindful of how she had left the house, Assol ran towards the sea, caught up by the irresistible wind of events; she stopped at the very first corner, nearly bereft of strength; her knees buckled, her breath came in gasps and consciousness hung by a thread. Beside herself from fear of losing her determination, she stamped her foot and ran on. Every now and then a roof or a fence would hide the crimson sails from view; then, fearful lest they had disappeared like some ordinary mirage, she would hurry to pass the tormenting obstacle and, sighting the ship once again, would stop to heave a sigh of relief. Meanwhile, there was such commotion, such an uproar and such excitement in Kaperna as was comparable to the effect of the famous earthquakes. Never before had a large ship approached this shore; the ship had the very same sails whose colour sounded like a taunt; now they were blazing brightly and incontestably with the innocence of a fact that refutes all the laws of being and common sense. Men, women and children were racing helter-skelter towards the shore; the inhabitants shouted to each other over their fences, bumped into each other, howled and tumbled; soon a crowd had gathered at the water’s edge, and into the crowd Assol rushed. As long as she was not there her name was tossed around with a nervous and sullen tenseness, with hateful fear. The men did most of the talking; the thunderstruck women sobbed in a choked, snake-like hissing, but if one did begin to rattle -- the poison rose to her head. The moment Assol appeared everyone became silent, everyone moved away from her in fear, and she remained alone on the empty stretch of hot sand, at a loss, shamed and happy, with a face no less crimson than her miracle, helplessly stretching her hands towards the tall ship. A rowboat manned by bronzed oarsmen detached itself from the ship; among them stood he whom she now felt she had known, had dimly recalled since childhood. He was looking at her with a smile which warmed and

beckoned. But thousands of last-stand, silly fears gripped Assol; deathly afraid of everything--an error, misunderstanding, some mysterious or evil hindrance -- she plunged waist-deep into the warm undulation of the waves, shouting: “I’m here, I’m here! It’s me!” Then Zimmer raised his bow -- and the very same melody struck the nerves of the crowd, but this time it was a full-voiced, triumphant choir. From excitement, the motion of the clouds and waves, the glitter of the water and the distance the girl was hardly able to discern what was moving: she herself, the ship or the rowboat,-- everything was moving, spinning and falling. But an oar slashed the water next to her; she raised her head. Gray bent down, and her hands gripped his belt. Assol shut her eyes tight; then she opened them quickly, smiled boldly into his beaming face and said breathlessly: “Just as I imagined you.” “And you, too, my dear!” Gray said, lifting his wet treasure from the water. “I’ve come at last. Do you recognize me?” She nodded, holding onto his belt, trembling with a reborn soul and eyes shut quiveringly tight. Happiness was as a soft kitten curled up inside of her. When Assol decided to open her eyes the rocking of the rowboat, the sparkle of the waves, the huge, approaching, moving side of the Secret--all was a dream, where the light and the water bobbed and spun like sun-sports cavorting on a sunshine-streaked wall. She did not remember how she was carried up the gangplank in Gray’s strong arms. The deck, covered and draped with rugs, engulfed by the crimson splashing of the sails, was like a heavenly garden. And soon Assol saw that she was in a cabin--in a room than which nothing could be better. Then from above, rending and absorbing the heart in its triumphant cry, once again the thunderous music crashed. Once again Assol shut her eyes, fearful lest all this disappear if she were to look. Gray took her hands and, knowing now where safety lay, she buried her tear-stained face on the breast of her beloved, who had appeared so miraculously. Gently, but with a smile, for he, too, was overwhelmed and amazed by the coming of the inexpressible, precious minute, inaccessible to anyone else, Gray tilted up this face that had haunted him for so long, and the eyes of the girl finally opened wide. All that was best in a person was in them. “Will you take my Longren with us?” She said. “Yes.” And he kissed her so passionately after saying this firm “yes” that she laughed delightedly. We shall leave them now, knowing that they should be alone. There are many words in the many languages and dialects of the world, but none of them can even faintly convey that which they said to each other that day. Meanwhile, up on deck, by the mainmast the entire crew waited at the wormeaten cask with the top knocked off to reveal the

hundred- year old dark magnificence. Atwood stood by; Panten sat as primly blissful as a newborn babe. Gray came up on deck, signalled to the orchestra and, removing his cap, was the first to dip a glass, to the accompaniment of the golden horns, into the sacred wine. “There...” he said, when he had drunk and then tossed down his glass. “Now drink. Everybody, drink! Anyone who doesn’t drink is my enemy.” He did not have to repeat his words. As the Secret proceeded at full speed, under full sail, away from Kaperna, which had been struck dumb forever, the jostling around the cask was greater than anything in this manner that occurs at great fetes. “How did you like it?” Gray asked Letika. “Captain,” the sailor said, searching for the right words, “I don’t know whether it liked me, but I’ll have to think over my impressions. Beehive and orchard!” “What?” “I mean it’s like having a beehive and an orchard put into my mouth. Be happy, Captain. And may she whom I will call ‘the best cargo’, the Secret’s best prize, be happy, too!” When dawn broke the following morning the ship was far from Kaperna. Part of the crew were asleep where they had stretched out on deck, overcome by Gray’s wine; only the helmsman, the watch and a thoughtful and tipsy Zimmer who sat near the prow with his chin resting on the finger-board of his cello were up. He sat there, drawing his bow across the strings softly, making them speak in a magic, heavenly voice, and was thinking of happiness.